

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH
TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN
CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRIỂN KHAI MÔ HÌNH
TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
LỚP 6

(Lưu hành nội bộ)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Hoạt động cá nhân



Hoạt động cặp đôi



Hoạt động nhóm



Hoạt động chung cả lớp



Hoạt động với cộng đồng

MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
Phần I	Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp THCS	5
A	Khái quát về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở	5
I	Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới ở Việt Nam	5
II	Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở	6
B	Kế hoạch giáo dục lớp 6 theo mô hình trường học mới	7
I	Khung kế hoạch chung đối với các môn học/HĐGD lớp 6	7
II	Yêu cầu chung về kế hoạch bài học	8
C	Các đặc trưng cơ bản của mô hình trường học mới	9
I	Tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học	9
II	Tổ chức lớp học	18
D	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	40
I	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	40
II	Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo	40
III	Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	41
Đ	Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới cấp THCS	42
I	Mục đích đánh giá	42
II	Nguyên tắc đánh giá	42
III	Nội dung đánh giá	43
IV	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ	43
V	Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng	46
VI	Hồ sơ đánh giá	47
VII	Sử dụng kết quả đánh giá	48
VIII	Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh	49

	Nội dung	Trang
E	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng "Trường học kết nối"	50
I	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn	50
II	Tham gia các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối”	56
G	Trách nhiệm của các cấp quản lý địa phương trong việc triển khai mô hình trường học mới cấp THCS	85
I	Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo	85
II	Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	85
III	Trách nhiệm của hiệu trưởng	86
Phần II	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá Hoạt động giáo dục lớp 6 theo mô hình trường học mới cấp THCS	88
I	Vị trí, đặc điểm môn học	88
II	Chương trình môn học	88
	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá Hoạt động giáo dục Âm nhạc lớp 6	90
	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá Hoạt động giáo dục Mĩ thuật lớp 6	132
	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá Hoạt động giáo dục Thể dục lớp 6	172

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI Ở VIỆT NAM

Từ năm học 2011–2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình trường học mới đối với cấp tiểu học với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng qua tự học và hoạt động tập thể; phù hợp với điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam, đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục. Qua ba năm triển khai ở cấp tiểu học đã khẳng định trường học mới là một kiểu mô hình nhà trường hiện đại, tiên tiến, phù hợp với mục tiêu đổi mới và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Đến năm học 2014–2015 đã có 1447 trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc có học sinh học hết lớp 5 theo mô hình này. Từ 1447 trường được hỗ trợ qua dự án, đã có nhiều trường tự đảm bảo các điều kiện để triển khai áp dụng mô hình trường học mới. Năm học 2015–2016, cả nước có trên 3700 trường triển khai áp dụng mô hình này.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh THCS học theo mô hình trường học mới, nhất là những học sinh đã học theo mô hình trường học mới cấp tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum) triển khai thực nghiệm thành công mô hình ở 48 lớp 6 của 24 trường THCS

Từ năm học 2015–2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực điểm mô hình trường học mới ở lớp 7 tại 6 tỉnh nói trên với các học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 6; đồng thời nhân rộng chương trình lớp 6 ra 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Hiện nay đã có hơn 1600 trường THCS đăng ký tham gia triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 năm học 2015–2016.

II. ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

Mô hình trường học mới THCS được triển khai dựa trên sự phối hợp giữa hoạt động học tập cá thể với sự tương tác học sinh – học sinh và học sinh – giáo viên; hướng học sinh đến sự phát triển toàn diện, không chỉ hoạt động lĩnh hội kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế sinh động, năng lực tự học, kỹ năng sống, tự phục vụ bản thân, tự quản tập thể, bồi dưỡng hứng thú học tập để học tập suốt đời. Mô hình trường học mới THCS chú trọng phát huy năng lực riêng của từng học sinh, không ứng xử một cách đồng loạt bằng cách quan tâm đến từng học sinh ngay trong quá trình học, kịp thời động viên kết quả đạt được, phát hiện những điểm mạnh để khuyến khích, những khó khăn để hướng dẫn, trợ giúp; đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh theo yêu cầu giáo dục, không so sánh học sinh này với học sinh khác. Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới THCS so với mô hình trường học hiện nay là:

1. Hoạt động học của học sinh được coi là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm. Học sinh được khuyến khích, tạo cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động theo nhóm và tự học. Từ đó, các em có thể khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng mới; đồng thời phát triển nhiều phẩm chất và năng lực quan trọng như: tính chủ động, tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập, năng lực tư duy phê phán và tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Giáo viên tận dụng khả năng tổ chức các hoạt động để giúp học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống.
2. Tài liệu hướng dẫn học tập được thiết kế cho học sinh hoạt động, học nhóm, tự học; dùng chung cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Trong tài liệu, cấu trúc các hoạt động học tập theo các chủ đề; cung cấp kiến thức học kết hợp hướng dẫn phương pháp, hình thức học và phương pháp tư duy; nội dung học lồng ghép với các bước của các hoạt động học tập.
3. Giáo viên duy trì một môi trường học tập cởi mở, thân thiện, hiệu quả và đóng vai trò là người hướng dẫn học, quan tâm đến sự khác biệt trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh. Thông qua tổ chức các hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh, góc học tập, góc cộng đồng,... và hoạt động nhóm để hỗ trợ tích cực cho học tập và giáo dục học sinh. Từ đó học sinh được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình; rèn luyện, phát triển khả năng giao tiếp và lãnh đạo; nâng cao các phẩm chất và phong cách con người.
4. Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình được tham gia vào quá trình giáo dục và các dự án học tập tại cộng đồng.

5. Đánh giá học sinh thường xuyên theo quá trình học tập nhằm kiểm tra và hướng dẫn phương pháp học tập có hiệu quả cho học sinh. Coi trọng việc học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và đánh giá của cha mẹ học sinh, cộng đồng. Kết hợp đánh giá kiến thức, kỹ năng với đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh.
6. Giáo viên có vị trí mới, được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng vai trò quan trọng là người hướng dẫn, tổ chức và quyết định trong các hoạt động học tập, giáo dục, đánh giá học sinh và phối hợp với cha mẹ học sinh và cộng đồng.

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP 6 TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. KHUNG KẾ HOẠCH CHUNG ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỚP 6

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền chủ động cho các trường thực hiện mô hình trường học mới xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD) lớp 6 như sau:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	2	70
5	Giáo dục công dân	1	35
6	Công nghệ	2	70
7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; Kỹ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương)	2	70

Tài liệu Hướng dẫn học các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng 2 tuần còn lại để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục học kỳ 1 và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; Hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng.

II. YÊU CẦU CHUNG VỀ KẾ HOẠCH BÀI HỌC

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học trong mô hình trường học mới, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kĩ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Chuỗi hoạt động học của học sinh thể hiện rõ tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của học sinh theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kĩ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kĩ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng mới; vận dụng kiến thức, kĩ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

Ví dụ: Trong dạy học ở trường THCS, để xây dựng một kiến thức cụ thể cho học sinh, tiến trình hoạt động giải quyết vấn đề được mô tả như sau: đề xuất vấn đề – suy đoán giải pháp – khảo sát lí thuyết và/hoặc thực nghiệm – kiểm tra, vận dụng kết quả. Theo đó, chuỗi hoạt động học của học sinh phù hợp với tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ bao gồm:

- a) Hoạt động khởi động: Từ nhiệm vụ cần giải quyết, học sinh huy động kiến thức, kĩ năng đã biết và nảy sinh nhu cầu về kiến thức, kĩ năng còn chưa biết, nhưng hi vọng có thể tìm tòi, xây dựng được; diễn đạt nhu cầu đó thành câu hỏi.
- b) Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động luyện tập: Để giải quyết vấn đề đặt ra, học sinh cần phải học lí thuyết hoặc/và thiết kế phương án thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm, thu lượm các dữ liệu cần thiết và xem xét, rút ra kết luận. Kiến thức, kĩ năng mới được hình thành giúp cho việc giải quyết được câu hỏi/vấn đề đặt ra.
- c) Hoạt động vận dụng: Trên cơ sở kiến thức, kĩ năng mới được hình thành, học sinh vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong học tập và cuộc sống hàng ngày.

- d) Hoạt động tìm tòi, mở rộng: Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức thông qua các nguồn tư liệu, học liệu, khác nhau; tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.
2. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình tổ chức mỗi hoạt động học của học sinh được thực hiện theo các bước như sau:
- a) Chuyển giao nhiệm vụ: Việc chuyển giao nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau: lời nói trực tiếp của giáo viên; tài liệu, học liệu..., đảm bảo tất cả học sinh quan tâm đến nhiệm vụ đặt ra, sẵn sàng nhận và tự nguyện thực hiện nhiệm vụ học tập.
- b) Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoạt động độc lập, tự chủ, trao đổi, tìm tòi cách thức để vượt qua khó khăn giải quyết nhiệm vụ. Trong quá trình đó, khi cần phải có sự định hướng của giáo viên.
- c) Tranh luận, khái quát hóa, vận dụng tri thức mới: Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh trình bày, tranh luận, bảo vệ sản phẩm học tập đã hoàn thành. Giáo viên bổ sung, chính xác hóa và khái quát hóa kiến thức cho học sinh.
3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà học sinh đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh.

C. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC VÀ PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC

1. Các loại tài liệu trong mô hình trường học mới

1.1. Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6

Các môn học lớp 6 theo mô hình trường học mới được thiết kế từ các môn học hiện hành trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành với việc tích hợp một số môn học theo định hướng mới: các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học tích hợp thành môn Khoa học tự

nhiên; các môn Lịch sử, Địa lí tích hợp thành môn Khoa học xã hội. Ngoài các môn ngoại ngữ được thực hiện theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", tài liệu Hướng dẫn học các môn học theo mô hình trường học mới được thiết kế, biên soạn lại trên cơ sở đảm bảo mục tiêu và nội dung của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm:

- Hướng dẫn học Toán lớp 6;
- Hướng dẫn học Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học tự nhiên lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Vật lý, Hóa học và Sinh học lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học xã hội lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Địa lí và Lịch sử lớp 6;
- Hướng dẫn học Công nghệ lớp 6;
- Hướng dẫn học Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn học Giáo dục công dân lớp 6;

Như vậy, so với quy định hiện hành, số lượng các môn học trong mô hình trường học mới giảm đi nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS hiện hành, đồng thời khắc phục được sự trùng lặp về nội dung trong nội bộ môn học cũng như trùng lặp giữa các môn học như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học theo các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

1.2. Tài liệu hướng dẫn giáo viên

Tài liệu hướng dẫn giáo viên được biên soạn nhằm giúp giáo viên hiểu rõ hơn về việc tích hợp các nội dung dạy học để xây dựng các chủ đề, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi chủ đề theo tài liệu Hướng dẫn học. Tài liệu hướng dẫn giáo viên gồm có:

- Hướng dẫn giáo viên Toán lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học tự nhiên lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học xã hội lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Công nghệ 6;
- Hướng dẫn giáo viên Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 6;
- Hướng dẫn phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

2. Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học

2.1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, quá trình dạy học theo mô hình trường học mới, học sinh được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

– Về nội dung, tài liệu Hướng dẫn học các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự lực của học sinh. Hoạt động học mỗi chủ đề có thể và cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Hoạt động giáo dục, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

– Về phương pháp dạy học, tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kỹ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, học sinh được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.

– Về đánh giá, mỗi hoạt động học của học sinh được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của học sinh, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của học sinh.

2.2. Mô hình cấu trúc bài học

Trong mỗi bài học của tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD luôn đảm bảo 5 hoạt động cơ bản sau:

a) Hoạt động khởi động

Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

Lưu ý: Nhiệm vụ học tập được giao cho học sinh trong hoạt động "Khởi động" cần đảm bảo rằng học sinh không thể giải quyết trọn vẹn với kiến thức, kỹ năng cũ mà cần phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới trong các hoạt động "Hình thành kiến thức" và "Luyện tập" để hoàn thiện. Có thể hình dung 3 hoạt động này đã đáp ứng đầy đủ mục tiêu dạy học theo chương trình, sách giáo khoa hiện hành, cần đảm bảo cho tất cả học sinh đều thực hiện được.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng đã có của bản thân. Giáo viên sẽ giúp học sinh xây dựng kiến thức, kỹ năng mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức, kỹ năng cũ và mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/khái niệm/công thức mới...

c) Hoạt động luyện tập

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ, làm các bài tập cụ thể giống như các nhiệm vụ, bài tập trong bước hình thành kiến thức, để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, từ đó áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

d) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần hướng dẫn học sinh tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, học sinh có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

đ) Hoạt động tìm tòi mở rộng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh không bao giờ bằng lòng, thỏa mãn với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học tập, học tập suốt đời. Giáo viên cần khuyến khích học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

☞ *Lưu ý:* Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" là các hoạt động giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học, giáo viên không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong tài liệu Hướng dẫn học chỉ là những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện, mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành,... để học sinh tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn nhằm vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được trong bài học; tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rõ rằng không được/không nên yêu cầu tất cả học sinh phải thực hiện giống nhau đối với các hoạt động này; sản phẩm học tập của mỗi học sinh/nhóm học sinh trong các hoạt động này có thể không giống nhau.

Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" có bản chất là hoạt động trải nghiệm của học sinh, có thể được thực hiện trong phòng thí nghiệm ở trường, tại viện bảo tàng, các địa danh lịch sử văn hóa hoặc tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng. Trong mỗi bài học, tùy vào nội dung kiến thức, cần gợi ý cho học sinh quan sát, phát hiện những hiện tượng, sự kiện, tình huống, vấn đề có liên quan trong hoạt động sống hàng ngày để vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết. Những hoạt động đó bắt đầu từ các nhiệm vụ học tập như:

- Thực hiện thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của nhà trường để chứng minh cho kiến thức đã học;
- Tìm kiếm tư liệu và minh chứng để chứng minh cho một kiến thức đã học hoặc làm rõ về một sự kiện, một di tích hay một di sản...
- Xác định một vấn đề để báo cáo sau một chuyến tham quan thực tế, đọc một bài văn hay xem một bộ phim khoa học;
- Sáng tác một điệu nhảy, một bài hát, một điệu nhạc; viết và thể hiện một bài thuyết trình; sáng tác và thể hiện một tiểu phẩm;...
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các tình huống thực tiễn.

2.3. Tổ chức dạy học theo dự án

2.3.1. Quan niệm dạy học dự án

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, báo cáo. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án.

2.3.2. Đặc điểm của dạy học dự án

Trong các tài liệu về dạy học dự án có rất nhiều đặc điểm được đưa ra. Các nhà sư phạm khi xác lập cơ sở lý thuyết cho dạy học dự án này đã nêu ra 3 đặc điểm cốt lõi của dạy học dự án: định hướng học sinh, định hướng thực tiễn và định hướng sản phẩm. Có thể cụ thể hoá các đặc điểm của dạy học dự án như sau:

a) Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội và đời sống. Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của học sinh.

b) Có ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lý tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

c) Định hướng hứng thú học sinh: Học sinh được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của học sinh cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

d) Tính phức hợp: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

đ) Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của học sinh.

e) Tính tự lực cao của học sinh: Trong dạy học dự án, học sinh cần tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của học sinh. Giáo viên chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của học sinh và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

g) Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên

tham gia, giữa học sinh và giáo viên cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.

h) Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lý thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

2.3.3. Các dạng của dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dạy học theo dự án:

a) Phân loại theo chuyên môn

- Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.
- Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.
- Dự án ngoài môn học: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.

b) Phân loại theo sự tham gia của học sinh: Dự án cho nhóm học sinh, dự án cá nhân. Dự án dành cho nhóm học sinh là hình thức dự án dạy học chủ yếu.

c) Phân loại theo sự tham gia của giáo viên: dự án dưới sự hướng dẫn của một giáo viên, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều giáo viên.

d) Phân loại theo quỹ thời gian: Có thể phân chia như sau:

- Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2–6 giờ học.
- Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày, nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.
- Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần.

đ) Phân loại theo nhiệm vụ

Dựa theo nhiệm vụ trọng tâm của dự án, có thể phân loại các dự án theo các dạng sau:

- Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.
- Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.
- Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.
- Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng.

2.3.4. Tiến trình thực hiện dạy học theo dự án

Dựa trên cấu trúc của tiến trình phương pháp, người ta có thể chia cấu trúc của dạy học theo dự án làm nhiều giai đoạn nhỏ hơn. Sau đây trình bày một cách phân chia các giai đoạn của dạy học theo dự án theo 5 giai đoạn.

a) Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án: Giáo viên và học sinh cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Cần chú ý đến hứng thú của học sinh cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài. Giáo viên có thể giới thiệu một số hướng đề tài để học sinh lựa chọn và cụ thể hoá. Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định đề tài có thể xuất phát từ phía học sinh. Giai đoạn này được mô tả thành hai giai đoạn là đề xuất sáng kiến và thảo luận sáng kiến.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện: Trong giai đoạn này học sinh với sự hướng dẫn của giáo viên xây dựng đề cương cũng như kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

c) Thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này học sinh thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lý thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

d) Thu thập kết quả và công bố sản phẩm: Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo,... Trong nhiều dự án các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn một vở kịch, việc tổ chức một sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm học sinh, có thể được giới thiệu trong nhà trường hay ngoài xã hội.

đ) Đánh giá dự án: Giáo viên và học sinh đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả của dự án cũng có thể được đánh giá từ bên ngoài. Hai giai đoạn cuối này cũng có thể được mô tả chung thành giai đoạn kết thúc dự án.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây

dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án. Giai đoạn 4 và 5 cũng thường được mô tả chung thành một giai đoạn (giai đoạn kết thúc dự án).

Như vậy, dạy học dự án là một hình thức dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc phát triển năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của học sinh. Những đặc trưng và ưu điểm của dạy học dự án rất phù hợp với đặc trưng của mô hình trường học mới THCS.

Để tận dụng những ưu điểm của dạy học dự án vào mô hình trường học mới THCS, đồng thời giúp học sinh làm quen dần với hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho học sinh trung học, giáo viên bộ môn cần xây dựng một số dự án học tập (tối thiểu 2 dự án/phân môn/lớp), tập trung vào các chủ đề liên môn với nội dung giáo dục liên quan đến các vấn đề thời sự của địa phương, đất nước, ví dụ: Giáo dục đạo đức, pháp luật; Bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn nước; Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống; Giới và bình đẳng giới; An toàn giao thông; Sử dụng năng lượng hiệu quả; Ứng dụng kiến thức, kỹ năng trong chương trình học vào thực tiễn; ... Trong tài liệu hướng dẫn giáo viên có gợi ý một số dự án dạy học để giáo viên tham khảo xây dựng các dự án dạy học của môn học/HĐGD. Tùy điều kiện thực tế, các bài học theo dự án này được bổ sung vào kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

2.4. Đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học

Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, các sản phẩm học tập được nhận xét, đánh giá, chia sẻ dưới nhiều hình thức. Sau mỗi hoạt động học, học sinh cần phải hoàn thành một sản phẩm học tập, báo cáo với giáo viên để được nhận xét, đánh giá.

– Hình thức đánh giá trong quá trình hoạt động học trên lớp chủ yếu là nhận xét bằng lời, đồng thời gợi ý, hướng dẫn để học sinh tiếp tục hoàn thiện sản phẩm học tập và học tiếp. Khi giáo viên nhận xét bằng lời, cần lưu ý rèn luyện cho học sinh thói quen ghi chép lại những lời nhận xét đó vào vở để hoàn thiện sản phẩm học tập, đồng thời để sử dụng trong quá trình ôn tập về sau.

– Đối với một số học sinh đặc biệt (học sinh có quá trình hoạt động học và đạt được kết quả tốt hoặc học sinh còn yếu, kém) thì giáo viên có thể ghi trực tiếp những lời nhận xét, đánh giá và vở của học sinh, để vừa động viên, nhắc nhở học sinh, vừa phối hợp với gia đình trong việc động viên, giúp đỡ học sinh tiến bộ.

– Trong các hoạt động học, nhất là hoạt động "Luyện tập", sản phẩm học tập của học sinh có thể là kết quả thí nghiệm; câu trả lời cho các câu hỏi định tính; lời giải cho các bài tập định lượng; lời lập luận, giải thích cho các ứng dụng thực tiễn..., giáo viên có thể nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành đồng thời gợi ý, định hướng để học sinh tiếp tục hoàn

thiện. Trong giai đoạn đầu, khi học sinh chưa quen với việc chỉ được đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, giáo viên cũng có thể cho điểm kèm theo để học sinh biết được mức độ hoàn thành bài luyện tập của mình. Tuy nhiên, cần thông báo cho học sinh biết điểm này sẽ không sử dụng khi đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học. Kết quả học tập môn học được ghi nhận theo hướng dẫn trong mục D.

– Ngoài việc được đánh giá, nhận xét, các sản phẩm học tập của học sinh, bao gồm sản phẩm hoạt động học trên lớp và nhất là các sản phẩm học tập ở nhà và cộng đồng (Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng), các dự án học tập... cần được chia sẻ cho đông đảo học sinh trong lớp bằng nhiều hình thức như: tổ chức báo cáo và thảo luận trên lớp; đưa vào góc học tập, góc thư viện; giao nhiệm vụ cho học sinh trong lớp tìm đọc, lựa chọn và nhận xét các sản phẩm học tập của bạn...

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của học sinh trong học tập trong lớp, trong trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các học sinh với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên – học sinh, học sinh – học sinh, gia đình – nhà trường – xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

II. TỔ CHỨC LỚP HỌC

1. Số lượng học sinh/lớp và số buổi học/tuần

1.1. Số lượng học sinh/lớp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGiáo dục và Đào tạo ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tối đa là 45 học sinh/lớp. Khuyến khích các trường tùy theo điều kiện thực tế giám sát số học sinh/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới.

1.2. Chương trình dạy học theo mô hình trường học mới THCS được thiết kế cho đối tượng học sinh học 1 buổi/ngày. Khuyến khích các trường dạy hơn 6 buổi/tuần bằng các biện pháp tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài lớp học. Việc tổ chức dạy học hơn 6 buổi/tuần cho các lớp học mô hình trường học mới (nếu có) được vận dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách phù hợp.

2. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời gian trước mắt, việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lí, Hóa học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lý trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong môn Hoạt động giáo dục) do giáo viên bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề

tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để Hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên thực hiện, nếu có chủ đề chung của các phân môn thì phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy. Thông qua việc triển khai thí điểm mô hình trường học mới và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được bồi dưỡng để tiến tới mỗi giáo viên có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học.

3. Về bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các lớp học theo mô hình trường học mới cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ... để tổ chức các hoạt động học tập. Căn cứ vào tiến trình dạy học của từng chủ đề cụ thể theo tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD, giáo viên đăng kí sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ..., đồng thời động viên giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho học sinh.

4. Tổ chức các hoạt động học của học sinh

4.1. Các hình thức hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động cá nhân: Loại hoạt động này yêu cầu học sinh thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của học sinh. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. Giáo viên cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của học sinh sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kĩ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm: Loại hoạt động này nhằm giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp: Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông học sinh, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe giáo viên hướng dẫn chung; nghe giáo viên nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; học sinh luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, giáo viên tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) Hoạt động với cộng đồng: Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của học sinh trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói

chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương, tham gia các dự án cộng đồng...

4.2. Tiến trình hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo mô hình trường học mới, học sinh ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào học sinh cũng hoạt động theo nhóm. Học sinh vẫn phải làm việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và của thiết kế hoạt động của giáo viên.

a) Làm việc cá nhân: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp học sinh có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, học sinh có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ giáo viên hỗ trợ.

b) Làm việc theo cặp (2 học sinh): Tuỳ theo hoạt động học tập, có lúc học sinh sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. Giáo viên lưu ý cách chia nhóm sao cho không học sinh nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, giáo viên phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả học sinh đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp học sinh tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

c) Làm việc chung cả nhóm: Trong các giờ học của trường học mới luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi học sinh tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung

về cách giải bài toán đó; hoặc là học sinh trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng;... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này để phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là phải giúp học sinh cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

d) Làm việc cả lớp: Khi học sinh có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều học sinh không thể vượt qua, giáo viên có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. Lưu ý rằng những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc nào: cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, giáo viên cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, giáo viên có sự thay đổi, ứng dụng linh động và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho học sinh.

Cần tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt học sinh theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng trong khi hầu hết học sinh đã hiểu và làm được; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ; cho học sinh giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt...

4.3. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, giáo viên. Cụ thể là:

a) Cá nhân: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của giáo viên; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của giáo viên.

b) Nhóm trưởng: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn; thay mặt nhóm để liên hệ với giáo viên và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm; điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên làm

thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

c) Thư kí của nhóm: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn, giáo viên có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo giáo viên. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm thư kí.

4.4. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhóm

– Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp giáo viên triển khai các hoạt động học tập.

– Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

– Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn giáo viên.

– Giúp đỡ học sinh, gợi mở để học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, giáo viên có thể gọi học sinh còn yếu; khi cần biểu dương khích lệ học tập, giáo viên có thể gọi học sinh khá giỏi thay mặt nhóm để báo cáo; giao thêm nhiệm vụ cho những học sinh hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...).

– Vừa hướng dẫn học tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định học sinh phát biểu, trình bày báo cáo ... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng học sinh, không tập trung vào một số học sinh trong lớp, trong nhóm.

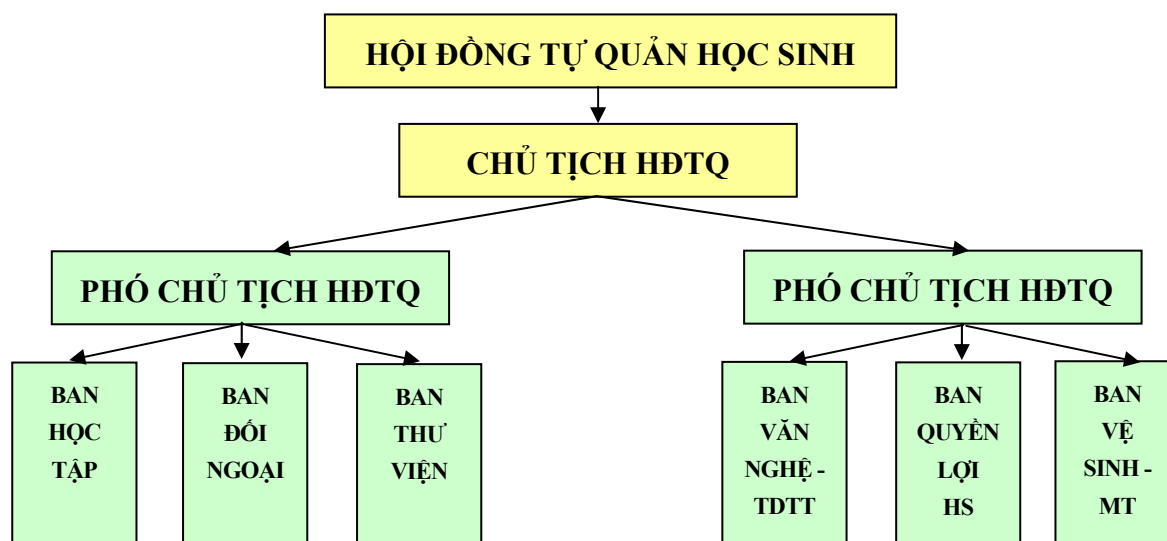
– Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. Học sinh hoặc nhóm học sinh đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ giáo viên giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

– Việc trợ giúp học sinh cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lí, linh hoạt để trợ giúp cho học sinh. Cần huy động được sự trợ giúp của học sinh khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp học sinh và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

5. Hội đồng tự quản học sinh

5.1. Giới thiệu về Hội đồng tự quản học sinh

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng tự quản học sinh như sau:



Hội đồng tự quản học sinh là một tổ chức của học sinh, do học sinh thành lập ở từng lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính các em đồng thời quản lí, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó; bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường và phát triển lòng khoan dung, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết cho học sinh.

Tổ chức Hội đồng tự quản học sinh là một biện pháp giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển về đạo đức, tình cảm và xã hội của học sinh thông qua những kinh nghiệm hoạt động thực tế của học sinh trong nhà trường và mối quan hệ với những người xung quanh.

Tham gia Hội đồng tự quản học sinh, học sinh sẽ có những tiến bộ rõ rệt về khả năng tự ý thức, lòng tự trọng, tính tự tin, các hành vi cư xử tôn trọng và bình đẳng giữa học sinh nam và học sinh nữ; phát triển kỹ năng ra quyết định, kỹ năng hợp tác và kỹ năng lãnh đạo đồng thời cũng chuẩn bị cho các em ý thức trách nhiệm khi thực hiện những quyền và bổn phận của mình.

5.2. Quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh

a) Chuẩn bị thành lập Hội đồng tự quản học sinh

Quá trình tiến hành thành lập Hội đồng tự quản học sinh nhất thiết phải có sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh với vai trò là người cố vấn khích lệ, hỗ trợ, giám sát và cung cấp nguồn lực cho các em. Giáo viên chủ nhiệm cần thông báo trước

chocha mẹ học sinh về việc thành lập Hội đồng tự quản học sinh để bất kì mối lo ngại, băn khoăn nào cũng sẽ được nêu lên ngay từ đầu chứ không phải trong một vài tuần đầu khi Hội đồng tự quản học sinh đã đi vào hoạt động, bởi vì những tuần đầu tiên là thời điểm mà hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh dễ bị “trục trặc” nhất. Giáo viên chủ nhiệm cũng phải chuẩn bị để thích ứng dần với vai trò hỗ trợ, định hướng của mình, khi học sinh được tin tưởng trao quyền chủ động hơn.

Học sinh nên được tạo cơ hội thảo luận cùng nhau về các vấn đề thế nào là Hội đồng tự quản học sinh? Mục đích thành lập Hội đồng tự quản học sinh là gì? Vì sao học sinh nên tham gia Hội đồng tự quản học sinh? Những lợi ích có thể có của Hội đồng tự quản học sinh tới cuộc sống của chính các em trong nhà trường? Những vai trò, trách nhiệm mà các em sẽ gánh vác?

Giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh trao đổi về kế hoạch hoạt động (nội dung, cách thức hoạt động) của Hội đồng tự quản học sinh; các ban chuyên trách có thể thành lập và nhiệm vụ của các ban; tiêu chuẩn học sinh được tham gia vào các ban; kế hoạch bầu cử,...

b) Tiến hành sinh hoạt tập thể để tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh

b1. Hoạt động chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi đã hoàn thành bước chuẩn bị về tư tưởng cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thảo luận về cơ cấu của Hội đồng tự quản học sinh. Thông thường là 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch. Tuy nhiên, số lượng phó chủ tịch có thể khác nhau tùy vào đặc điểm của từng lớp. Với sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm, học sinh trao đổi về những phẩm chất, năng lực cần có của các bạn trong Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý sử dụng những ngôn từ đơn giản, dễ hiểu cho học sinh.

Sau đó, học sinh lập danh sách ứng cử (những học sinh tự nguyện đăng kí) và danh sách đề cử (những bạn được các bạn khác tín nhiệm giới thiệu).

Học sinh tiến hành bầu ban kiểm phiếu gồm trưởng ban và một số các thành viên tùy vào số lượng học sinh của lớp. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý hướng dẫn kĩ cách làm việc của ban kiểm phiếu: chuẩn bị phiếu bầu (có thể phải có dấu hiệu gì đó để đảm bảo là phiếu của ban kiểm phiếu phát ra như chữ kí của trưởng ban kiểm phiếu hay của giáo viên chủ nhiệm), cách ghi phiếu bầu, kiểm phiếu bầu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Các ứng viên sẽ có thời gian để chuẩn bị phần tranh cử của mình. Đây là một hoạt động quan trọng nhằm tạo điều kiện cho học sinh được cảm thấy sự dân chủ, công bằng, bình đẳng và được học cách thuyết trình trước đám đông. Học sinh có thể nhờ tới sự tư vấn, hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các bạn học trong việc chuẩn bị tranh cử. Bài tranh cử của học sinh cần có những nội dung như: Giới thiệu về bản thân, những mong muốn của em về lớp học, những việc em sẽ làm nếu em trở thành Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh,... Những lời hứa này phải khả thi.

Với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, một học sinh sẽ được hướng dẫn trước để điều khiển quá trình bầu cử.

b2. Tổ chức bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Việc tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh cần được tiến hành đúng quy trình, dân chủ, tự nguyện và hấp dẫn như một ngày hội.

– Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh:

Học sinh điều khiển quá trình bầu cử thông qua nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh và tiêu chuẩn nhân sự.

Các ứng viên sẽ lần lượt tranh cử bằng các bài thuyết trình đã được chuẩn bị trước. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý không để học sinh cầm giấy đọc mà để các em chủ động thể hiện khả năng thuyết trình của mình.

Sau khi các ứng viên đã thuyết trình xong, ban kiểm phiếu làm việc (phát phiếu bầu, thu phiếu, kiểm phiếu). Các học sinh có số phiếu cao nhất từ trên xuống sẽ trúng cử vào vị trí Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh ra mắt cả lớp.

– Thành lập các ban chuyên trách:

Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh giới thiệu với cả lớp về mục đích thành lập các ban chuyên trách như: Ban học tập; Ban thư viện; Ban văn nghệ, thể thao; Ban đối ngoại; Ban vệ sinh; Ban hoà giải,... và nhiệm vụ của mỗi ban.

Sau khi cả lớp đã thống nhất và quyết định thành lập một số ban nào đó trong lớp, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch cho các bạn trong lớp tự nguyện đăng kí tham gia các ban. Nên khuyến khích mỗi học sinh trong lớp đều tham gia ít nhất một ban. Với những học sinh không đăng kí tham gia một ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể dành thời gian để tìm hiểu sở thích, nguyện vọng của các em đó để tư vấn đúng hướng hoặc nhờ tới sự trợ giúp của cha mẹ học sinh và các bạn trong lớp. Trong trường hợp vẫn còn một số học sinh do nhút nhát không tự đăng kí vào bất cứ ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể thành lập riêng một ban dành cho các em và gọi là Ban hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm cần trực tiếp hỗ trợ, động viên và tổ chức cho học sinh, cho cha mẹ học sinh giúp đỡ từng em trong Ban, tạo điều kiện cho từng em làm giúp thầy cô một số công việc trên lớp để các em mạnh dạn dần, đến khi các em chủ động đăng kí vào một ban nào đó.

Sau khi học sinh đã đăng kí xong vào các ban, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh cùng giáo viên chủ nhiệm thống nhất danh sách các ban, có thể vận động một số học sinh chuyển sang ban khác nếu cần thiết để có sự điều chỉnh hợp lý đối với từng ban. Tiếp theo, các ban sẽ tổ chức bầu Trưởng ban. Dưới sự điều khiển của Trưởng ban, các thành viên cùng lập kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc tất cả các thành viên trong ban cùng tham gia hoạt động. Để giúp các ban hoạt động hiệu quả, mỗi ban nên có sự hỗ trợ, tư vấn của cha mẹ học sinh và giáo viên chủ

nhiệm. Lưu ý là ở mỗi ban, các học sinh trong ban có nhiệm vụ đề xuất hoạt động và theo dõi việc thực hiện hoạt động đề ra. Các hoạt động này không phải chỉ do các bạn trong ban thực hiện mà cần có sự tham gia của học sinh cả lớp. Do vậy, quá trình thực hiện các hoạt động cũng giúp bản thân học sinh tự hiểu được mình phù hợp với ban nào và giúp giáo viên chủ nhiệm tư vấn đúng cho học sinh trong việc chuyển đổi ban. Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh phân công các Phó chủ tịch nhận trách nhiệm phụ trách các ban trong lớp theo khả năng và nguyện vọng của các Phó chủ tịch.

 Một số lưu ý:

- Hội đồng tự quản học sinh có thể thay đổi để đảm bảo tất cả học sinh trong lớp đều có cơ hội được tham gia và trải nghiệm. Thời gian thay một hay toàn bộ các thành viên nòng cốt tùy thuộc vào tình hình mỗi lớp học. Giáo viên chủ nhiệm cần nói rõ điều này ngay từ đầu để tránh cho học sinh khỏi những cảm xúc tiêu cực khi không được tham gia các vai trò quan trọng nữa.
- Nhìn chung, quá trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh nên cố gắng bám sát thực tiễn bầu cử của đất nước và địa phương để giúp học sinh hiểu được quá trình bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Trong quá trình thành lập, giáo viên chủ nhiệm nên khuyến khích học sinh có những biện pháp, ý tưởng mới của chính các em. Học sinh và giáo viên chủ nhiệm cùng tổ chức quá trình bầu cử. Cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng có thể được mời tham gia với tư cách quan sát viên.

5.3. Tăng cường năng lực cho Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi Hội đồng tự quản học sinh của lớp được thành lập, giáo viên chủ nhiệm cần bồi dưỡng những kỹ năng hoạt động cần thiết cho Hội đồng tự quản học sinh, các kỹ năng cần có của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban.

Để Hội đồng tự quản học sinh hoạt động có hiệu quả, giáo viên chủ nhiệm nên vận dụng kinh nghiệm của bản thân, của đồng nghiệp để hướng dẫn tổ chức hoạt động cho Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm có thể thực hiện những công việc sau:

- Hợp với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban để giúp các em lập kế hoạch hoạt động cho từng ban một các thực tế và khả thi.
- Thường xuyên rút kinh nghiệm về nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh với sự tham gia của học sinh và cha mẹ học sinh trong lớp.
- Thường xuyên giám sát, hỗ trợ Hội đồng tự quản học sinh, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều học sinh mạnh dạn tham gia ứng cử vào Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm nên chủ động thực hiện các hoạt động mẫu để hướng dẫn các em làm quen và dễ dàng thực hiện; cần kiên trì hướng dẫn, trân trọng từng hoạt động của học sinh.

– Luôn làm mới Hội đồng tự quản học sinh về nội dung và cơ cấu tổ chức nhân sự, mỗi năm học cần kiện toàn tổ chức Hội đồng tự quản học sinh ít nhất 2 lần.

– Theo dõi, đánh giá học sinh và ghi nhật kí đánh giá. Thực hiện đánh giá và khen thưởng kịp thời cuối học kì, cuối năm học và khen thưởng đột xuất với những cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả tốt cho Hội đồng tự quản học sinh.

5.4. Một số hoạt động do Hội đồng tự quản học sinh tổ chức

Để Hội đồng tự quản học sinh biết cách chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục và các sinh hoạt vui chơi khác, bên cạnh các công cụ hỗ trợ trong lớp học, giáo viên cần giới thiệu cho học sinh một số hoạt động và hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động đó để các em có thể thực hiện tốt vai trò “tự quản” của mình. Căn cứ vào nội dung học tập, vui chơi và tình hình lớp học, Hội đồng tự quản học sinh dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ lựa chọn các hoạt động phù hợp và tổ chức một cách có hiệu quả các hoạt động học tập, hoạt động hỗ trợ quá trình học tập, hoạt động vui chơi... tránh hình thức và lặp đi lặp lại quá nhiều.

Một số hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh đã được thử nghiệm và khẳng định là hữu ích cho công tác quản lí ở lớp học, trường học bao gồm:

a) Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động quản lí lớp học

– *Mục đích:* Hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm về quản lí lớp học; quản lí các hoạt động vui chơi; tổ chức các hoạt động nhóm; tự tổ chức các hoạt động giáo dục; truyền đạt ý kiến phản ánh của học sinh trong lớp. Những hoạt động trên giúp học sinh phát triển sự tự giác, chủ động khi tham gia các hoạt động của lớp; tạo cơ hội cho học sinh cảm nhận được mình là một phần của tập thể và có trách nhiệm để tập thể đó hoạt động và phát triển tốt; phát huy sự sáng tạo và để các học sinh có điều kiện được hỗ trợ lẫn nhau.

– *Cách tiến hành:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh trong lớp về việc các em sẽ tham gia tổ chức và quản lí các hoạt động của lớp. Chủ tịch, Phó chủ tịch với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và các Trưởng ban xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và trao đổi về các hoạt động dự kiến sẽ thực hiện với cả lớp. Khi Kế hoạch hoạt động đã được cả lớp nhất trí thông qua, Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh sẽ họp với Phó chủ tịch và các Trưởng ban để phân công nhiệm vụ cho từng ban theo dõi, quản lí, sử dụng các công cụ hỗ trợ đã được xây dựng và đang có trong lớp. Ví dụ:

+ Ban Kỉ luật chịu trách nhiệm về bảng theo dõi sĩ số và việc thực hiện nội quy của lớp. Trưởng ban cần tổng hợp tình hình và báo cáo hằng tuần trước lớp.

+ Ban Học tập chịu trách nhiệm định kì hằng tuần hoặc hằng tháng chia sẻ thông tin trước cả lớp về các lĩnh vực mà các bạn học sinh trong lớp đạt thành công hay tiến bộ, những vướng mắc cần sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm hoặc cha mẹ học sinh. Trưởng ban sẽ thay mặt cả lớp trình bày về điều này trong cuộc họp cha mẹ học sinh.

+ Ban Đối ngoại phụ trách việc bảo quản và thống kê cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi đi thăm một nơi nào đó. Ban đối ngoại có thể viết một bản tin định kì để công bố những thông báo hay kết luận quan trọng về các hoạt động được liệt kê trong Sổ ghi chép khách tham quan. Những thông tin này vừa được lưu giữ làm kỉ niệm, vừa là cơ sở cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm có những cân nhắc điều chỉnh cũng như là cơ hội cho học sinh lưu ý vào những điều hay khi mình đến thăm một nơi nào đó. Đây còn là cơ sở để phục vụ cho các dự án nghiên cứu của học sinh sau này để huy động cộng đồng tham gia.

Thời gian đầu, giáo viên chủ nhiệm nên hướng dẫn chi tiết và theo dõi cụ thể, thường xuyên các ban hoạt động. Dần dần, giáo viên chủ nhiệm giảm bớt sự kiểm soát và để các nhóm chủ động hoạt động. Thành viên của các ban có thể luân phiên thay đổi để đảm bảo tất cả các học sinh đều được tham gia vào các hoạt động quản lí lớp học.

b) Tổ chức xây dựng, quản lí sử dụng và phát triển góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bản đồ cộng đồng (được thể hiện chi tiết trong ở mục 6).

c) Công nhận những đức tính tốt

– Mục đích: Đây có thể coi là một cách “giáo dục đạo đức” một cách tự nhiên và thú vị. Hoạt động này tạo điều kiện cho học sinh tìm kiếm và nhìn vào những đức tính tốt, những điều hay từ phía bạn học để khích lệ động viên bạn tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp đó, đồng thời cũng là cơ hội để học sinh cả lớp cùng học tập những đức tính tốt. Đây còn là cơ hội cho học sinh được chia sẻ, gần gũi nhau hơn, góp phần tạo không khí thân thiện trong lớp.

– Cách tiến hành:

Bước 1: Cả lớp hoặc các tổ, nhóm ngồi theo vòng tròn. Giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ bìa. Các em sẽ viết tên của mình lên tờ bìa đó.

Bước 2: Học sinh chuyển tờ bìa cho bạn ngồi bên phải mình. Khi nhận được tờ bìa ghi tên một bạn nào đó, học sinh ghi một điểm tích cực của bạn đó vào tờ bìa. Cứ như vậy, các tờ bìa sẽ được chuyển hết một vòng. Cần lưu ý đảm bảo rằng, mỗi học sinh đều nhận được lời nhận xét tích cực của tất cả các bạn trong nhóm. (Lưu ý: Nên tránh những lời nhận xét về hình thức bề ngoài, xã giao hay cách ăn mặc mà nên nhận xét về tính cách, thái độ, khả năng học tập,... của bạn mình).

Khi học sinh nhận lại được tờ bìa của mình, các em sẽ đọc và nêu được, một số em sẽ chia sẻ những lời ghi trong tờ bìa với cả lớp.

Những tờ bìa này có thể được lưu giữ lại để chia sẻ cùng cha mẹ học sinh vào buổi họp cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh có thể viết thêm vào các đức tính tốt đẹp của con em mình. Điều này sẽ tạo được sự hào hứng của học sinh cũng như sự phấn khởi của cha mẹ học sinh và tăng thêm sự gắn kết giữa cha mẹ học sinh và lớp học.

Hoạt động này có thể được tổ chức sau mỗi một học kỳ để học sinh thấy được sự cố gắng được ghi nhận của mình trong một giai đoạn và sẽ tiếp tục phát huy những đức tính tốt ở học kỳ tiếp theo.

d) Xây dựng nội quy nhà trường

– Mục đích: Tạo cho học sinh cảm giác trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của trường mình, qua đó giúp học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

– Cách xây dựng: Trường cần tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của trường mình nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác.

Các lớp có thể tổ chức thảo luận trong lớp, sau đó cử đại diện dự buổi họp chung toàn trường để thảo luận, xây dựng nội quy của trường. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh và từng lớp học.

– Cách sử dụng: Các bản nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va chạm. Nhà trường và mỗi lớp cũng nên có một ban lo nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện nội quy của lớp mình.

Ở một số địa phương, tại các lớp học ít học sinh, bảng nội quy còn thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

đ) Ngày hội thành tựu

– Mục đích: Tạo cơ hội cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức cộng đồng cùng gặp nhau trong một ngày để công bố các thành tích và sự tiến bộ học tập của học sinh sau một năm học, đồng thời tham gia vào các hoạt động văn hoá và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa đối với nhà trường và cộng đồng. Đây là những cuộc gặp mặt rất quan trọng để tăng cường sự giao tiếp trao đổi giữa những người tham gia, trình bày và đưa ra các dự án, các kết quả và thành tích đạt được, các chương trình hành động tương lai có lợi cho cộng đồng và xây dựng tinh thần tôn trọng giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương.

– Cách tổ chức: Nhà trường, giáo viên, học sinh cùng cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng cùng bàn bạc về nội dung và hình thức tổ chức Ngày hội thành tựu. Có thể đan xen vào ngày hội một số hoạt động:

+ Báo cáo các thành tích của học sinh.

+ Các hoạt động văn hoá đặc sắc của địa phương.

+ Sự giao lưu từ cộng đồng.

+ Những dự án tiếp theo có lợi cho học sinh và cộng đồng và cần sự phối hợp của cộng đồng và cha mẹ học sinh...

Ngày hội thành tựu nên được tổ chức một năm một lần để đảm bảo sự liên kết thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Những vấn đề cơ bản về quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh và hướng dẫn được học sinh thành lập Hội đồng tự quản học sinh của lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

6. Không gian lớp học trong mô hình trường học mới

6.1. Khái quát về không gian lớp học mô hình trường học mới

Trong các lớp học theo mô hình trường học mới, cần bố trí một số không gian và tài liệu được giáo viên và Hội đồng tự quản học sinh sử dụng hàng ngày/tuần/tháng để phục vụ quá trình học tập tại lớp và tạo ra các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập và các sinh hoạt tập thể khác như: Góc học tập; Góc sáng tạo; Góc thư viện; Góc cộng đồng; Hòm thư “nhịp cầu bè bạn”; Hòm thư “điều em muốn nói”; Sổ đối nội, đối ngoại; Nhật kí cha mẹ học sinh;... (Gọi chung là công cụ hỗ trợ)

Học sinh cần được hướng dẫn sử dụng chúng để tham gia vào các hoạt động của lớp, giúp các em phát triển sự đam mê, sự sáng tạo, hình thành nhân cách và các kĩ năng hợp tác trong học tập; qua đó, giáo viên chủ nhiệm có thể phát hiện và nuôi dưỡng các tiềm năng, giải đáp những băn khoăn, lo lắng.

Học sinh sử dụng các không gian và tài liệu đó dựa trên vốn hiểu biết của mình, có thể có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, để chúng phát huy tác dụng trong việc quản lí, tổ chức, thúc đẩy quá trình học tập. Đây không phải là những hoạt động mang tính cạnh tranh mà là sự hỗ trợ lẫn nhau học tập trong một môi trường lớp học thân thiện. Giáo viên chủ nhiệm nên chú ý động viên các em tham gia và bên cạnh việc hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm nên tạo ra những thách thức mới để gây hứng thú và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em.

Giáo viên chủ nhiệm lưu ý trao đổi cùng cha mẹ học sinh và học sinh để xây dựng và sử dụng các không gian và tài liệu phù hợp nhất với điều kiện của lớp, để phục vụ có hiệu quả cho học tập và các hoạt động của lớp, tránh việc xây dựng và sử dụng một cách máy móc, hình thức.

Tùy không gian lớp học mà giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn Hội đồng tự quản học sinh lựa chọn và xây dựng số công cụ hỗ trợ phù hợp. Tránh tình trạng làm hình thức hoặc làm phức tạp cho không gian lớp học.

6.2. Một số công cụ hỗ trợ đã được thử nghiệm và có tác dụng tốt cho hoạt động học và công tác quản lí ở lớp học, trường học mới

a) Bảng theo dõi sĩ số

– Mục đích: Bảng này được thiết kế để theo dõi sĩ số của các em học sinh. Công cụ này như một bảng đánh giá cá nhân hoặc cho tập thể theo tuần, tháng hoặc theo kì. Bảng

theo dõi sĩ số giúp học sinh phát triển tính tự giác, đi học đúng giờ và có tinh thần trách nhiệm trong học tập đồng thời xây dựng cho các em ý thức được đi học là một quyền lợi đặc biệt, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. học sinh cần có được cảm giác thoải mái, vui vẻ khi đi học.

– Cách xây dựng: Có thể làm bảng chung của cả lớp hoặc theo nhóm. Trên bảng cần có tên của học sinh, ngày tháng và các ô tương ứng. Giáo viên chủ nhiệm cùng bàn bạc với học sinh hình thức điền vào ô như điền tên, tích, chấm cờ hoặc dán những hình ảnh yêu thích của mình. Bảng nên thay đổi theo tháng để tạo sự hứng thú cho học sinh.

– Cách sử dụng: Mỗi học sinh khi đến lớp sẽ tự động điền vào phần ô tương ứng với ngày đi học. Để học sinh chủ động làm việc này, thay vì trưởng nhóm hoặc trưởng ban, sẽ tạo hứng thú cho các em. Học sinh mong đến trường để tự mình ghi thêm thành tích chuyên cần cho mình. Vào cuối tuần, đại diện các nhóm sẽ có một bản báo cáo ngắn gọn gửi giáo viên chủ nhiệm.

b) Sổ nhật kí học tập và tham gia hoạt động của học sinh

– Mục đích: Cuốn sổ này giúp học sinh có ý thức hơn và cố gắng nhiều hơn trong việc học tập và tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học, trường học. Việc thường xuyên chia sẻ thông tin trong cuốn sổ còn là hình thức khuyến khích và ghi nhận những thành tích của học sinh. Đây còn là công cụ giúp việc liên lạc, trao đổi với cha mẹ học sinh được thường xuyên và tốt hơn.

– Cách xây dựng: Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh và học sinh về mục đích của cuốn sổ. Học sinh sẽ tự chuẩn bị và trang trí cuốn sổ riêng của mình. Giáo viên chủ nhiệm chỉ lưu ý nhắc nhở các em về kích thước để không gây khó khăn trong việc bảo quản, cất giữ.

– Cách sử dụng: Giáo viên chủ nhiệm giải thích rõ cho học sinh về việc dùng cuốn sổ để ghi lại thành tích học tập (có thể là điểm số, những lời nhận xét tích cực của giáo viên chủ nhiệm và các bạn học về việc học tập, những sản phẩm học tập có thể đính kèm...) và kết quả hoạt động học tập xuất sắc của mình. Cuốn sổ này cũng mang tính cá nhân và không nhất thiết là phải đem so sánh với bất kì ai.

c) Hộp thư cá nhân

– Mục đích: Tạo cơ hội cho giáo viên chủ nhiệm và học sinh trong lớp trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa học sinh với học sinh và giữa học sinh với giáo viên. Hộp thư cá nhân giúp hình thành cho học sinh thói quen quan tâm, chia sẻ với mọi người; rèn luyện học sinh biết tôn trọng sự riêng tư của bạn. Công cụ này còn là cách để giáo viên chủ nhiệm động viên, khích lệ học sinh, hiểu được học sinh hơn.

– Cách xây dựng

• Bước 1: Giáo viên chủ nhiệm cho mỗi học sinh tự tạo một hộp thư nhỏ từ các vật dụng như hộp các-tông nhỏ, giấy bìa, tranh ảnh, giấy màu, giấy trắng,... giáo viên chủ

nhiệm để học sinh tự vẽ, cắt dán, trang trí những hình ảnh các em yêu thích, không nên làm đồng loạt giống nhau. Trên mỗi hộp thư cá nhân có tên của học sinh. Công việc này cũng có thể thực hiện ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý học sinh về kích cỡ tối đa cho mỗi hộp thư cá nhân.

- Bước 2: Cùng gắn những hộp thư cá nhân của cả lớp tại một vị trí, hoặc chia thành các nhóm. Lưu ý gắn ở vị trí thuận tiện, vừa tầm để đảm bảo tất cả các học sinh dễ tham gia và sử dụng.

– *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm cùng trao đổi với học sinh về tác dụng của hộp thư cá nhân; giải thích cho học sinh thấy mỗi cá nhân trong lớp đều nên có một hộp thư riêng. Bất cứ điều gì các em muốn chia sẻ, trao đổi với bạn hoặc thầy cô giáo, các em có thể viết thư và bỏ vào hộp thư riêng của bạn/thầy cô giáo. Các em có thể đề tên của mình trong thư hoặc không. Giáo viên chủ nhiệm nên sử dụng hộp thư cá nhân để khích lệ, động viên, góp ý với học sinh mà không làm các em xấu hổ trước lớp. Giáo viên chủ nhiệm cũng có thể bỏ vào hộp thư cá nhân của các em những bài tập theo đúng trình độ để tăng thêm hứng thú học tập cho các em.

Giáo viên chủ nhiệm nên dành thời gian vào các giờ nghỉ giải lao hay các buổi sinh hoạt tập thể để học sinh viết thư cho nhau. Giáo viên chủ nhiệm nên thường xuyên sử dụng hộp thư này để tạo phong trào và hình thành dần thói quen trong lớp. Lưu ý: Hộp thư tuy của cá nhân nhưng không nên dán kín hay "bảo mật" vì các em luôn cần được giáo dục, rèn luyện tính trung thực, lòng tự trọng, không tự ý xem thư của người khác.

d) Hộp thư "Điều em muốn nói"

– *Mục đích*: Đây là công cụ giúp học sinh được bày tỏ ý kiến của mình. Những ý kiến của học sinh có thể là những tình cảm, cảm nhận, mong muốn, đề nghị hoặc bất cứ điều gì các em muốn nói về thầy cô, bạn bè, cha mẹ, nhân viên phục vụ, điều kiện học tập – sinh hoạt và các hoạt động vui chơi,... mà các em không thể hoặc chưa dám nói trực tiếp. Qua hộp thư này, người lớn (thầy cô, cha mẹ,...) sẽ có điều kiện hiểu các em nhiều hơn, đồng thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục, sinh hoạt sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, công cụ này còn có ý nghĩa giúp các em nhận biết mình là một thành viên của nhà trường, quyền cơ bản của trẻ được tạo điều kiện thể hiện (quyền được học tập – quyền được vui chơi – quyền được tham gia ý kiến,...). Từ đó, các em có ý thức, tự giác và chủ động khi tham gia các hoạt động của chính các em.

– *Cách xây dựng*: Hộp thư có thể được làm bởi cha mẹ học sinh hoặc giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm và học sinh trang trí thêm những hình ảnh vui nhộn và được đặt tại các vị trí thuận tiện trong lớp, vừa tầm với của học sinh. Một số nơi còn có thêm các biện pháp bảo vệ cho hộp thư để chỉ những người có trách nhiệm mở hộp thư mới mở được để đảm bảo giữ kín những thông tin của học sinh.

– *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm giải thích cho học sinh về mục đích của hộp thư. Khuyến khích các em sử dụng hộp thư này để giúp cho tình hình và các điều kiện

của lớp học, trường học được tốt hơn. Giáo viên chủ nhiệm cũng nên nhấn mạnh tới việc học sinh không cần thiết phải đề tên mình trong thư, nếu muốn. Để quản lí Hộp thư "Điều em muốn nói" cần có sự tham gia của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Trưởng các ban của Hội đồng tự quản học sinh và giáo viên. Hộp thư cần được mở hằng ngày hoặc hằng tuần để ghi nhận, trả lời những ý kiến của học sinh cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp, trường. Tuy nhiên, tốt nhất nên mở hộp thư hằng ngày để đảm bảo cập nhật và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý, những vấn đề mang tính cá nhân thì cần trao đổi với cá nhân học sinh, những vấn đề mang tính chất tập thể thì cần có sự trao đổi, bàn bạc trước cả lớp để tìm ra phương án giải quyết.

đ) Sinh nhật hồng

– *Mục đích:* Tạo sự vui tươi trong lớp học; giúp học sinh biết cách quan tâm đến bạn bè, biết cách tổ chức những buổi kỉ niệm nho nhỏ; tạo sự gắn kết của các thành viên trong lớp.

– *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm có thể trao đổi với một ban trong lớp học về cách xây dựng góc sinh nhật. Có thể là cây với 12 bông hoa tương ứng với 12 tháng trong năm và trên mỗi bông hoa tháng là tên các bạn có ngày sinh trong tháng. Có thể là những hành tinh nhỏ mang tên tháng trong vũ trụ,... học sinh hoàn toàn có thể thực hiện được công việc này. Giáo viên chủ nhiệm hãy để các em tự trao đổi và thống nhất cách thực hiện.

Cũng có cách xây dựng khác nữa là giáo viên chủ nhiệm chia lớp ra thành nhóm phụ trách từng tháng. Nhóm học sinh của tháng sẽ cùng bàn bạc để tổ chức sinh nhật của tháng mình theo cách mà các em thích nhất.

– *Cách sử dụng:* Góc sinh nhật giúp cả lớp cùng biết được sắp đến sinh nhật của bạn nào. Một ban sẽ phụ trách phần tổ chức sinh nhật cho các bạn trong tháng (hoặc có thể tổ chức đơn lẻ cho từng bạn). Cũng có thể dùng hình thức luân phiên các ban tổ chức hoặc nhóm các bạn có sinh nhật tháng này sẽ tổ chức cho nhóm các bạn có ngày sinh nhật của tháng khác. Việc tổ chức không cần cầu kì, các học sinh có thể lên kịch bản cho một chương trình văn nghệ, trò chơi,... giáo viên chủ nhiệm hãy để cho các học sinh trong lớp được chúc mừng bạn mình và nên gợi ý học sinh sử dụng các công cụ khác (Ví dụ: Hộp thư bè bạn, những lời yêu thương,...) để thể hiện tình cảm với bạn mình trong ngày sinh nhật của các em. Giáo viên chủ nhiệm nên tạo điều kiện cho học sinh được tổ chức sinh nhật nói về bản thân mình, về những thay đổi khi một tuổi mới đã đến với em. Mỗi tháng qua đi, học sinh có thể gỡ tháng đó xuống để học sinh cảm nhận được thời gian của năm.

e) Những lời yêu thương

– *Mục đích:* Học sinh được chia sẻ những câu nói, câu thơ hay, có ý nghĩa với mục đích giáo dục học sinh hướng đến những điều tốt đẹp.

– *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng thảo luận để quyết định chọn một hình thức phù hợp với điều kiện lớp học để làm góc của những lời yêu thương. Có thể làm trên khổ giấy A0, trang trí thành cây với những chiếc lá, bông hoa là những lời yêu thương và được dán lên tường. Có thể là cây thông góc lớp với những lời yêu thương được gắn lên cây,... Cũng có thể ghi những lời nói yêu thương, những câu danh ngôn phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ liên quan đến tuổi học trò trên các hành lang, lối đi, thư viện, sân/vườn trường,... nơi học sinh dễ quan sát và thường xuyên nhắc nhở mình thực hiện.

– *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh sưu tầm những câu nói hay, những lời yêu thương về tình cảm gia đình, thầy trò, bạn bè... Học sinh cũng có thể nhờ cha mẹ học sinh sưu tầm cùng. Giáo viên chủ nhiệm có thể giao cho các ban quản lí góc này xây dựng chủ đề theo từng tháng, từng sự kiện để học sinh sưu tầm những câu nói, câu thơ hay theo các chủ điểm đó. Trong các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm dành thời gian để cùng học sinh trò chuyện về những lời yêu thương này để giáo dục học sinh biết hướng tới những điều tốt đẹp và yêu thương trong cuộc sống.

g) Bảng nội quy lớp học

– *Mục đích*: Giúp các em thấy có trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của lớp mình; qua đó, học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

– *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của lớp nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh.

– *Cách sử dụng*: Bảng nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va chạm. Ở những lớp rộng rãi và ít học sinh, bảng nội quy có thể thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

h) Sổ ghi chép đối nội – đối ngoại

– *Mục đích*: Dùng ghi lại cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi tham quan một nơi nào đó.

– *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm có thể bàn bạc trước lớp và giao cho một ban thực hiện việc thiết kế và ghi chép sổ. Sổ nên có các thông tin về ngày tháng, tên đoàn khách, học sinh nhà trường; cảm xúc của khách hoặc của học sinh, có thể có phần để dán những hình ảnh (nếu có) về những sự kiện đó.

– *Cách sử dụng*: Khách đến từ các tổ chức, hiệp hội hoặc giáo viên chủ nhiệm và các bạn học sinh đến từ các trường, lớp khác, đến thăm trường, lớp mình, sẽ ghi lại những

cảm xúc, suy nghĩ của họ. Đây là một cơ hội cho khách có những đề xuất, ý kiến hay chỉ ra các quan điểm về một vấn đề cụ thể. Khi học sinh đi tham quan cũng thực hiện tương tự như vậy.

6.3. Các góc hỗ trợ trong lớp học

a) Góc học tập

– *Góc học tập* là không gian trong lớp học trang bị những tài liệu, đồ dùng dạy học, các vật dụng,... phục vụ cho việc học tập của học sinh

– *Vai trò và ý nghĩa của góc học tập*

+ Góc học tập làm tăng hứng thú học tập của học sinh, tăng các nguồn kiến thức trong dạy học của giáo viên. Giáo viên sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học giúp học sinh nắm kiến thức một cách chủ động, vững chắc. Góc học tập có một vai trò rất quan trọng đối với việc dạy và học trong trường THCS.

+ Góc học tập cung cấp sách vở, tài liệu tham khảo, đồ dùng học tập ngay tại lớp học rất thuận lợi cho học tập và tham khảo tài liệu khi cần thiết mà không phải đến thư viện.

+ Giáo viên làm phong phú thêm bài giảng của mình bằng sách và các tư liệu tham khảo trong góc học tập; có thể quan sát được hiệu quả dạy học, biết được hứng thú nghề nghiệp của học sinh, từ đó có thể hướng nghiệp cho các em.

+ Giúp học sinh thu nhận và tổng hợp kiến thức thông qua việc quan sát và thao tác sử dụng các tài liệu, đồ vật ở góc học tập; làm phong phú kiến thức và phát huy trí tưởng tượng của các em.

+ Học sinh sẽ hứng thú học tập hơn khi sử dụng góc học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên; hoặc tự nghiên cứu theo nhóm hay từng cá nhân, qua đó, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

– Các tài liệu và đồ dùng ở góc học tập

+ Ngay từ đầu năm học, giáo viên căn cứ trên yêu cầu chương trình và nội dung môn học; quan sát tâm lý và sở thích của học sinh để chuẩn bị kế hoạch xây dựng góc học tập phù hợp. Bằng kinh nghiệm của mình, giáo viên suy nghĩ xem tài liệu nào, dụng cụ học tập nào góc học tập có thể giúp học sinh học tập có kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn; đồng thời góp phần phát huy năng khiếu, sở thích và định hướng nghề nghiệp cho các em.

+ Trong mỗi môn học, giáo viên cần sưu tầm những loại tài liệu và đồ dùng học tập sau:

- Tài liệu in ấn phục vụ học tập: Sách tham khảo, các loại sách giáo khoa, báo, tạp chí,... liên quan đến nội dung môn học; sơ đồ, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh,... tạo hứng thú và mở rộng hiểu biết cho học sinh.

- Đồ dùng dạy và học: Đây là những vật dụng mà học sinh và giáo viên có thể sử dụng trong các giờ thực hành, thí nghiệm như các dụng cụ đo lường (cân, nhiệt kế, ampe kế,...), mô hình trái đất, các mẫu vật,...

- Vật dụng phục vụ cuộc sống: Những đồ dùng thiết thực phục vụ cuộc sống như các loại công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, trang phục, nhạc cụ, lương thực, thực phẩm,...

- Tài liệu sáng tạo nghệ thuật: Các vật dụng có tính nghệ thuật dùng cho học tập, phát huy tính tưởng tượng và sáng tạo nghệ thuật của học sinh như các con rối, rô bốt,...

- Đồ dùng do học sinh tự làm: Các bài làm đạt điểm tốt của học sinh, các vật dụng do học sinh sáng chế,...

+ Ngoài ra, ở góc học tập còn có tài liệu hướng dẫn học các môn, hướng dẫn sử dụng các tài liệu, nhất là hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan đến môn học.

– Quản lí góc học tập

+ Hội đồng tự quản học sinh phân công các bạn học sinh thay phiên nhau chăm sóc góc học tập; dọn dẹp lại cho ngăn nắp sau mỗi buổi học, quét dọn, lau sạch bụi bặm, vết bẩn sau khi sử dụng.

+ Hội đồng tự quản học sinh tổ chức đọc sách, thảo luận theo nhóm cùng sở thích và giúp nhau học tập một cách hiệu quả...

b) Góc thư viện

– Góc thư viện là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp, là nơi để các tài liệu tham khảo (từ điển, sách, báo, truyện,...) do thư viện nhà trường hỗ trợ, giáo viên và học sinh sưu tầm, do cha mẹ học sinh cùng cộng đồng đóng góp.

Góc thư viện trong lớp học là một công cụ quan trọng tạo cơ hội cho học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, đồng thời cung cấp các nguồn tài liệu khác nhau để học sinh học tập và thư giãn.

Nguồn thông tin trong góc thư viện là một công cụ đắc lực hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong dạy – học tích cực. Giáo viên có thể sử dụng nguồn thông tin ở góc thư viện để giải đáp rõ hơn những nội dung có trong tài liệu hướng dẫn học hoặc làm giàu thêm vốn kiến thức của mình cũng như học sinh. Với mỗi chủ đề hay bài học, giáo viên cần tham khảo thêm tư liệu về chủ đề hay bài học đó trong góc thư viện và cung cấp cho học sinh tên, trang, mục tài liệu cần tham khảo để hoàn thành bài học. Góc thư viện trong lớp học có thể hỗ trợ cho từng đối tượng học sinh trong quá trình học tập khác nhau. Với học sinh trung bình, các em có thể tìm thông tin để giải thích rõ hơn cho các khái niệm trong tài liệu hướng dẫn học. Với các học sinh khá, giỏi, các em có thể tìm hiểu sâu hơn, mở rộng hơn nội dung bài học qua những tài liệu có trong góc thư viện.

Góc thư viện đóng vai trò hỗ trợ nguồn tài liệu phong phú cho một môn học hay một chủ đề. Mặc dù tài liệu hướng dẫn học đã cung cấp cho học sinh những nội dung cơ bản cần thiết, nhưng vẫn có lúc học sinh vướng mắc và không hiểu rõ về một khái niệm hay một thông tin nào đó có liên quan đến bài học. Trong trường hợp này, giáo viên nên hướng dẫn học sinh đến góc thư viện để tìm những cách giảng giải, chú thích khác phù hợp hơn với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Sau khi đọc về một chủ đề tương tự trong góc thư viện, học sinh có thể tiếp tục học và làm việc với tài liệu hướng dẫn học.

Góc thư viện là nơi rất hữu ích để học sinh tiến hành các dự án nghiên cứu nhỏ của một số môn học. Tại đây các em có thể thực hiện việc tìm kiếm thông tin cho bài tập trong dự án nghiên cứu của mình. Nhiều khi tài liệu hướng dẫn học không cung cấp đủ nội dung để hoàn thành mục tiêu bài học như đã đề xuất. Vì vậy, việc tìm kiếm các thông tin tham khảo ở góc thư viện sẽ là rất cần thiết. Mô hình trường học mới tăng cường khả năng tự học của học sinh, vì vậy nguồn thông tin trong góc thư viện sẽ hỗ trợ rất tốt cho các em trong việc tự học.

Góc thư viện trong lớp học đồng thời cũng được sử dụng để giúp học sinh giải trí và phát triển óc sáng tạo. Sách là nguồn giải trí rất lớn đối với trẻ em cũng như người lớn. Qua việc đọc sách, chúng ta có thể giáo dục chính mình, tích lũy và tăng khả năng tưởng tượng, trải nghiệm một cách gián tiếp. Ví dụ, như thưởng thức một chuyến đi lên mặt trăng hay thám hiểm một địa bàn khảo cổ; hoặc có thể sáng tác những bức tranh dựa trên các câu chuyện đã đọc; đóng vai thể hiện lại các nhân vật, sự kiện trong các câu chuyện,...

Ngoài việc cung cấp thông tin cho học sinh, góc thư viện còn góp phần hình thành, phát triển thói quen đọc sách cho các em, xây dựng nền tảng văn hoá đọc của mỗi người trong suốt cả cuộc đời.

c) Góc cộng đồng và bản đồ cộng đồng

c1) Góc cộng đồng

Góc cộng đồng là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp học, là nơi để các hiện vật, dụng cụ, tranh ảnh,... thể hiện sinh động đời sống vật chất hay tinh thần của cộng đồng địa phương. Góc cộng đồng được hiểu là sự mô tả một cách đơn giản về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng địa phương, trong đó bao gồm các thông tin về bản đồ cộng đồng, về mùa vụ, sản xuất, kinh doanh, ngành nghề, phong tục tập quán, văn hoá, lễ hội, trang phục đặc sắc, lịch sử, di sản, địa lí, khí hậu thời tiết,... và một số sản vật đặc trưng của địa phương. Góc cộng đồng là hình ảnh thu nhỏ về những đặc điểm riêng biệt của cộng đồng trong phạm vi hẹp hoặc phạm vi rộng hơn nhưng có cùng những đặc điểm chung.

Góc cộng đồng giúp giáo viên, học sinh biết rõ về môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương; thấy được sự gắn gũi, gắn bó giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng; tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường địa phương vào nội dung các hoạt động dạy học. Qua đó, giúp các em thuận lợi trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Giáo viên cần tìm ra những nguồn lực sẵn có về vật chất, con người hoặc ngành nghề thủ công của địa phương để hỗ trợ, liên kết, hợp tác giáo dục với nhà trường. Nhà trường vận động những nghệ nhân, doanh nhân giỏi ở địa phương đến trường để phổ biến cho học sinh những kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh,... Từ đó, học sinh tăng thêm niềm tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam, mong muốn được duy trì và phát triển các tinh hoa văn hoá, truyền thống của các vùng miền và của quê hương.

Cùng tham gia vào quá trình xây dựng "Góc cộng đồng" có các thành viên trong cộng đồng như chính quyền địa phương, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, ... cùng với cha mẹ học sinh, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn. Khi thiết lập góc cộng đồng, giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức một cuộc họp, gặp gỡ các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng góc cộng đồng. Tại cuộc họp này các đại biểu có thể vẽ trên giấy khổ to, hoặc trên tấm vải trắng để mô tả thông tin về mùa vụ, ngành nghề, lễ hội, khí hậu thời tiết,... của địa phương bằng các màu sắc sinh động. Mọi người có thể đóng góp hoặc sưu tầm một số sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày tại góc cộng đồng.

Tóm lại, góc cộng đồng giúp nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết rõ môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương.
- + Sử dụng các yếu tố tích cực của môi trường vật chất và tinh thần ở địa phương vào trong các hoạt động dạy học tại lớp học.
- + Giúp học sinh áp dụng kiến thức học ở lớp vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình và cộng đồng.
- + Tìm ra những nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để hỗ trợ nhà trường trong giáo dục học sinh, đặc biệt là những người có ảnh hưởng lớn ở cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, hội trưởng các hội: phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, cựu giáo chức,... và các nguồn lực tình nguyện khác.
- + Là nguồn thông tin để học sinh giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại lớp/trường mình.

c2) Bản đồ cộng đồng

Bản đồ cộng đồng là bản đồ của địa phương mà trên đó có sự mô tả một cách đơn giản, bằng hình vẽ trên giấy khổ to hoặc trên một miếng vải, về cộng đồng địa phương. Nổi bật trên bản đồ cộng đồng là vị trí trường học, vị trí nhà ở gia đình của tất cả học sinh trong lớp. Ngoài ra, bản đồ cộng đồng phải thể hiện được những vị trí, địa điểm nổi bật

của cơ quan hành chính, những đặc điểm về tự nhiên, văn hoá, xã hội và kinh tế; những di tích lịch sử, di tích văn hóa, công trình khoa học-kỹ thuật... của địa phương thuộc khu vực trường đóng.

Có thể nói, bản đồ cộng đồng là bản vẽ thu nhỏ những đặc điểm cơ bản của cộng đồng – nơi nhà trường đang tồn tại và phát triển. Nó khẳng định cộng đồng và nhà trường luôn tồn tại, gắn bó, hỗ trợ và không thể tách rời.

Bản đồ cộng đồng nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết được khoảng cách mà mỗi học sinh phải đi học từ nhà đến trường.
- + Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi học sinh đi học.
- + Biết được những địa điểm mà học sinh có thể gặp nguy hiểm để hướng dẫn các em phòng tránh rủi ro.
- + Biết được những địa điểm cần thiết để chỉ dẫn cho học sinh đến khi cần sự trợ giúp hoặc vui chơi.
- + Biết được những địa điểm và cách đi thăm gia đình học sinh.
- + Là nguồn thông tin giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại trường.
- + Giúp học sinh biết tìm đường đến thăm nhà bạn để hỏi bài, vui chơi, đường đến trường an toàn, thuận tiện nhất, đường đến hiệu sách, chợ, uỷ ban nhân dân, đồn công an, bưu điện,...

Bản đồ cộng đồng được treo tại góc cộng đồng, nơi dễ quan sát trong lớp học. Mọi học sinh có thể quan sát và đọc được thông tin trên đó. Khi có khách tham quan lớp học, mỗi bạn đều có thể giới thiệu được về lớp mình, ngôi trường của mình, về địa điểm nhà các bạn trong lớp, về cộng đồng. Nếu có một bạn mới được chuyển về lớp học, bạn ấy sẽ được giới thiệu về bản đồ cộng đồng của lớp, bạn ấy và mọi người trong lớp sẽ xác định xem nhà bạn ấy sẽ được vẽ ở đâu trong bản đồ cộng đồng. Và tất nhiên sẽ có tên của bạn ấy gần hình vẽ ngôi nhà trên bản đồ cộng đồng của lớp. Bạn ấy sẽ rất vui vì sẽ biết ngay đường nào thuận tiện khi đến trường, nhà mình ở gần nhà bạn nào để cùng đi đến trường.

Bản đồ cộng đồng giúp học sinh ý thức được mình là một thành viên của cộng đồng, từ đó ý thức xây dựng và giữ gìn cộng đồng được nâng cao.

Giáo viên có thể sử dụng bản đồ cộng đồng trong các hoạt động giáo dục cho học sinh về quan hệ gia đình, cộng đồng; tình bạn và mối quan tâm đến nhau; sự đoàn kết, chia sẻ, gắn bó giữa những con người, những gia đình trong cùng một cộng đồng; củng cố niềm tự hào về gia đình, cộng đồng, quê hương mình.

Những vấn đề cơ bản về của công cụ hỗ trợ hoạt động học của học sinh tại lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Có nhiều quan niệm khác nhau về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhưng tựu trung lại Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới, các hoạt động giáo dục trong trường THCS gồm: Hoạt động tập thể (sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo các chủ đề giáo dục; hoạt động giáo dục hướng nghiệp;... được gọi chung là Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đối với mô hình trường học mới THCS, vừa chú trọng đến tính trải nghiệm của học sinh trong các bài học, vừa chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm nhiều hơn ở ngoài lớp học, chủ động phối hợp cùng cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị – xã hội tại địa phương như đoàn, hội, đội để xây dựng một số dự án học tập cộng đồng, gắn nội dung giáo dục trong nhà trường với các hoạt động thường xuyên tại địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; vệ sinh môi trường; hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao;...

II. Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Mục đích chính	Hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực nhận thức và hành động của học sinh.	Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại.

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Nội dung	– Kiến thức khoa học, nội dung gắn với các lĩnh vực chuyên môn. – Được thiết kế thành các phần chương, bài, có mối liên hệ logic chặt chẽ hoặc các mô đun tương đối hoàn chỉnh.	– Kiến thức thực tiễn gắn bó với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, mang tính tổng hợp nhiều lĩnh vực giáo dục, nhiều môn học; dễ vận dụng vào thực tế. – Được thiết kế thành các chủ điểm mang tính mở, không yêu cầu mối liên hệ chặt chẽ giữa các chủ điểm
Hình thức tổ chức	– Đa dạng, có quy trình chặt chẽ, hạn chế về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng tham gia,... – Học sinh ít cơ hội trải nghiệm cá nhân. – Người chỉ đạo, tổ chức hoạt động học tập chủ yếu là giáo viên.	– Đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng,... – Học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm cá nhân. – Có nhiều lực lượng tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các mức độ khác nhau (giáo viên, cha mẹ học sinh, nhà hoạt động xã hội, chính quyền, doanh nghiệp,...).
Tương tác, phương pháp	– Chủ yếu là thầy – trò. – Thầy chỉ đạo, hướng dẫn, trò hoạt động là chính.	– Đa chiều. – Học sinh tự hoạt động, trải nghiệm là chính.
Kiểm tra, đánh giá	– Nhấn mạnh đến năng lực tư duy. – Theo chuẩn chung. – Thường đánh giá kết quả đạt được bằng điểm số.	– Nhấn mạnh đến kinh nghiệm, năng lực thực hiện, tính trải nghiệm. – Theo những yêu cầu riêng, mang tính cá biệt hoá, phân hoá. – Thường đánh giá kết quả đạt được bằng nhận xét.

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS rất đa dạng như: Tham gia các dự án cộng đồng; Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; Câu lạc bộ;

Các trò chơi; Tổ chức diễn đàn; Sân khấu tương tác; Hoạt động giao lưu; Hoạt động chiến dịch; Hoạt động nhân đạo; Hoạt động tình nguyện; Lao động công ích; Sinh hoạt tập thể....

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có tài liệu hướng dẫn riêng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS.

D. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ

Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới THCS được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh THCS nhằm mục đích giúp:

1. Học sinh tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.
2. Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.
3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.
4. Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục THCS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.

2. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.
3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.
4. Việc đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và hoạt động giáo dục.
2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh.

Việc đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung của học sinh cấp THCS được thực hiện thông qua nhận xét các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hướng dẫn cụ thể về các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực của học sinh.

IV. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ

1. Đánh giá thường xuyên

1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, học sinh (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho học sinh, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

– Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

– Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

Giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý học sinh.

Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Hằng tháng, đối với những học sinh cần được quan tâm, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

– Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

– Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì I và cuối năm học

2.1. Các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học được đánh giá qua bài kiểm tra định kì với thời lượng 90 phút. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

– Nhận biết: học sinh nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.

– Thông hiểu: học sinh diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

– Vận dụng: học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

– Vận dụng cao: học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Tin học phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho học sinh. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý học sinh; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý học sinh.

Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lí thì có thể cho học sinh kiểm tra lại.

2.2. Đối với môn Tiếng Anh: ngoài những quy định trên, thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kỳ theo hai mức:

a) Đạt yêu cầu: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

- Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;
- Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

b) Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

V. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ VÀ XÉT KHEN THƯỞNG

1. Vào cuối học kì I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên bộ môn để đánh giá tổng hợp từng học sinh:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học/hoạt động giáo dục: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng học sinh

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn tập thể học sinh bình bầu những học sinh đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua và các cuộc thi; tham khảo ý kiến của giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Học sinh có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

Nội dung, số lượng học sinh được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập, nếu khả năng của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá học sinh khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh.

2. Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh khi bắt đầu vào học kì II hoặc bắt đầu năm học mới.

VI. Hồ sơ đánh giá

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.
2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi học sinh gồm:
 - a) Học bạ (hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật);
 - b) Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học;

- c) Các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của học sinh (trích từ "Sổ tay lên lớp" của giáo viên).
 - d) Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kỹ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);
 - đ) Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của cha mẹ học sinh (nếu có);
 - e) Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của học sinh trong năm học (nếu có).
3. Khuyến khích giáo viên, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá học sinh. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá học sinh được in ra để giáo viên và lãnh đạo nhà trường ký tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.
 4. Đối với học sinh chuyển đi khỏi lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với học sinh chuyển đến lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VII. SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Điểm các bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ – Tin học ứng dụng; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kỳ hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.
 - Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.
2. Đối với học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công giáo viên lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng học sinh; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.
3. Đối với những học sinh đã được giáo viên trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, bài kiểm tra định kỳ, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những học sinh có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, cần rèn luyện thêm về phẩm chất hoặc còn hạn chế về năng lực thì vào đầu năm học mới được bàn giao cho giáo viên lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Trách nhiệm của hiệu trưởng

- 1.1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá học sinh; khen thưởng học sinh; báo cáo kết quả thực hiện về phòng Giáo dục và Đào tạo.
- 1.2. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; quản lý học bạ trong thời gian học sinh học ở trường.
- 1.3. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của học sinh, cha mẹ học sinh về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.
- 1.4. Hướng dẫn giáo viên sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm của giáo viên

2.1. Giáo viên chủ nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính, phối hợp giáo viên bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh;

b) Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh cuối học kì I, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm còn hạn chế của học sinh; duy trì mối liên hệ với cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục học sinh.

2.2. Giáo viên bộ môn:

a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh đối với môn học/hoạt động giáo dục theo quy định;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy cùng lớp, cha mẹ học sinh lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện đối với môn học và hoạt động giáo dục;

c) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh.

E. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG “TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI”

I. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

1. Mục tiêu sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên của nhà trường và là một trong những hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho giáo viên, giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp/trường mình.

Sinh hoạt chuyên môn ở các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới được thực hiện tại trường và cụm trường. Mục tiêu của sinh hoạt chuyên môn nhằm:

1. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên.
2. Đổi mới nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng dạy học tích cực, hướng vào hoạt động học của học sinh, góp phần phát triển năng lực cho mọi học sinh.
3. Giúp giáo viên nắm vững quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học, chủ động điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học cho phù hợp với đối tượng học sinh, vùng miền và quá trình tổ chức hoạt động học tập.
4. Xây dựng và phát triển quan hệ đồng nghiệp thân thiện, tôn trọng theo hướng hợp tác, hỗ trợ và dân chủ; đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho mọi giáo viên.
5. Phát triển quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng, đảm bảo cơ hội cho gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của học sinh.

2. Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

2.1. Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên

Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên được tổ chức định kỳ 2 lần/tháng theo điều lệ nhà trường, theo định hướng sau:

– Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đề xuất, thống nhất và quyết tâm thực hiện;

– Thảo luận các bài sắp dạy trong tài liệu Hướng dẫn học; thống nhất những nội dung điều chỉnh tài liệu, làm cho tài liệu dạy học phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với địa phương; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên; hoàn thiện tài liệu thử nghiệm.

– Thảo luận và thực hiện sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập trong góc học tập và góc cộng đồng;

– Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tự quản của học sinh;

– Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh;

– Các hoạt động hành chính khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn được tiến hành theo quy định của điều lệ nhà trường.

2.2. Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

– Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

+ Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh...

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh;

+ Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trên phạm vi huyện, tỉnh, cả nước;

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về các chủ đề liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ,...

– Quy trình triển khai sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề:

Để tổ chức một hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có hiệu quả, cần phải thiết kế được các hoạt động một cách khoa học. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với việc xây dựng kế hoạch dạy học trước khi lên lớp. Cụ thể, yêu cầu thiết kế một hoạt động gồm các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

– Các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề cần có công tác chuẩn bị và phân công rõ ràng công việc cho các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn:

+ Dự kiến nội dung công việc, hình dung được tiến trình hoạt động.

+ Dự kiến những phương tiện cần thiết cho hoạt động.

+ Dự kiến nhiệm vụ cho từng đối tượng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

– Tổ trưởng/nhóm trưởng dự kiến những việc sẽ làm để thể hiện sự tương tác tích cực các thành viên trong tổ/nhóm. Để làm được việc này đòi hỏi mỗi giáo viên và tổ trưởng chuyên môn phải có kỹ năng làm việc nhóm.

Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

– Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn.

– Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: nêu rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, định hướng thảo luận; nêu rõ nguyên tắc làm việc.

– Các thành viên báo cáo nội dung chủ đề đã được phân công.

– Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên thảo luận, phát biểu ý kiến; chia nhỏ vấn đề thảo luận bằng việc sử dụng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu.

Bước 3: Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

– Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, tổ trưởng chuyên môn phải đưa ra được các kết luận cần thiết, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của buổi sinh hoạt đó trong thực tế giảng dạy.

– Đối với các trường qui mô nhỏ, giáo viên mỗi bộ môn ít, nên đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề với qui mô cụm trường để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực chuyên môn theo yêu cầu.

Như vậy, sinh hoạt chuyên môn trong mô hình trường học mới gắn với quá trình giáo viên hướng dẫn học sinh học tập, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, tìm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

Sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới, giáo viên tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến người học, như: Học sinh học như thế nào? Học sinh đang gặp khó khăn gì trong học tập? Nội dung và phương pháp dạy học có phù hợp, có gây hứng thú cho học sinh không? Kết quả học tập của học sinh có được cải thiện không? Cần điều chỉnh điều gì và điều chỉnh như thế nào?...

Trong dự giờ sinh hoạt chuyên môn, người dự không tập trung vào quan sát việc giảng dạy của giáo viên để đánh giá, xếp loại giờ học mà quan sát việc học tập của học sinh, ghi lại những minh chứng để giúp giáo viên tìm ra nguyên nhân tại sao học sinh học chưa đạt kết quả như mong muốn, nhất là những học sinh có khó khăn về học tập. Từ đó, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

3. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

3.1. Khái niệm sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (còn gọi là sinh hoạt chuyên môn liên trường) là hình thức tập trung giáo viên, cán bộ quản lý của các trường có khoảng cách địa lý giữa các trường THCS không quá xa, tới một trường THCS để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn về nội dung, phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá học sinh và công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường có mức độ cao hơn, rộng hơn so với nội dung sinh hoạt chuyên môn định kỳ tại các trường. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường đề cập tới các vấn đề mang tính tổng kết, đánh giá của các trường; những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự phối hợp, tháo gỡ từ nhiều giáo viên, từ nhiều trường học hoặc từ các giáo viên cốt cán, chuyên gia giáo dục giỏi ở địa phương và trung ương.

Cơ chế sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là tự nguyện, do các trường đứng ra tự tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ có tính thiết thực, mang lại lợi ích cho chính bản thân các trường cùng tham gia sinh hoạt. Thời gian, địa điểm, chi phí và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động. Tuy nhiên, do tính chất và tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, các sở/phòng giáo dục và đào tạo có thể quan tâm hướng dẫn, coi đó là biện pháp hiệu quả để bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời có thể khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ thường xuyên, mọi mặt cho sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

3.2. Tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường mang lại tác dụng trên nhiều mặt:

- Tạo nên mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.
- Xây dựng được đội ngũ giáo viên cốt cán có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho các trường trong từng khu vực và cả địa phương.
- Tạo nên sự gắn kết giữa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giữa các trường có điều kiện kinh tế – xã hội và văn hóa tương đồng...

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là một hoạt động tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên, có tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác quản lý giáo dục của các trường trong cụm, đồng thời khuyến khích giáo viên nhìn lại quá trình dạy học và tự đánh giá về năng lực nghề nghiệp của mình. Thông qua nghiên cứu sáng kiến và khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác, thiết thực; đổi mới tư duy của giáo viên theo yêu cầu của mô hình trường học mới. Trong thực tế, chính giáo viên đã đưa ra giải pháp có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, luân

phiên tại các điểm trường để mọi giáo viên có cơ hội hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, cán bộ quản lý có cơ hội nắm bắt hiểu biết sâu hơn tình hình chất lượng, những khó khăn của giáo viên và học sinh tại các điểm trường để có kế hoạch hỗ trợ...

3.3. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

a) Báo cáo toàn diện hay một vấn đề đặc trưng của mỗi trường về kết quả triển khai mô hình trường học mới cấp THCS

Nội dung báo cáo bao gồm:

– Những ứng dụng có được trong quá trình giảng dạy qua hoạt động của hội đồng tự quản học sinh, qua các không gian và tài liệu học tập như: góc học tập, góc cộng đồng, thư viện lớp học và bản đồ cộng đồng vào môn học và hoạt động giáo dục đã thực hiện trong thời gian vừa qua.

– Những ví dụ thực tế, những bài học kinh nghiệm về sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong thời gian vừa qua.

– Tổ chức và điều hành nhóm học tập.

– Chia sẻ kinh nghiệm quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình học tập; kỹ thuật ghi chép để đánh giá quá trình học tập của học sinh.

– Chia sẻ các biện pháp hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong quá trình học tập; những kinh nghiệm trong việc đánh giá sản phẩm học tập của học sinh...

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Các sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng chủ yếu đề cập đến việc điều chỉnh nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và hướng dẫn hoạt động giáo dục hoặc những chủ đề chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm liên quan trực tiếp tới mô hình trường học mới. Nội dung các báo cáo được viết dưới dạng một đề tài về nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, có thể cấu trúc theo ba phần cơ bản sau:

– *Trải nghiệm qua dạy học*: Qua thực tế dạy học, giáo viên quan sát, tìm hiểu học sinh và đặt các câu hỏi:

+ Vì sao hoạt động/nội dung này không thu hút học sinh tham gia?

+ Vì sao kết quả học tập của học sinh sụt giảm khi thực hiện hoạt động hai học nội dung này?

+ Kỹ thuật/phương pháp này có nâng cao kết quả học tập của học sinh không?

+ Có cách nào tốt hơn để thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục trong nhà trường không?

Từ đó, xác định nguyên nhân gây ra thực trạng và chọn một hoặc vài nguyên nhân để tiến hành nghiên cứu, tìm sáng kiến để tác động thay đổi thực trạng.

– *Thử nghiệm trực tiếp tại các trường*: Thử nghiệm sáng kiến, giải pháp thay thế trong lớp/trường học.

– *Kiểm chứng kết quả sáng kiến trong quá trình thực tế dạy học*: Tìm xem sáng kiến, giải pháp thay thế có hiệu quả hay không và hiệu quả được khẳng định qua những minh chứng cụ thể nào.

Việc thực hiện theo cấu trúc ba phần cơ bản trên giúp giáo viên phát hiện được các vấn đề mới, làm cho bài học của thầy và trò cuốn hút và hiệu quả hơn. Các sáng kiến, giải pháp do chính giáo viên nghiên cứu và được điều chỉnh từ mô hình trường học mới hoặc có thể từ mô hình nhà trường truyền thống. Không nên chọn những nội dung để nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng mà không liên quan trực tiếp đến quá trình dạy học hàng ngày của giáo viên.

c) Tham quan lớp học kiểu mẫu của mô hình trường học mới

Chọn lớp tốt nhất, thành công nhất ở địa điểm tổ chức sinh hoạt cụm trường để các đại biểu tới sinh hoạt chuyên môn được tham quan trải nghiệm thực tế. Nên dành thời gian để giáo viên chia sẻ với nhau về những khó khăn tương tự, trao đổi ý tưởng, thực hành và trải nghiệm, áp dụng những cách tiếp cận mới, từ đó thấy được những thành công và khả năng tồn tại khác.

Các đại biểu cũng được giới thiệu và tìm hiểu cách làm các công cụ hỗ trợ học tập, các thiết bị và đồ dùng dạy học do giáo viên, học sinh và cộng đồng tự làm bằng nguyên vật liệu được dùng lại hoặc sẵn có ở địa phương.

Các đại biểu cũng có thể gặp đại diện cha mẹ học sinh, cộng đồng để trao đổi cách làm, cách học từ cuộc sống hằng ngày tại cộng đồng. Ngược lại, cộng đồng cũng báo cáo học được gì từ nhà trường và đã thay đổi gia đình và cộng đồng như thế nào.

d) Chuẩn bị kế hoạch cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo

Việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo là quan trọng và cần thiết. Các trường trong cụm cần thống nhất được những nội dung cụ thể cho lần sinh hoạt tiếp theo và có kế hoạch chuẩn bị; phân công hết sức cụ thể cho từng tập thể, cá nhân chuẩn bị các nội dung liên quan và các điều kiện cần thiết để lần sinh hoạt cụm tiếp theo đem lại hiệu quả cao.

Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường phải luôn luôn khả thi vì các hoạt động của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường tự xây dựng theo yêu cầu, mục đích thiết thực và phải đem lại lợi ích cụ thể cho từng trường. Do vị trí địa lý của các trường tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường gần nhau nên giáo viên và cán bộ quản lý có thể đi lại bằng phương tiện cá nhân, tiết kiệm được thời gian lưu trú khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.

II. THAM GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN "TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI"

1. Hướng dẫn sử dụng "Nghệ thuật trường học"

1.1. Tài khoản cấp trường

Tóm tắt Hướng dẫn Tài khoản cấp trường:

Bước 1: Đăng nhập

Bước 2: Khai báo thông tin trường

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Khai báo thông tin chung**”.

Khai báo Tên trường, địa chỉ trường.

Ấn nút “**Đồng ý**” để xác định khai báo.

Bước 3: Khai báo thông tin cá nhân TK trường

Đổi mật khẩu.

Đổi tên tài khoản.

Khai báo thông tin.

Upload ảnh đại diện của trường.

Bước 4: Quản lý giáo viên

Bước 5: Quản lý lớp học

Bước 6: Quản lý học sinh

Bước 7: Phân công giảng dạy và sắp xếp thời khóa biểu

Bước 8: Theo dõi hoạt động Sinh hoạt chuyên môn

a) Khai báo thông tin chung



LƯU Ý QUAN TRỌNG: Lần đăng nhập đầu tiên, trường phổ thông phải khai báo để khởi tạo không gian riêng trong mục “**Khai báo thông tin chung**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN KHỞI TẠO CỦA TRƯỜNG	
Tên trường	THPT Hai Bà Trưng
Tỉnh/thành phố	Hà Nội
Quận/huyện	Hai Bà Trưng
Số nhà, đường phố, xã	254 - Minh Khai *Lưu ý: Chỉ nhập số nhà, đường phố, xã
Địa chỉ	254 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Đồng ý	

Trong trang này, phải khai báo đầy đủ thông tin: Loại trường (THPT/THCS), Tên trường (Ví dụ: Hai Bà Trưng), Địa chỉ của trường,...

Sau khi khai báo thông tin của trường, nếu phát hiện sai sót, có thể chỉnh sửa lại bằng cách chọn nút “**Chỉnh sửa**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN	
Mã trường:	THA.98.00001
Tên trường:	THPT Toàn học
Địa chỉ:	136 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội
Chỉnh sửa Trở lại	

b) Quản lý giáo viên

– Quản lý danh sách giáo viên:

Để truy cập không gian quản lý giáo viên, quý thầy/cô chọn nút “**Quản lý giáo viên**” trên thanh menu ngang.

Danh sách thông tin giáo viên của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin khai báo của giáo viên như họ tên, học hàm, học vị, ngày sinh, chuyên môn, chức vụ, địa chỉ, thông tin liên lạc...

Có thể chọn nút “**Xem lịch dạy**” tương ứng với mỗi giáo viên để xem thời khóa biểu do nhà trường phân công giảng dạy cho giáo viên đó (tính năng này sẽ được trình bày cụ thể hơn ở mục 3.4.).

– Tạo tài khoản cho giáo viên:

Để tạo tài khoản cho giáo viên, chọn nút “**Tạo TK GV**” trong không gian quản lý giáo viên.

[Trang chủ](#) > [Không gian trường học](#) > [Quản lý trường](#) > [Quản lý giáo viên](#) > [Tạo tài khoản giáo viên](#)

TẠO TÀI KHOẢN GIÁO VIÊN

Số TK giáo viên tối đa: 100. Còn lại: 81 TK.

Tài khoản	GV.00109.020	
Mật khẩu	JgC8oxNd	Sinh mật khẩu
Họ và tên		
Đồng ý		

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này. Tuy nhiên, người dùng có thể yêu cầu thay đổi một chuỗi mật khẩu khác bằng cách kích chuột vào “**Sinh mật khẩu**”.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, người dùng cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho giáo viên. Nếu không thực hiện bước copy này, người dùng sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp người dùng quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày ở dưới đây để khắc phục.

Người dùng cần lưu ý số hạn ngạch tài khoản giáo viên do Sở GD&ĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, hãy liên lạc với quản trị cấp Sở để được tăng số hạn ngạch.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **GV.00109.020** với mật khẩu truy cập **JgC8oxNd**).

– Đổi mật khẩu cho giáo viên:

Trường hợp khi tạo tài khoản giáo viên không lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, giáo viên quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho giáo viên bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên của trường.

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với giáo viên.

1	 ThS. Nguyễn Xuân Trung (Xem lịch dạy)	Mã GV: GV.00109.001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/12/1976 Chuyên môn: Vật lý Chức vụ: Phó Hiệu trưởng	Điện thoại: 0913568506 Email: trungthptbnd@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: EG0rmus6 Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu					

Hãy lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho giáo viên.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản giáo viên.

Có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các ký tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản giáo viên đó.

– Xóa tài khoản giáo viên:

Để xóa tài khoản giáo viên không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên.

Sau khi xóa, tài khoản giáo viên đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản giáo viên, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa như trình bày dưới đây.

– Khôi phục tài khoản giáo viên:

Để khôi phục lại các tài khoản giáo viên đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục GV**” trong không gian quản lý giáo viên. Danh sách tài khoản giáo viên đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên. Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng với giáo viên để khôi phục lại tài khoản. Sau khi được khôi phục, tài khoản giáo viên đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

c) Quản lý lớp học

Để truy cập không gian “**Quản lý lớp học**”, chọn mục “**Quản lý lớp học**” trên thanh menu ngang.

– Tạo lớp học mới:

Chọn nút “**Tạo lớp học**” để vào không gian tạo một lớp học mới.

Điền các thông tin cơ bản của lớp học:

Tên lớp: ví dụ, muốn tạo lớp 12A5, chọn lớp 12 và gõ A5 vào ô bên cạnh.

Mô tả: mô tả chung về lớp học (sĩ số, thành tích lớp học,...).

Hình ảnh minh họa: hình ảnh hiển thị cho lớp học (có thể là hình ảnh tập thể của lớp).

Số học sinh: sĩ số của lớp học.

Giáo viên chủ nhiệm: lựa chọn giáo viên chủ nhiệm cho lớp học trong số giáo viên trong trường.

Lựa chọn lớp học theo trường học mới (nếu cần). Lưu ý: chỉ có những trường thí điểm theo mô hình trường học mới mới có tính năng này. Các lớp học trường học mới sẽ có không gian quản trị điểm số khác so với các lớp học thường.

Cuối cùng, chọn nút “**Đồng ý**” để tạo một lớp học mới.

– Tạo tài khoản học sinh theo đơn vị lớp:

Sau khi tạo lớp học thành công, lớp học mới sẽ hiển thị trong danh sách ở mục “**Quản lý lớp học**”.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đồng (Toán)	Chi tiết	32	Tạo tài khoản HS	Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	------------------	-----	-----

Để tạo tài khoản cho học sinh theo đơn vị lớp, chọn nút “**Tạo tài khoản học sinh**” tương ứng với lớp học.

Sau khi tạo thành công, các file định dạng excel và pdf chứa danh sách tài khoản và mật khẩu sẽ hiện ra tương ứng với lớp học.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đồng (Toán)	Chi tiết	32	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	--------------	---	---	-----	-----

Có thể download các danh sách trên về và gửi cho lớp học.

*** Lưu ý:** nếu số hạn ngạch tài khoản học sinh của trường còn ít hơn sĩ số học sinh của lớp thì sẽ không thể tạo được tài khoản học sinh cho lớp học đó.

– Chỉnh sửa lớp học:

Trong quá trình tạo lớp học, nếu có sai sót, có thể chỉnh sửa lại thông tin của lớp học bằng cách chọn nút “**Sửa**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp của trường. Không gian chỉnh sửa lớp học sẽ hiện ra tương tự như không gian tạo lớp học. Sau khi chỉnh sửa lại các thông tin cần thiết, ấn nút “**Đồng ý**” để xác nhận chỉnh sửa.

*** Lưu ý:** sĩ số lớp chỉ có thể thay đổi khi chưa tạo tài khoản học sinh theo danh sách lớp. Trong trường hợp đã tạo tài khoản cho học sinh nhưng vẫn muốn chỉnh sửa sĩ số lớp học thì có thể vận dụng các chức năng sẽ được trình bày ở dưới đây để thực hiện.

– Xóa lớp học: Các lớp học đã được tạo có thể được xóa bỏ bằng cách chọn nút “**Xóa**” tương ứng với lớp học đó.

*** Lưu ý:** với các lớp học đã được tạo học sinh, sau khi lớp học bị xóa, học sinh thuộc lớp học đó sẽ được chuyển thành “**học sinh tự do**” (học sinh không thuộc lớp học nào). Khi đó có thể sử dụng các tính năng khác để gán những học sinh đó vào một lớp học khác.

– Quản lý thông tin từng lớp học:

+ *Xem danh sách lớp:* Để xem danh sách lớp, chọn “**Xem chi tiết**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp học của trường.

#	Lớp	Giáo viên chủ nhiệm	TKB	Sĩ số	DS lớp	Excel	PDF	Sửa	Xóa
1	6A	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
2	3N	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình (Tiếng Nga)	Chi tiết	8	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
3	12B	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lý)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
4	12A	CN. Nguyễn Thị Thanh Hà (Khoa học tự nhiên)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
5	12A	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
6	12test	CN. Trần Thị Sơn (Vật lý)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa

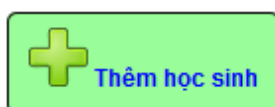
Danh sách thông tin học sinh của lớp học đó sẽ hiện ra với các thông tin cơ bản mà học sinh khai báo như mã học sinh, họ tên, ngày sinh, địa chỉ...

* Danh sách có 32 học sinh.

1 2 3 4 5 6 7 Số lượng hiển thị: 10

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
2	 HS.00109.00302	Mã HS: HS.00109.00302 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
3	 HS.00109.00303	Mã HS: HS.00109.00303 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
4	 HS.00109.00304	Mã HS: HS.00109.00304 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa

+ *Thêm học sinh vào lớp*: có thể thêm các học sinh tự do (học sinh đang không thuộc lớp nào) vào lớp học bằng cách chọn nút “**Thêm học sinh**” trong không gian quản trị của lớp học.



Danh sách học sinh tự do của trường sẽ hiện ra.

GÁN HỌC SINH VÀO LỚP 12A5

Danh sách học sinh tự do (10)

Chọn tất cả | Xóa tất cả

1 Số lượng hiển thị: 10

#	MÃ HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Trạng thái
	HS.00109.00271				Xóa lớp
	HS.00109.00272				Xóa lớp
	HS.00109.00273				Xóa lớp
	HS.00109.00274				Xóa lớp
	HS.00109.00275				Xóa lớp
	HS.00109.00276				Xóa lớp
	HS.00109.00277				Xóa lớp
	HS.00109.00278				Xóa lớp
	HS.00109.00279				Xóa lớp
	HS.00109.00280				Xóa lớp

Tích chọn các học sinh muốn gán vào lớp rồi ấn nút “**Gán học sinh**”.

+ *Chuyển trạng thái học sinh (thôi học, đuổi học, bảo lưu)*: Trong quá trình học tập, học sinh có thể bị đuổi học, xin thôi học hay xin bảo lưu kết quả học tập, nhà trường có thể chuyển trạng thái của học sinh đó thành “thôi học”, “đuổi học”, “bảo lưu” bằng cách chọn nút “**Chọn trạng thái**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của lớp.

1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	-----------------	------------	-----

Chọn nút tương ứng với trạng thái muốn chuyển thành của học sinh.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Thôi học Đuổi học Bảo lưu						

Sau khi đã chuyển trạng thái, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

+ *Chuyển lớp cho học sinh*: có thể chuyển học sinh từ lớp học này sang lớp học khác bằng cách chọn nút **“Chuyển lớp”** tương ứng với mỗi học sinh.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	-----------------	------------	-----

Chọn lớp học muốn chuyển tới rồi ấn nút **“Chuyển”**.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
12B Chuyển						

Thông tin của học sinh được chuyển đi sẽ được hiển thị trong danh sách của lớp chuyển tới.

+ *Xóa học sinh*: Để xóa học sinh, chọn nút **“Xóa”** tương ứng.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	-----------------	------------	-----

Sẽ có hai lựa chọn xóa được hiển thị.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Xóa khỏi lớp Xóa						

“Xóa khỏi lớp”: xóa học sinh này ra khỏi danh sách lớp học, nếu chọn nút này, học sinh đó sẽ chuyển thành học sinh tự do (không thuộc lớp nào) và có thể gán học sinh đó vào một lớp học khác.

“Xóa”: xóa hẳn tài khoản học sinh, nếu chọn nút này, tài khoản học sinh đó sẽ bị xóa và không thể truy cập được nữa. Tuy nhiên, trong trường hợp xóa nhầm vẫn có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

d) Quản lý học sinh

– Quản lý danh sách học sinh: Để truy cập không gian quản lý học sinh, chọn nút “**Quản lý học sinh**” trên thanh menu ngang. Danh sách thông tin học sinh của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin của học sinh như họ tên, ngày sinh, lớp học, địa chỉ...

– Tạo tài khoản cho học sinh: Để tạo tài khoản cho học sinh, chọn nút “**Tạo TK học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Quản lý học sinh > Tạo tài khoản học sinh

Số TK học sinh tối đa: 500. Còn lại: 168 TK.

Tài khoản:

Mật khẩu:

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho học sinh. Nếu không thực hiện bước copy này, sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày dưới đây để khắc phục.

Số lượng tài khoản học sinh do sở GDĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, cần liên lạc với quản trị cấp sở để được tăng số lượng.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **học sinh.00109.00333** với mật khẩu truy cập **IfV4N31h**).

– Đổi mật khẩu cho học sinh: Trong trường hợp khi tạo tài khoản học sinh quên lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, học sinh quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho học sinh bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của trường.

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bãi Thượng - Đoàn Bài - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	---	--	---------------------	-----

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với học sinh

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bãi Thượng - Đoàn Bài - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	---	--	---------------------	-----

Mật khẩu mới:

Lưu lại mật khẩu trong khung trống để gửi lại cho học sinh.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản học sinh, có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các ký tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút **“Sinh mật khẩu”**.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút **“Đổi mật khẩu”** để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản học sinh đó.

– Xóa tài khoản học sinh: Để xóa tài khoản học sinh không dùng tới, chọn nút **“Xóa”** tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh.

2	 Nguyễn Mai Lan	Mã HS: HS.00109.00002 Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Lớp: 6A	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	--	---	--------------	-----

Sau khi xóa, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản học sinh, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

– Khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa: Để khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa, chọn mục **“Khôi phục học sinh”** trong không gian quản lý học sinh.

Danh sách tài khoản đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên.

KHÔI PHỤC TÀI KHOẢN HỌC SINH				
* Danh sách có 1 học sinh.				
1	Số lượng hiển thị: 10			
Mã HS	Thông tin	Điện thoại/Email	Ngày xóa	Khôi phục
 HS.00109.00002	Họ tên: Nguyễn Mai Lan Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Trạng thái:	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com	10:38 13/03/2015	Khôi phục

Chọn nút **“Khôi phục”** tương ứng để khôi phục lại tài khoản.

Sau khi được khôi phục, tài khoản học sinh đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

e) Sắp xếp thời khóa biểu

Nhiệm vụ sắp xếp thời khóa biểu nhà trường được xây dựng trong mục **“Thời khóa biểu”** trên thanh menu ngang.

LƯU Ý: cần lưu ý thao tác đầu tiên trước khi sử dụng các tính năng được trình bày trong mục này là điều khiển trạng thái học kì của trường mình. Trạng thái này sẽ ảnh hưởng tới thông tin được tạo ra khi sử dụng các tính năng liên quan đến thời khóa biểu của nhà trường.

Để điều khiển trạng thái học kì của trường mình, thực hiện như sau:

Chọn **“Thời khóa biểu”** trên thanh menu ngang.

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

NĂM HỌC 2014 - 2015

Học kì: Học kì 1 Học kì 2

Phân công giáo viên

Sắp xếp thời khóa biểu

Thời khóa biểu toàn trường

Trong khung điều khiển “**Học kì**”, hãy chọn học kì tương ứng với thời gian hiện tại.

– Phân công giáo viên giảng dạy: Trước khi tiến hành sắp xếp thời khóa biểu, cần phân công các giáo viên giảng dạy cho từng lớp học muốn xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

#	Môn học	Giáo viên
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán) ✕
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý) ✕
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh) ✕
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn) ✕
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕
9	Công nghệ	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
10	GD&CD	Phạm Minh Lương (GD&CD) ✕
11	Mỹ thuật	
12	GDQPAN	

Giáo viên

Huân (Toán)

Nga (Toán)

Trang (Toán)

Trung (Toán)

Tuấn (Toán)

An (Toán)

Vượng (Toán)

Ý (Toán)

Thuật (Toán)

Đào (Toán)

1

2

3

4

5

6

7

8

9

Hãy chọn lớp học muốn phân công giáo viên giảng dạy.

Nhập giáo viên muốn phân công giảng dạy trong khung “**Giáo viên**” và thả vào bảng tương ứng với môn học.

Ấn nút “**Ghi lại**” để xác nhận.

Nếu thả nhầm hoặc muốn xóa giáo viên đã được phân công giảng dạy, chọn nút “✕” tương ứng với giáo viên đó để xóa đi và ấn nút “**Ghi lại**” để lưu lại thông tin.

– Sắp xếp thời khóa biểu: Sau khi hoàn thành phân công giảng dạy, chúng ta có thể tiến hành sắp xếp thời khóa biểu.

Chọn mục “**Sắp xếp thời khóa biểu**” trong không gian thời khóa biểu để truy cập không gian sắp xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

Thứ	Tiết	Sáng	Giáo viên	Chiều	Giáo viên
1	1	Chào cờ ✕		Sinh ✕	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh) ✕
	2	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Sử ✕	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
	3	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Địa ✕	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
	4	Lý ✕	Đặng Văn Phiến (Lý) ✕	Công nghệ ✕	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
	5	Hóa ✕	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕	GD&CD ✕	Phạm Minh Lương (GD&CD) ✕
2	1	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
	2	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
3	1				
	2				
	3				
	4				
	5				
4	1				
	2				

THÔNG KÊ

Môn	Số tiết
Chào cờ	1

Giáo viên

Thanh (Tin)

Nga (Toán)

Phiến (Lý)

Hương (Hóa)

Anh (Sinh)

Nhung (Văn)

Thu (Sử)

Dung (Địa)

Anh (CN)

Lương (GD&CD)

1

2

Môn học

Chào cờ

Toán

Hóa

Sinh

Sử

Địa

Tin

Công nghệ

GD&CD

Mỹ thuật

GDQPAN

Thế dục

Nhạc

KHTN

KH&H

1

2

Đầu tiên, hãy chọn lớp muốn xếp thời khóa biểu trước.

Hãy nhập các môn học trong khung “**Môn học**” và thả vào ô tương ứng trong bảng (tiết, thứ, buổi), nhập các giáo viên trong khung “**Giáo viên**” và thả vào ô tương ứng với môn học.

Lưu ý: chỉ có các giáo viên đã được phân công giảng dạy trong lớp đang xếp thời khóa biểu mới hiển thị trong khung “**Giáo viên**”.

Nếu thả nhầm, có thể chọn nút “**X**” tương ứng để xóa đi và làm lại.

Cuối cùng, hãy ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Hệ thống hiển thị khung “**Thống kê**” ở bên phải để có thể xem thống kê sơ bộ số tiết tương ứng với các môn học của lớp học đó, tiện cho việc kiểm soát và sắp xếp thời khóa biểu.

– Xem thời khóa biểu toàn trường: Sau khi sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp học, có thể xem lại thời khóa biểu tổng thể của nhà trường bằng cách chọn mục “**Thời khóa biểu toàn trường**” trong không gian thời khóa biểu.

☑ Sáng ☐ Chiều

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10B1	10B2	10B3	10B4	10B5	10B6	10B7	10B8	10B9	11A1	11A2	11B1	11B2	11B3
2	1	Chào cờ	Sinh														
	2	Toán	Sinh														
	3	Toán	Sử														
	4	Lý	Địa														
	5	Lý	Tiếng Anh														
3	1																
	2																
	3																
	4																
	5																

f) Tiếp nhận hồ sơ học sinh/giáo viên chuyển tới

Học sinh/giáo viên xin chuyển trường, chuyển công tác tới sẽ được hiển thị trong mục “**Xin chuyển đến**”. Quản trị trường cần xác nhận yêu cầu chuyển đó thì học sinh/giáo viên xin chuyển tới mới có thể thuộc quyền quản lý của trường mình.

Chọn nút “**Tiếp nhận**” để xác nhận yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Sau khi tiếp nhận, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên sẽ được chuyển về trường mới.

Chọn nút “**Hủy bỏ**” để hủy bỏ yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Khi đó, yêu cầu xin chuyển trường của học sinh/giáo viên sẽ bị hủy bỏ, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên đó vẫn thuộc về trường cũ.

1.2. Tài khoản giáo viên

a) Quản lý danh sách lớp chủ nhiệm và lớp giảng dạy

Trong “Không gian trường học”, chọn mục “Danh sách lớp” trên thanh menu bên phải. Danh sách các lớp chủ nhiệm và các lớp được phân công giảng dạy sẽ hiện ra.

DANH SÁCH LỚP

Trường: THPT Châu Thành

Năm học: 2014 - 2015

1. Danh sách lớp chủ nhiệm

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
13GiaoVien	83	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp
13GVChauThanh	84	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp

2. Danh sách lớp giảng dạy

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
10A2	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp
10A1 (VNEN)	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp

Để xem danh sách học sinh của lớp, chọn nút “Xem danh sách lớp” tương ứng.

b) Quản lý điểm

– Nhập điểm và nhận xét cho học sinh:

Để chấm điểm và nhận xét cho các lớp giảng dạy, truy cập mục “Quản lý điểm” trong “Không gian trường học”.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: Chon lop
Nhận xét: Chon lop
10A2 (Đia)
10A1 (Đia)

HÃY CHON LỚP TRƯỚC

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
HÃY CHON LỚP TRƯỚC						

Đầu tiên, hãy chọn lớp để vào điểm. Danh sách học sinh sẽ hiện ra.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đia)
 Nhận xét: ☐ Bất ☒ Tất

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	10 10 10 4.5	8 8 9 8	10 9 2.5 3.5		9.2
2	Phạm Đức Đồng (HS.02753.00395)	8 7 1.5	8	6 5 5.5		6.8
3						
4						
5						
6						
7						
8						

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5
10	NX

Để vào điểm, chọn điểm tương ứng và kéo thả vào các ô tương ứng (Hệ số 1,2,3 ..) với mỗi học sinh. Khi cho điểm, lưu ý lựa chọn “**Nhận xét**”.

Nếu “**Bất**”: với mỗi điểm số, cần cho một nhận xét tương ứng.

Ví dụ khi cho điểm với trạng thái nhận xét bất:

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đia)
 Nhận xét: ☒ Bất ☐ Tất

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)					9.2
2	Phạm Đức Đồng (HS.02753.00395)					6.8
3						
4						
5						
6						

Nhận xét

Nhận xét: Bài chưa tốt!

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5

Hộp thoại nhận xét hiện lên, gõ lời nhận xét sau đó ấn nút “**Đồng ý**”.

Nếu “**Tất**”: chỉ cho điểm, không có nhận xét.

Sau khi cho điểm, có thể chỉnh sửa hoặc xóa điểm số đã cho bằng cách ấn vào điểm tương ứng.

Hệ số 2	Hệ số 3	Khác
8 8 9 8	10 9 2.5 3.5	4.5
8		

Chi tiết

Điểm: 8

Nhận xét: Cần cố gắng hơn nữa

Để sửa điểm số hoặc lời nhận xét, chọn nút “**Sửa**”. Khung chỉnh sửa sẽ hiện lên.

Chỉnh sửa điểm và nhận xét rồi ấn nút “**Đồng ý**”.

Để xóa điểm số, chọn nút “**Xóa**”.

Sau khi hoàn thành việc cho điểm và nhận xét, ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Lưu ý: Dành cho các lớp học theo Mô hình trường học mới

Các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ có không gian quản lý điểm khác so với các lớp học bình thường (hình dưới).

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN				
#	Học sinh	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Cao Hoàng Ân (HS.02753.00199)	10 10 9	10 10 NX	9.5
2	Lê Đình Phương Anh (HS.02753.00200)			
3	Nguyễn Hải Anh (HS.02753.00201)	10		
4	Đường Trúc Duyên (HS.02753.00202)			
5	Đoàn Ngọc Thiên Đạt (HS.02753.00203)			
6	Lê Tuấn Anh Hải (HS.02753.00204)			
-	Lê Thị Ngọc Hân			

Đánh giá học sinh trong các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ được chia thành hai mục chính:

Đánh giá thường xuyên: đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng. Đánh giá Biểu hiện về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục. Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có).

Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học.

– Tổng kết môn: Sau khi hoàn thiện điểm số trong học kì cho học sinh, có thể tính điểm tổng kết cho học sinh bằng cách chọn nút “**Tổng kết môn**” ở cuối trang. Điểm số này được tính tự động theo điểm số trong 3 mục Hệ số 1, hệ số 2 và hệ số 3.

c) Trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh

Để truy cập không gian trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh, kích chuột vào tên lớp trong “**Danh sách lớp**”.

10A1 (VNE)	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp
------------	----	-------------------------------	-------------------

– Giáo viên chủ nhiệm tạo tài khoản cho cha mẹ học sinh

Để sinh tài khoản cho phụ huynh học sinh, “**Giáo viên chủ nhiệm**” chọn nút “**Tạo TK cho PH học sinh**” trong không gian trao đổi.

Tài khoản dành cho PHHS:

Tạo TK cho PHHS

Sau khi tạo tài khoản cho phụ huynh học sinh, một file định dạng excel sẽ được hệ thống tạo ra lưu trữ thông tin danh sách tài khoản và mật khẩu truy cập của phụ huynh. “**Giáo viên chủ nhiệm**” tải file này xuống và gửi tới cha mẹ học sinh tương ứng trong danh sách.

Tài khoản dành cho PHHS:

XLS

Ngoài ra, có thể lựa chọn tạo từng tài khoản CM học sinh tương ứng với mỗi học sinh thay vì tạo theo danh sách lớp (ví dụ trong trường hợp có học sinh mới chuyển tới mà chưa cho CM học sinh kèm theo) bằng cách chọn nút “**Tạo tài khoản PH học sinh**” tương ứng với mỗi học sinh.

1	NO PHOTO HS.02753.01248	Mã HS: HS.02753.01248 Giới tính: Ngày sinh:	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Xem chi tiết	Tạo tài khoản PHHS
---	----------------------------	---	-----------------------------------	--------------	--------------------

– Trao đổi cá nhân giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh:

Để trao đổi cá nhân với mỗi phụ huynh học sinh, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi vị phụ huynh.

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Kết quả học tập	Trao đổi với PHHS
1	NO PHOTO Cao Hoàng Ân	Mã HS: HS.02753.00199 Giới tính: Nam Ngày sinh: 10/11/1999	Điện thoại: 0643827361 Email: caohoangan1999@gmail.com Địa chỉ: 31 Hùng Vương - Phước Hưng - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu	Xem chi tiết	Phạm Văn Đức Điện thoại: 012345678 Email: profdongphat@gmail.com Trao đổi

Để khởi tạo một chủ đề thảo luận mới với phụ huynh học sinh, gõ nội dung vào khung soạn thảo, sau đó ấn nút “**Gửi**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Danh sách lớp học > Lớp 10A1 > Trao đổi với phụ huynh em: Cao Hoàng Ân

HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Kết quả học tập: [Xem chi tiết](#)

Phụ huynh học sinh: Ông. Phạm Văn Đức (Tel: 012345678)

Gửi đây em Ân học rất tốt, thưa bác!

CHƯA CÓ TRAO ĐỔI NÀO

Lưu ý: thảo luận trong mục này là thảo luận cá nhân giữa giáo viên và phụ huynh của một học sinh cụ thể.

– Thảo luận chung giữa các giáo viên và phụ huynh học sinh: Trong không gian trao đổi của mỗi lớp học, không gian “**Thảo luận chung**” là nơi trao đổi giữa tất cả các giáo viên đang giảng dạy lớp học đó và phụ huynh của học sinh. Để truy cập không gian “**Thảo luận chung**”, chọn nút “**Thảo luận chung**” trên thanh menu ngang. Thao tác tạo chủ đề thảo luận và trả lời một chủ đề tương tự như phần trao đổi cá nhân đã trình bày ở trên.

Lưu ý: các thảo luận trong mục này tất cả giáo viên và phụ huynh học sinh trong lớp học đều có thể xem và tham gia thảo luận.

d) Tổ chức dạy học cho học sinh

Tạo bài học mới: Mô đun “**Quản lí bài học**” cho phép giáo viên: tạo một bài học hoặc chủ đề mới; chỉnh sửa lại bài học; xóa bài học; quản lí danh sách các bài học.

– Khi tạo một bài học hoặc một chủ đề mới, giáo viên cần đặt tiêu đề, chỉ rõ lĩnh vực (môn học), mô tả cụ thể chủ đề hoặc yêu cầu hoạt động cho học sinh, đặt phạm vi cho phép truy cập bài học (dành cho đối tượng nào).

– Sau khi tạo xong, giáo viên có thể upload thêm tài liệu tham khảo, giúp học sinh thuật lợi hơn trong việc tiến hành các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– Theo dõi quá trình đăng kí học và xác nhận đăng kí cho học sinh:

Sau khi giáo viên tạo ra bài học mới, những học sinh thuộc phạm vi cho phép sẽ có quyền đăng kí theo học. Tùy vào khóa học/chủ đề, giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

Đối với từng khóa học, giáo viên có thể theo dõi quá trình đăng kí học của học sinh, của từng nhóm học sinh:

DANH SÁCH CÁC NHÓM ĐĂNG KÝ KHÓA HỌC			THẮC MẮC CỦA HỌC SINH	THÔNG BÁO CHUNG		
STT	Nhóm	Thành viên	Sản phẩm	Quyền sửa	Điểm	Xác nhận
1.	Nhóm học sinh số 1	1. Học sinh 1 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 2			10	
2.	Nhóm 2	1. Học sinh 3 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 4			19	
						Chọn tất cả Xóa tất cả
Đồng ý						

Trong mục này, giáo viên có công cụ để cho phép, hoặc không cho phép học sinh/nhóm học sinh nào đó tham gia khoa học/chủ đề.

Khi giáo viên xác nhận đủ điều kiện tham gia, các học sinh/nhóm học sinh mới có quyền truy cập đến các dữ liệu khác của khóa học/chủ đề.

– Điều khiển quá trình học tập: Ra thông báo chung cho cả lớp các hoạt động, gợi ý hoặc chỉ dẫn,... trong mục “**THÔNG BÁO CHUNG**”; trả lời thắc mắc, hỗ trợ, gợi ý học sinh. Khi học sinh đặt câu hỏi, giáo viên có thể trao đổi trực tiếp trên hệ thống trong mục “**THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**”.

– Quản lý nhóm và sản phẩm nhóm: Trong hình trên, giáo viên có thể nhìn thấy sản phẩm mà học sinh/nhóm học sinh đã upload lên. Giáo viên có thể download xuống để đọc và cho điểm.

– Chấm điểm cho sản phẩm: Sau khi đọc xong và cho điểm, giáo viên có công cụ để nhập điểm vào hệ thống để thông báo cho học sinh/nhóm học sinh.

e) Xin chuyển công tác

Học sinh/giáo viên có quyền xin chuyển sang một trường khác bằng các thao tác được mô tả dưới đây.

Trong “Không gian trường học”, chọn “Xin chuyển trường”.

Chọn trường muốn chuyển tới theo trình tự: chọn tỉnh → chọn huyện → chọn trường.



Ấn nút “**Xin chuyển trường**” để xác nhận.

Sau khi xác nhận thành công, thông tin chuyển trường của học sinh/ giáo viên sẽ được gửi tới trường chuyển đến, học sinh/giáo viên chờ quản trị trường chuyển tới đồng ý thì học sinh/giáo viên đó sẽ do trường chuyển tới quản lý.



Học sinh/giáo viên có thể hủy bỏ lệnh xin chuyển trường trước khi trường chuyển tới đồng ý cho chuyển bằng cách chọn nút “**Hủy bỏ**”.

f) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn

Các khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn của giáo viên được đặt trong mục "**Sinh hoạt chuyên môn**". Khi đã đăng nhập bằng tài khoản cá nhân, giáo viên có thể lựa chọn khóa học/bài học theo môn học/hoạt động giáo dục, lớp, giáo viên; đăng kí tham gia các khóa học/bài học và thực hiện các hoạt động học theo hướng dẫn.

Giáo viên sẽ nhìn thấy danh sách những khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn do Bộ GDĐT hoặc sở GDĐT tạo ra. Kích chuột vào tiêu đề của khóa học/chủ đề, giáo viên sẽ xem được mô tả tổng thể của khóa học/chủ đề.

Quy trình tổ chức nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống như sau:

- Bước 1: Tổ trưởng đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.
- Bước 2: Các thành viên trong tổ/nhóm trao đổi, thảo luận trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Bước 3: Tổ trưởng tập hợp, biên tập lại sản phẩm và nộp lên hệ thống.

Thao tác kỹ thuật:

Bước 1: Tổ trưởng chuyên môn đăng ký tham gia và tổ chức nhóm.

Tìm hiểu mục đích – yêu cầu của khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn trước khi đăng kí tham gia.

Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn có trách nhiệm đăng kí tham gia và làm nhóm trưởng, sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để thực hiện theo nhóm. Quy trình đăng kí như sau:

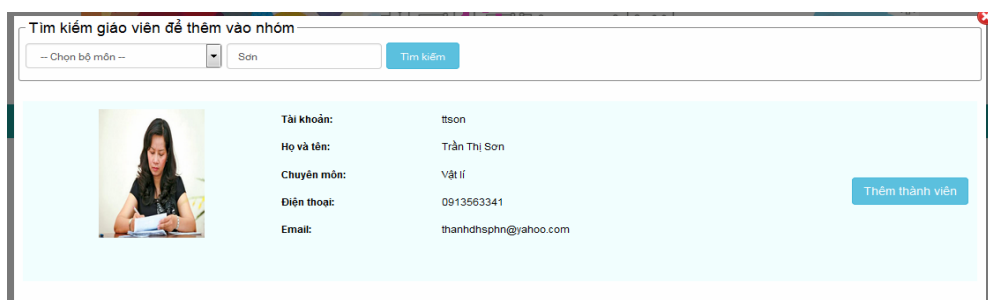
- Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- + Chọn "**Sinh hoạt chuyên môn**".
- + Chọn "**Lĩnh vực**" (VD: Toán).
- + Chọn "**Lớp**" (VD: 12).
- + Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Đăng ký tham gia.

Trong không gian của chủ đề chuyên môn, chọn nút "**Đăng ký**".

Lưu ý: người đầu tiên đăng ký sẽ tự động là nhóm trưởng, các giáo viên khác trong trường muốn tham gia chủ đề này buộc phải được người này mời vào nhóm chứ không thể đăng ký được nhóm mới. Do đó, tốt nhất tổ trưởng chuyên môn nên là người đầu tiên đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.

- Mời thành viên.
- + Chọn nút "**Thêm thành viên**".

+ Không gian tìm kiếm và thêm thành viên sẽ hiện ra.



Lưu ý: có thể tìm kiếm giáo viên bằng các cách tìm kiếm theo chuyên môn, theo mã giáo viên (VD: GV.00012.001) hoặc theo tên giáo viên.

+ Sau khi tìm kiếm, danh sách các giáo viên thỏa mãn điều kiện tìm kiếm sẽ hiện ra. Lựa chọn và ấn nút **“Thêm thành viên”** tương ứng với mỗi giáo viên để thêm vào nhóm.

Ghi chú: Sau khi đăng kí, có thể xem được thông tin về các thành viên trong nhóm bằng cách kích vào nút **“Thông tin nhóm”**. Danh sách nhóm sẽ hiện ra như dưới đây. Tổ trưởng có quyền xóa giáo viên (nếu thêm nhầm) hoặc thêm các thành viên khác vào nhóm.



Bước 2: Tham gia trao đổi trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.

– **“Hoạt động – Thông báo”**: khu vực trao đổi của giáo viên toàn quốc (chỉ có thể tham gia trao đổi khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động một nội dung trao đổi nào đó trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn).

Sau khi đã đăng kí thành công, giáo viên bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ học tập/sinh hoạt chuyên môn. Trong quá trình học tập/sinh hoạt chuyên môn, giáo viên cần thường

xuyên xem thông báo chung của khóa học/chủ đề. Giáo viên sẽ nhận được thông báo trong mục "**Hoạt động – Thông báo**". Giáo viên có quyền đặt câu hỏi để trao đổi lại với giảng viên/ban tổ chức. Lưu ý rằng, trong thông báo chung, mọi giáo viên tham gia khóa học/chủ đề đều có thể đọc được thông tin.

– "**Trao đổi nhóm**": Thảo luận trong nhóm: Các thành viên trong nhóm có thể thảo luận trực tuyến. Những trao đổi này sẽ được giảng viên/ban tổ chức nhìn thấy, tham gia và hỗ trợ cũng như điều hành hoạt động của nhóm.

– "**Hỏi & đáp**": Đặt câu hỏi cho giảng viên/ban tổ chức và thảo luận: Để gửi câu hỏi và trao đổi giảng viên/ban tổ chức, giáo viên vào mục "**Hỏi & Đáp**" và upload câu hỏi lên hệ thống. Giảng viên/ban tổ chức sẽ nhận được câu hỏi và trao đổi riêng với từng giáo viên.

Thao tác kỹ thuật:

Trong không gian trao đổi của mỗi mục trên, thao tác như sau:

- + Gõ nội dung trao đổi.
- + Đính kèm file (nếu cần) bằng cách chọn nút "**BROWSE**".
- + Ấn nút "**Gửi**".

Bước 3: Tổ trưởng chuyên môn nộp sản phẩm

Sau quá trình làm việc, tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn hoàn thành sản phẩm của mình, đại diện cho nhóm gửi sản phẩm cho giảng viên/ban tổ chức trong mục "**Sản phẩm – Kết quả**".

Trong không gian nộp sản phẩm, thao tác như sau:

- + Đính kèm file bằng cách chọn nút "**BROWSE**".
- + Ấn nút "**Gửi**".

Lưu ý: chỉ có nhóm trưởng mới có quyền nộp sản phẩm.

Sản phẩm này sau khi nộp lên hệ thống, các cấp quản lý từ nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nhìn thấy, theo dõi và đánh giá kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong phạm vi quản lý của mình.

- Chọn "**Sinh hoạt chuyên môn**".
- Chọn "**Lĩnh vực**".
- Chọn "**Lớp**".

Chọn nút
"**Đăng ký**"

- Chọn "**Thêm thành viên**".
- Tìm kiếm và mời thành viên vào nhóm.
Lưu ý: có thể tìm kiếm theo chuyên môn, mã giáo viên hoặc tên giáo viên.

1.3. Quyền chuyên gia

Với mục đích hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn của các trường phổ thông trên toàn quốc thực hiện hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH kí ngày 08/10/2014, Bộ GD&ĐT chỉ đạo xây dựng và tổ chức **Quyền chuyên gia** trên Trường học kết nối. Quyền chuyên gia được cấp cho các nhà khoa học và các nhân tố điển hình ở khắp mọi miền để kết nối với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua hệ thống trực tuyến. Những chuyên gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định sẽ có quyền xem tất cả các sản phẩm của các tổ/nhóm chuyên môn do chuyên gia đó phụ trách, đồng thời, các chuyên gia có thể trao đổi trực tuyến với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua mục **Hỏi&Đáp** của Trường học kết nối.

Trong “**Sinh hoạt chuyên môn**”, chọn “**Quản lý SHCM**”, sau đó lựa chọn một chủ đề cụ thể. Quyền chuyên gia sẽ có các chức năng sau:



– Chọn “**Sản phẩm SHCM**” để theo dõi kết quả Sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong toàn quốc, trong phạm vi chuyên môn của mình.

HK1.1. Vật lý 12. Năm học 2014-2015
Ngày bắt đầu đăng ký: 04/10/2014. Ngày hết hạn đăng ký: 03/11/2015
Giáo viên: Bộ Giáo dục và Đào tạo Lĩnh vực: Vật lý

DANH SÁCH TỔ / NHÓM CHUYÊN MÔN

Lọc dữ liệu:
Tỉnh:
Quận/huyện:
Trường:

* Danh sách có 248 Tổ / nhóm chuyên môn
« Trước 1 2 3 4 5 ... 13 Sau » Số lượng hiển thị: 20

STT	Tổ / nhóm chuyên môn	Thành viên	Sản phẩm
1	(Tin học) THPT GDTRH-GDTH 94 Quang Trung - Hải Dương - Hải Dương	1. Đỗ Văn Hào (Tổ / nhóm trưởng)	
2	(Vật lý) TTGDTH Tỉnh Phòng GDCN-GDTH Ngõ 185-Phường Hoàng Văn Thụ -TP Thái Nguyên - Thái Nguyên	1. Nguyễn Ngọc Hưng (Tổ / nhóm trưởng) 2. Bùi Thái An 3. Lương Thị Mai Hương 4. Nguyễn Văn Khiêm	 DOWNLOAD

Bảng thống kê kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm trong chủ đề sẽ hiện ra. Cột “**Tổ/nhóm chuyên môn**” hiển thị thông tin cơ bản về đơn vị công tác, địa chỉ nơi công tác của mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Thành viên**” hiển thị danh sách các thành viên trong mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Sản phẩm**” hiển thị sản phẩm sinh hoạt chuyên môn của mỗi tổ nhóm. Nếu tổ/nhóm nào đã nộp sản phẩm, chuyên gia có thể download sản phẩm đó.

– Chọn “**Hoạt động – Thông báo**”: Tham gia trao đổi chuyên môn với giáo viên toàn quốc.

– Chọn “**Hỏi & đáp**”: Tham gia giải đáp, trả lời các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên toàn quốc trong quá trình sinh hoạt chuyên môn trong phạm vi chuyên môn của mình.

Danh sách các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên sẽ hiện ra. Chuyên gia có thể sử dụng bộ lọc ở trên để tìm kiếm, trao đổi tới từng trường trong toàn quốc.

Để tham gia trao đổi, giải đáp với các tổ/nhóm chuyên môn, chọn “**Chi tiết**” tương ứng với mỗi chủ đề câu hỏi của giáo viên.

Chuyên gia có thể trao đổi bằng cách gõ nội dung vào ô nhập dữ liệu hoặc bằng file dữ liệu (nếu cần) bằng cách chọn nút “**BROWSE**”.

1.4. Tài khoản cha mẹ học sinh

Cha mẹ học sinh sau khi được giáo viên chủ nhiệm chuyển giao tài khoản và mật khẩu có thể truy cập hệ thống, xem kết quả học tập của con em mình và tham gia trao đổi, thảo luận với các giáo viên đang giảng dạy con em mình. Để truy cập không gian dành cho phụ huynh học sinh, chọn mục “**Không gian trường học**”.

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN

NO PHOTO

HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Kết quả học tập: Xem chi tiết

Giáo viên chủ nhiệm: Bùi Thị Thanh Huân (Trao đổi (1))

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi

Để xem kết quả học tập của con em mình, chọn nút “**Xem chi tiết**” tương ứng với mục “**Kết quả học tập**”.

THÔNG TIN KẾT QUẢ HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2014 - 2015


 NO PHOTO
 HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân
 Trường: THPT Châu Thành
 Lớp: 10A1
 Điện thoại: 0643827361
 Email: caoangan1999@gmail.com

#	Môn học	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Toán			
2	Lý			
3	Hóa			
4	Sinh			
5	Văn			
6	Sử			

Để tham gia trao đổi cá nhân với mỗi giáo viên bộ môn hoặc giáo viên chủ nhiệm, chọn nút **“Trao đổi”** tương ứng với mỗi giáo viên trong bảng giáo viên giảng dạy.

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh)	Trao đổi
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn)	Trao đổi
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử)	Trao đổi
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa)	Trao đổi
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin)	Trao đổi

Để tham gia thảo luận chung với tất cả giáo viên giảng dạy và các vị phụ huynh khác, chọn nút **“Thảo luận chung”**.

2. Tập huấn triển khai mô hình trường học mới trên mạng

Nội dung tập huấn triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 trên trang mạng "Trường học kết nối" bao gồm 4 bài học sau như sau:

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

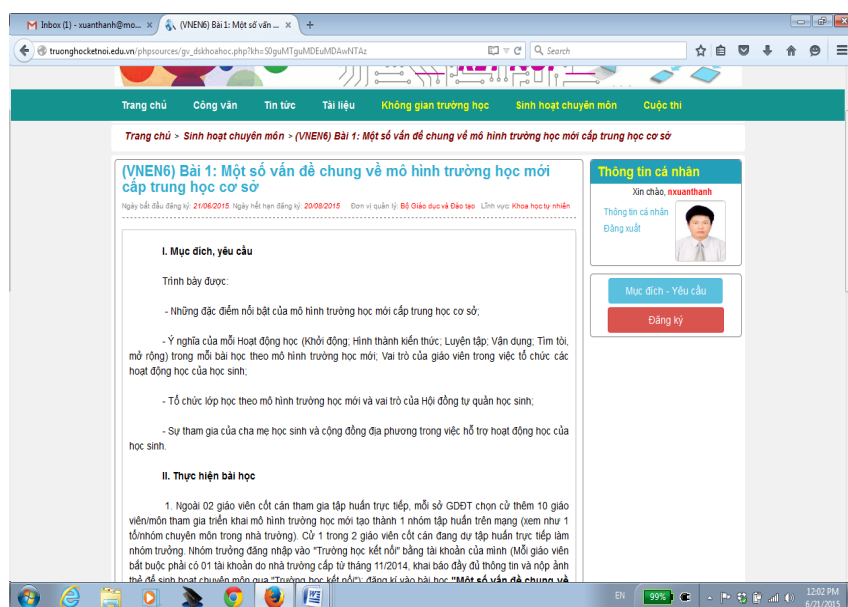
Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn



Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

a) Mục đích, yêu cầu

- Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở;
- Ý nghĩa của mỗi Hoạt động học (Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng) trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới; Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học của học sinh;
- Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương trong việc hỗ trợ hoạt động học của học sinh.



b) Thực hiện bài học

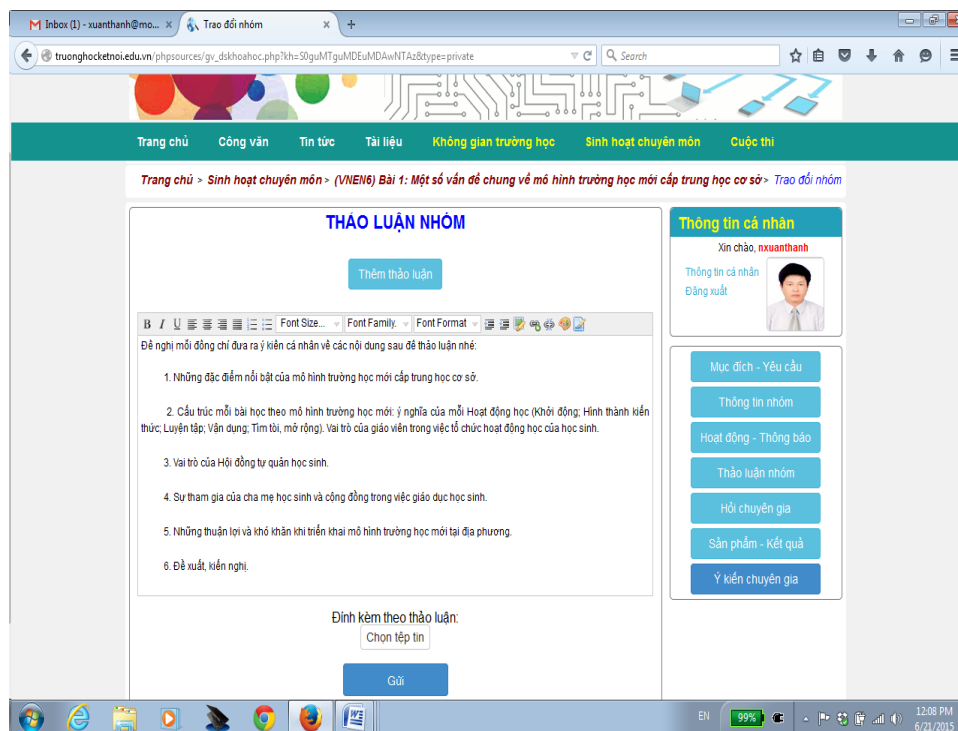
– Ngoài 02 giáo viên cốt cán tham gia tập huấn trực tiếp, mỗi sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử thêm 10 giáo viên/môn tham gia triển khai mô hình trường học mới tạo thành 1 nhóm tập huấn trên mạng (xem như 1 tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường). Cử 1 trong 2 giáo viên cốt cán đang dự tập huấn trực tiếp làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng đăng nhập vào "Trường học kết nối" bằng tài khoản của mình (Mỗi giáo viên bắt buộc phải có 01 tài khoản do nhà trường cấp từ tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối"); đăng kí vào bài học **"Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở"**; sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn của mình để tạo thành 01 nhóm tập huấn qua mạng. Nhóm trưởng khởi tạo bài học và chỉ huy cả nhóm (bao gồm các giáo viên đang tham gia tập huấn trực tiếp và các giáo viên tham gia qua "Trường học kết nối" tại địa phương) thảo luận để hoàn thành bài học.

+ Tạo tổ/nhóm sinh hoạt chuyên môn trên mạng:

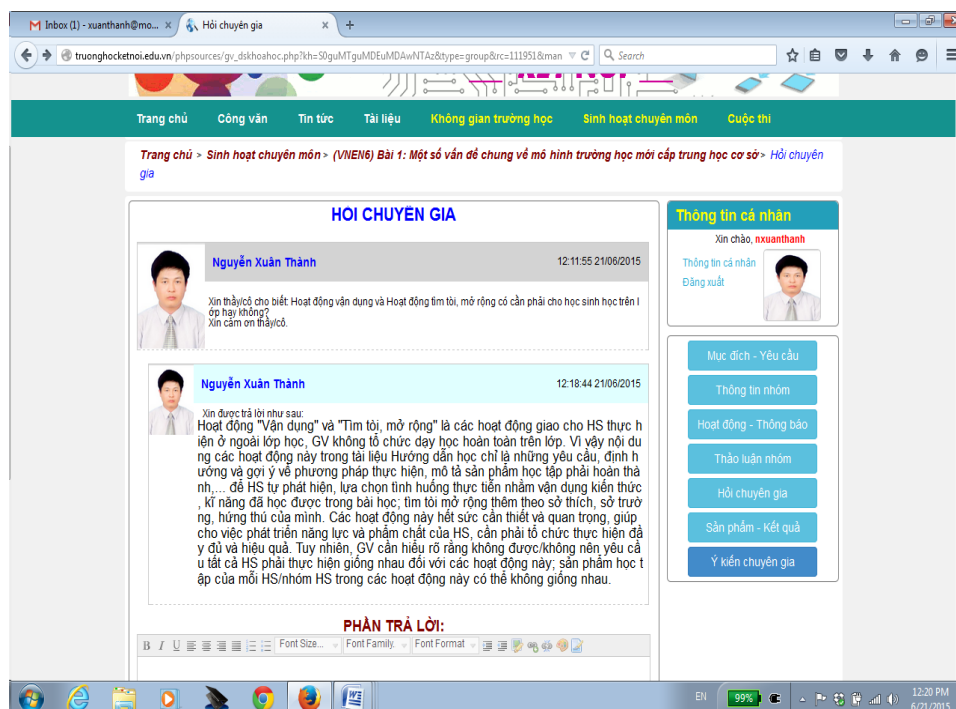


– Các học viên nghiên cứu tài liệu sau:

- + Bài phát biểu chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển;
- + Bài trình bày "Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở";
- + Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6.
- + Thảo luận nhóm trên mạng:



+ Hỏi ý kiến chuyên gia qua mạng:

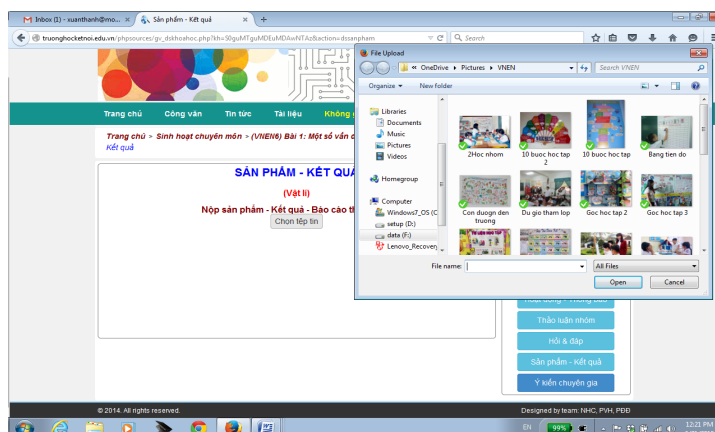


c) Nộp báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

– Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:
 - + Những đặc điểm của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở.
 - + Cấu trúc mỗi bài học theo mô hình trường học mới: ý nghĩa của mỗi Hoạt động học. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học của học sinh.
 - + Vai trò của Hội đồng tự quản học sinh.
 - + Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giáo dục học sinh.
 - + Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai mô hình trường học mới tại địa phương.
 - + Đề xuất, kiến nghị.
- Nộp báo cáo lên mạng:



Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Trình bày được tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học thông qua chuỗi Hoạt động học: Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng;
- Trình bày được: Mục đích, nội dung, phương thức hoạt động (kỹ thuật học tích cực được sử dụng) và sản phẩm học tập của học sinh trong mỗi Hoạt động học trong bài học;
- Dự kiến được những khó khăn của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập và chuẩn bị biện pháp hỗ trợ hợp lý;
- Trình bày được phương án kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh trong bài học. Ví dụ: thông qua quan sát hoạt động học của học sinh; thông qua sản phẩm học tập; cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau;...

b) Thực hiện bài học

– Tạo nhóm học trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa**".

– Các học viên nghiên cứu tài liệu sau: Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6; Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6; Công văn số 5555/BGDĐT–GDTrH ngày 08/10/2014.

c) Nộp báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

– Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

– Nội dung:

+ Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học, thể hiện qua nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học trong cả chuỗi hoạt động học của bài học.

+ Kỹ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức mỗi hoạt động học thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; đề xuất các kỹ thuật dạy học khác có thể được sử dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

+ Thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng trong mỗi hoạt động (nếu có) đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học; Đề xuất những thiết bị dạy học, học liệu có thể thay thế.

+ Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học qua: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; cách quan sát hoạt động học của học sinh, những khó khăn mà học sinh có thể gặp...; các biện pháp giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập; biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; biện pháp tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận;...

+ Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh; xây dựng rubric đánh giá; cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhận kết quả học...); Đề xuất các phương án đánh giá khác có thể sử dụng.

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

– Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và cách tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới;

– Tăng cường năng lực sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học cho cán bộ quản lý, giáo viên;

– Thực hành vận dụng được các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT–GDTrH ngày 08/10/2014.

b) Thực hiện bài học

+ Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu video bài học minh họa**";

+ Các học viên nghiên cứu video bài học, vận dụng các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT–GDTrH ngày 08/10/2014 để phân tích về các hoạt động học.

c) Nộp báo cáo lên mạng

– Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

– Nội dung:

+ Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học.

+ Hoạt động của giáo viên: Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; Khả năng quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình hoạt động học; Các biện pháp đã sử dụng giúp học sinh vượt qua khó khăn; Biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; Khả năng tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận về sản phẩm học tập;... Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh.

+ Hoạt động của học sinh: Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học sinh; Mức độ tích cực, chủ động, hợp tác trong các hoạt động học; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập: tính chính xác, sự phù hợp, tiến độ; Khả năng và mức độ tích cực, chủ động trong báo cáo và thảo luận.

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn (KTĐG?)

a) Mục đích, yêu cầu

– Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học và tài liệu Tập huấn để xây dựng Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học;

– Hoàn thành Kế hoạch dạy học và nộp lên mạng.

b) Thực hiện bài học

+ Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn**".

+ Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học để xây dựng Kế hoạch dạy học.

c) Nội dung Kế hoạch dạy học lên mạng

– Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trường và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

– Nội dung: Báo cáo chi tiết về Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học.

G. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

– Triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

– Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường tham gia dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới 6, 7 trước khi bắt đầu năm học mới 2015–2016.

– Lựa chọn và xây dựng thành cụm các trường dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới để tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Cử cán bộ, chuyên viên tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn.

– Phê duyệt kế hoạch giáo dục triển khai mô hình trường học mới của các phòng Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra việc thực hiện các văn bản, chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo và trường THCS trên tinh thần giao quyền chủ động cho các nhà trường trong quá trình thực hiện.

– Hướng dẫn các phòng GDDT và các trường THCS định kỳ đánh giá, góp ý các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

– Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

– Triển khai và ban hành văn bản để hướng dẫn, chỉ đạo các trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

– Phê duyệt kế hoạch giáo dục của các trường THCS tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

– Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với các trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

– Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở giáo dục tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới 6, 7 thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ/Sở Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo các trường THCS tham gia góp ý cho các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo

– Có các biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nguồn học liệu,...cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới .

– Tổ chức các hội nghị, hội thảo sinh hoạt chuyên môn cấp huyện hoặc cụm trường để tạo điều kiện cho các tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật thông tin về hoạt động dạy và học theo mô hình trường học mới, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết.

– Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG

– Triển khai, đôn đốc, kiểm tra giáo viên và các tổ chuyên môn đối với việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở và phòng Giáo dục và Đào tạo.

– Phê duyệt kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, trình phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

– Thường xuyên chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết. Tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên để triển khai công việc.

– Tổ chức một số buổi sinh hoạt chuyên môn chung cho các trường tham gia dạy thử nghiệm mô hình trường học mới trường học mới , thảo luận, rút kinh nghiệm về việc thực hiện các bài học và hoạt động giáo dục, về đánh giá học sinh trong quá trình dạy học.

– Xây dựng cơ chế động viên giáo viên tự làm thiết bị dạy học; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục; có các biện pháp để tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

– Tổ chức cho cán bộ và giáo viên tham gia góp ý các loại tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về phòng Giáo dục và Đào tạo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tự Ân – Mô hình trường học mới tại Việt Nam, hỏi – đáp, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Công văn số 7291/BGDĐT–GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.
3. Công văn số 7162/BGDĐT– GDTrH ngày 10/12/2014 về việc đánh giá kết quả bước đầu thực nghiệm mô hình VNEN cấp THCS.
4. Hướng dẫn số 73/HD–BGDĐT–BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc dạy học thông qua di sản.
5. Công văn số 3535 /BGDĐT–GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác.
7. Công văn số 5555/BGDĐT–GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng./.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỚP 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Vị trí

Hoạt động giáo dục là một bộ phận quan trọng của chương trình giáo dục theo mô hình trường học mới, là con đường để gắn học với hành, lí thuyết với thực tiễn, gắn giáo dục nhà trường với gia đình và xã hội.

Hoạt động giáo dục góp phần quan trọng để hình thành và phát triển nhân cách hài hòa và toàn diện cho học sinh. Tham gia các hoạt động giáo dục, HS có cơ hội được trải nghiệm trong thực tế cuộc sống, được thể hiện và bộc lộ bản thân, tự khẳng định mình, có điều kiện học hỏi, giao lưu với bạn bè và mọi người xung quanh. Hoạt động giáo dục giúp cho HS phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác tham gia vào quá trình giáo dục.

2. Đặc điểm

Trong mô hình trường học mới, Hoạt động giáo dục là các hoạt động do nhà trường tổ chức và các giáo viên chuyên ngành giảng dạy dựa trên mục tiêu và nội dung chương trình các môn học: Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục và các hoạt động giáo dục tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Trong Hoạt động giáo dục, Âm nhạc, Mĩ thuật và Thể dục là các lĩnh vực có những đặc điểm khác nhau. Trong nhà trường phổ thông, học sinh được truyền đạt một số kiến thức cơ bản, cần thiết trong lĩnh vực âm nhạc, mĩ thuật và thể dục để cùng với các môn học khác, góp phần hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn, lâu dài và toàn diện về Đức-Trí-Thể-Mĩ cho học sinh trong nhà trường.

Các hình thức của hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng giúp cho việc chuyển tải các nội dung giáo dục tới HS một cách nhẹ nhàng, sinh động và hấp dẫn...

II. CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hướng dẫn chung

– Nội dung cơ bản của Hoạt động giáo dục trong mô hình trường học mới với cách dạy học hiện nay cơ bản đều giống nhau (được thực hiện theo nội dung của Chương trình và sách giáo khoa hiện hành, bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng và Hướng dẫn điều chỉnh

nội dung dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành). Tuy nhiên, Hoạt động giáo dục trong mô hình trường học mới được sắp xếp, điều chỉnh để giảm tải bớt nội dung khó, trùng lặp... làm cho quá trình học của học sinh được phù hợp, nhẹ nhàng và hiệu quả hơn.

– Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của Hoạt động giáo dục trong mô hình trường học mới được thay đổi cơ bản. Học sinh được giáo viên hướng dẫn tự học, được tổ chức học theo nhóm. Các biện pháp, kỹ thuật dạy học được tổ chức sắp xếp lại làm tăng hiệu quả của phương pháp dạy học lấy học sinh làm chủ thể, coi học sinh là trung tâm trong quá trình dạy học. Trong mô hình trường học mới, học sinh được tham gia hoạt động nhiều hơn, được trao đổi, tương tác nhiều hơn và do đó khả năng tư duy độc lập được hình thành và liên tục được phát triển.

– Đánh giá kết quả học tập của học sinh các hoạt động giáo dục trong mô hình trường học mới đã tiếp cận được yêu cầu về đổi mới đánh giá học sinh trong nhà trường hiện đại: GV đánh giá để thay đổi cách dạy, cách học; đánh giá trong quá trình học sinh học tập; đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh và đánh giá do HS tự đánh giá lẫn nhau, đánh giá từ các nhóm học tập, từ cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Chương trình chi tiết

– So sánh với chương trình hiện hành các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật và Thể dục thì ở mô hình trường học mới: Âm nhạc, Mỹ thuật và Thể dục được tập hợp trong một hoạt động chung và không gọi là môn học giống các môn học khác như: Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Ngoại ngữ, Công nghệ, Tin học, Giáo dục công dân mà gọi là Hoạt động giáo dục.

– Nhìn chung, về nội dung dạy học của Hoạt động giáo dục trong mô hình trường học mới không thay đổi, chỉ có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá học sinh được thay đổi cơ bản để phù hợp với xu thế đổi mới của nhiều quốc gia trên thế giới.

– Tiến trình một giờ lên lớp của Hoạt động giáo dục được thiết kế thành 5 hoạt động và cơ bản các hoạt động dựa trên nội dung chương trình và sách giáo khoa hiện hành của môn học.

A. Hoạt động khởi động

B. Hoạt động hình thành kiến thức

C. Hoạt động luyện tập

D. Hoạt động vận dụng

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Nội dung và tiến trình tổ chức các hoạt động trong Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục được thiết kế cụ thể nhưng giáo viên không nhất thiết phải thực hiện một cách máy móc, đầy đủ các bước theo trình tự như trong Tài liệu mà có thể vận dụng linh hoạt, sao cho học sinh có thể tham gia các hoạt động học tập một cách hiệu quả nhất.

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ÂM NHẠC LỚP 6

I. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM CỦA ÂM NHẠC

1. Vị trí của Âm nhạc

– Trong nhà trường phổ thông, Âm nhạc là môn học truyền đạt một số kiến thức âm nhạc cần thiết cho học sinh. Cùng với các môn học khác, âm nhạc góp phần hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về mặt thẩm mỹ.

– Môn học xây dựng cho học sinh có một trình độ văn hóa âm nhạc nhất định mang tính phổ thông, ngoài việc góp phần giáo dục toàn diện, đồng thời còn phát hiện những học sinh có khả năng âm nhạc, tạo điều kiện cho các em phát triển năng khiếu đó để có thể định hướng trong việc lựa chọn nghề nghiệp sau này.

2. Đặc điểm của Âm nhạc

– Âm nhạc – nghệ thuật của âm thanh là loại hình nghệ thuật gắn bó mật thiết với đời sống xã hội. Người ta sử dụng âm nhạc như một phương tiện để làm cho đời sống tinh thần thêm phong phú, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống. Âm nhạc có vai trò tích cực trong việc cải thiện hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, đặc biệt có vị trí quan trọng đối với việc giáo dục học sinh biết thưởng thức cái đẹp trong cuộc sống và trong văn hóa nghệ thuật.

– Thông qua các hoạt động ca hát, nghe nhạc, tập biểu diễn, giúp học sinh chủ động, linh hoạt, hòa nhập trong cộng đồng, cân bằng giữa trí lực với thể lực, giữa học tập và các hoạt động vui chơi...

3. Mục tiêu của Âm nhạc

a) Kiến thức

Cung cấp cho học sinh những kiến thức âm nhạc phù hợp với lứa tuổi về: Học hát, phát triển khả năng âm nhạc, tập đọc nhạc, nhạc lí và âm nhạc thường thức.

b) Kỹ năng

– Luyện tập một số kỹ năng ban đầu để hát đúng, hát hòa giọng, diễn cảm và có thể kết hợp một số hoạt động khi tập hát.

– Bước đầu luyện tập đọc nhạc và chép nhạc ở mức độ đơn giản.

– Luyện tập nghe và cảm nhận âm nhạc.

c) Thái độ

– Bồi dưỡng tình cảm trong sáng, lòng yêu nghệ thuật âm nhạc nhằm phát triển hài hòa nhân cách.

- Thông qua các hoạt động âm nhạc làm cho đời sống tinh thần thêm phong phú, lành mạnh, đem đến cho học sinh niềm vui, tinh thần lạc quan, sự mạnh dạn và tự tin.
- Khuyến khích học sinh nhiệt tình tham gia các hoạt động âm nhạc trong và ngoài nhà trường.

4. Về hình thành và phát triển năng lực

a) Năng lực chung

Chương trình giáo dục phổ thông nhằm hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực chung chủ yếu sau:

- Năng lực tự học;
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;
- Năng lực thẩm mỹ;
- Năng lực thể chất;
- Năng lực giao tiếp;
- Năng lực hợp tác;
- Năng lực tính toán;
- Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT).

b) Năng lực đặc thù của môn Âm nhạc

Môn Âm nhạc giúp học sinh hình thành và phát triển các năng lực đặc thù sau:

- Hoạt động âm nhạc: HS hát, chơi nhạc cụ, tập đọc nhạc, nhảy múa, ... một mình và cùng người khác, để tạo ra âm thanh và môi trường âm nhạc.
- Hiểu biết âm nhạc: HS tìm hiểu, nhận thức về lí thuyết âm nhạc và thưởng thức âm nhạc (các loại nhạc cụ, câu chuyện âm nhạc, hình thức và thể loại, tác giả và tác phẩm, các vấn đề khác của đời sống âm nhạc, ...).
- Cảm thụ âm nhạc: HS hiểu, cảm nhận được vẻ đẹp của âm nhạc. Đồng cảm, trân trọng với tác phẩm và tác giả, yêu mến cái đẹp trong cuộc sống.
- Sáng tạo âm nhạc: HS thể hiện sự độc đáo và sáng tạo của mình thông qua hoạt động âm nhạc và kết nối với những lĩnh vực liên quan. HS đưa ra ý tưởng và sáng kiến vượt ngoài khuôn mẫu, tạo được ấn tượng, thu hút sự chú ý của mọi người.
- Ứng dụng âm nhạc: HS liên kết và sử dụng mọi năng lực âm nhạc vào thực tiễn, thông qua 2 hoạt động tiêu biểu là trình diễn và phổ biến âm nhạc.

II. CHƯƠNG TRÌNH ÂM NHẠC

1. Hướng dẫn chung

– Nội dung kiến thức âm nhạc trong Hoạt động giáo dục lớp 6 chủ yếu là những kiến thức của chương trình và sách giáo khoa hiện hành, bám sát *Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Âm nhạc Trung học cơ sở* và *Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học môn Âm nhạc cấp THCS* của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đó là những kiến thức cơ bản, cần thiết giúp tất cả học sinh sau khi học xong đều phải có trình độ văn hóa âm nhạc phổ thông nhất định trong nền học vấn chung ở cấp Trung học cơ sở.

– Chương trình coi trọng những yêu cầu đối với rèn luyện và phát triển các kỹ năng cho học sinh; đảm bảo cho học sinh được luyện tập, thực hành và tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn học nhằm hướng tới phát huy năng lực âm nhạc.

– Trên cơ sở những kiến thức, nội dung trong chương trình và sách giáo khoa hiện hành, Hoạt động giáo dục âm nhạc được thiết kế theo các chủ đề, mỗi chủ đề được dạy trong 4 bài (mỗi bài dạy trong 1 tiết). Tên các chủ đề được dựa trên nội dung của các bài hát trong chương trình Âm nhạc trung học cơ sở hiện hành.

– Trong mỗi chủ đề đều có 3 nội dung chính là: Học hát, Nhạc lí–Tập đọc nhạc và Âm nhạc thường thức.

– Nội dung trong mỗi bài của Hoạt động giáo dục âm nhạc được trình bày một cách tinh giản, phù hợp với thời lượng và khả năng tiếp thu của học sinh theo 5 hoạt động thống nhất chung với các môn học khác theo tinh thần của mô hình trường học mới như sau:

- A. Hoạt động khởi động
- B. Hoạt động hình thành kiến thức
- C. Hoạt động luyện tập
- D. Hoạt động vận dụng
- E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Về tài liệu dạy học đối với Âm nhạc trong mô hình trường học mới chỉ có sách giáo viên, không có sách giáo khoa cho học sinh, vì vậy học sinh vẫn phải sử dụng sách giáo khoa bộ môn hiện hành để làm tài liệu học. Ngày nay khi công nghệ thông tin phát triển, các phương tiện hỗ trợ cho việc tra cứu, sưu tầm các nguồn thông tin, tư liệu... không còn xa lạ với học sinh. Giáo viên có thể hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho các nhóm, cá nhân xây dựng, sưu tầm tài liệu dưới nhiều hình thức liên quan tới nội dung học tập môn Âm nhạc. Các tư liệu chuyên môn trên “Trường học kết nối” của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ giúp cho học sinh nâng cao nhận thức, làm giàu tri thức môn Âm nhạc và kiến thức liên môn với các môn học khác.

2. Chương trình chi tiết

So sánh Chương trình, nội dung Âm nhạc hiện hành với Chương trình và nội dung Hoạt động giáo dục Âm nhạc lớp 6 ta thấy có một số điểm sau:

a) Về chương trình

* Giống nhau:

– Chương trình môn Âm nhạc hiện hành bao gồm 3 nội dung:

+ Học hát

+ Nhạc lí–Tập đọc nhạc

+ Âm nhạc thường thức

Ba nội dung trên tuy đứng độc lập nhưng vẫn có tính liên thông, từng phân môn vẫn bổ sung, hỗ trợ cho nhau.

Trong chương trình, ba phân môn được chia thành 3 phần riêng để định hình một số nội dung cần dạy cho học sinh nhưng khi thiết kế cấu trúc nội dung sách giáo khoa, các phân môn trên được tổng hợp hoặc kết hợp trên mỗi bài học, mỗi tiết học. Việc tích hợp các môn phải xuyên suốt trong quá trình dạy. Ví dụ dạy mỗi bài hát phải kết hợp giới thiệu tác giả, tác phẩm, tập nghe và cảm thụ âm nhạc. Tập đọc nhạc phải kết hợp với hát, nhạc lí và diễn cảm âm nhạc.

Các nội dung được căn cứ vào thời lượng cho phép, đối tượng học tập, điều kiện dạy và học để đảm bảo tính vừa sức, tính sư phạm, khoa học và thực hiện ở trên phạm vi rộng.

Xác định học Âm nhạc ở trường phổ thông là lấy học hát là trung tâm. Học Nhạc lí – Tập đọc nhạc ở mức độ vừa phải. Nội dung của Âm nhạc thường thức được chú ý quan tâm thích đáng. Tăng cường các hiểu biết phổ thông về âm nhạc cho học sinh nhằm phát triển khả năng nghe nhạc và cảm thụ âm nhạc.

– Chương trình và nội dung Âm nhạc trong Hoạt động giáo dục được thực hiện theo nội dung của Chương trình và sách giáo khoa hiện hành, bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng và hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

– Chương trình vẫn được thực hiện dạy 1 tiết/tuần. Học kì I: 18 tiết và Học kì II: 17 tiết. Cả năm học là 35 tiết.

– Việc thực hiện dạy các phân môn trong Hoạt động giáo dục đều do các giáo viên chuyên ngành dạy.

* Khác nhau:

– Trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, Âm nhạc là một môn học độc lập, có chương trình riêng và được gọi là môn học Âm nhạc.

– Trong mô hình trường học mới, Âm nhạc không gọi là môn học mà chỉ là một nội dung trong Hoạt động giáo dục bao gồm: Âm nhạc, Mĩ thuật và Thể dục.

– Do cách thiết kế nội dung các bài học có thay đổi nên khung phân phối chương trình trong Hoạt động giáo dục cũng có thay đổi.

b) Về tài liệu

**** Giống nhau:***

– Nội dung âm nhạc trong Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 6 là các nội dung của sách giáo khoa hiện hành, vẫn bao gồm các nội dung chính: Học hát, Nhạc lí–Tập đọc nhạc và Âm nhạc thường thức.

– Trong Sách giáo khoa hiện hành có 8 bài học thì trong Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 4, Âm nhạc thiết kế cũng có 8 chủ đề và nội dung của 8 chủ đề cũng là các nội dung của 8 bài học trong sách giáo khoa hiện hành.

**** Khác nhau:***

– Trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, môn Âm nhạc có sách giáo khoa bao gồm sách cho học sinh và sách cho giáo viên.

– Sách học sinh bao gồm các cuốn sách chung cho 2 môn Âm nhạc và Mĩ thuật như: Âm nhạc và Mĩ thuật 6, Âm nhạc và Mĩ thuật 7, Âm nhạc và Mĩ thuật 8, Âm nhạc và Mĩ thuật 9, trong đó bao gồm 2 nội dung là Âm nhạc và Mĩ thuật.

– Sách giáo viên bao là các cuốn sách riêng cho từng môn như: Âm nhạc 6, Âm nhạc 7, Âm nhạc 8, Âm nhạc 9 (Sách giáo viên).

– Trong mô hình trường học mới, Âm nhạc, Mĩ thuật và Thể dục được tập hợp trong một cuốn sách và không có sách cho học sinh mà chỉ có một cuốn sách chung gọi là: *Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục* lớp 6 bao gồm: Âm nhạc, Mĩ thuật và Thể dục.

– Trong *Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 6* được thiết kế dạy học theo chủ đề và sau khi học xong mỗi chủ đề (3 tiết) sẽ có 1 tiết ôn tập chủ đề đó.

– Các chủ đề của Âm nhạc trong *Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 6* bao gồm 8 chủ đề như sau:

1. Chủ đề Hòa bình
2. Chủ đề Quê hương
3. Chủ đề Mái trường
4. Chủ đề Âm nhạc dân tộc
5. Chủ đề Niềm vui tuổi thơ
6. Chủ đề Biết ơn thầy cô giáo

7. Chủ đề Tình bạn

8. Chủ đề Đoàn kết

– Tiến trình một bài trong *Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục* lớp 6 được thiết kế thành 5 hoạt động như sau:

- A. Hoạt động khởi động
- B. Hoạt động hình thành kiến thức
- C. Hoạt động luyện tập
- D. Hoạt động vận dụng
- E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Hoạt động giáo dục Âm nhạc lớp 6 trong mô hình trường học mới được thiết kế bằng tiến trình các hoạt động (*Hoạt động khởi động; Hoạt động hình thành kiến thức; Hoạt động luyện tập; Hoạt động vận dụng; Hoạt động tìm tòi, mở rộng*). Tại mỗi hoạt động, các đơn vị kiến thức kĩ năng được hình thành, và được trải nghiệm. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Thực hiện đánh giá ở các hoạt động này đồng nghĩa với việc GV đánh giá năng lực của HS.

– *Hoạt động khởi động*: Mỗi nội dung trong từng bài học của chủ đề có nội dung khác nhau. Ví dụ bài có nội dung học hát, nội dung tập đọc nhạc, nhạc lý hoặc âm nhạc thường thức. Tùy từng nội dung, yêu cầu của bài học trong mỗi chủ đề mà GV có thể huy động kiến thức, kĩ năng sử dụng các hình thức khởi động khác nhau cho phù hợp và hiệu quả.

– *Hoạt động hình thành kiến thức* : Trong mỗi bài học, có bài có nội dung mới, có bài có nội dung ôn tập. Do đó GV có thể tùy theo yêu cầu về nội dung của từng bài mà tổ chức hoạt động một cách linh hoạt, sáng tạo, có thể có hoạt động hình thành kiến thức hoặc không.

– *Hoạt động luyện tập*: Ở hoạt động này, GV có thể tổ chức các hoạt động cho học sinh như hoạt động nhóm, cá nhân, cặp đôi, cả lớp để giúp học sinh cùng nhau luyện tập, phát huy năng lực tư duy, năng lực quan sát khám phá, năng lực biểu đạt, năng lực thực hành sáng tạo, năng lực cảm thụ âm nhạc một cách hiệu quả.

– *Hoạt động vận dụng* : Những kiến thức, kĩ năng mới học sinh được tiếp thu sẽ sử dụng trong các tình huống thực tiễn có liên quan trong cuộc sống hàng ngày. Học sinh có thể vận dụng kiến thức đã được học như kiến thức nhạc lí để tập hát, tập đọc nhạc, có thể sử dụng các bài hát được học để hát, biểu diễn trong các sinh hoạt văn nghệ, sinh hoạt tập thể trong và ngoài nhà trường... các kiến thức về âm nhạc thường thức sẽ trang bị cho học sinh một vốn hiểu biết về âm nhạc nhất định trong nền học vấn chung đáp ứng được mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông.

– *Hoạt động tìm tòi mở rộng* : Hoạt động này giúp học sinh luôn có ý thức tìm tòi, khám phá từ những kiến thức đã học trên lớp và mở rộng kiến thức ra xã hội và cộng đồng. Học sinh có thể hiểu biết sâu hơn về các nhạc sĩ, về các thể loại âm nhạc và các nhạc cụ khác, về các bài hát khác ngoài chương trình; có thể tự đặt lời mới cho bài hát, bài tập đọc nhạc, tổ chức biểu diễn, các trò chơi âm nhạc, vẽ tranh minh họa cho chủ đề các bài hát, bài tập đọc nhạc...

c) Khung phân phối chương trình Hoạt động giáo dục Âm nhạc lớp 6

Khung Phân phối chương trình (PPCT) này áp dụng cho lớp 6 theo mô hình trường học mới, từ năm học 2014–2015.

Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình.

Thời lượng quy định tại Khung PPCT áp dụng trong trường học 1 buổi/ngày. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường thí điểm mô hình trường học mới trong cả nước.

Căn cứ Khung PPCT, các trường thí điểm mô hình trường học mới cụ thể hoá thành PPCT chi tiết sao cho phù hợp với nhà trường.

Các trường thí điểm mô hình trường học mới có điều kiện bố trí dạy học 2 buổi/ngày, có thể điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*hiệu trưởng phê duyệt, kí tên, đóng dấu và báo cáo phòng GDĐT*).

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

Hoạt động giáo dục Âm nhạc lớp 6

(Theo công văn số 4749/BGDĐT–GDTrH ngày 03/9/2014 của Bộ GDĐT)

I. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

Theo Kế hoạch giáo dục ở cấp Trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thời gian học ở trung học cơ sở là 37 tuần/năm.

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền cho các trường phổ thông chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung 37 tuần (Học kì I: 19 tuần. Học kì II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học chung cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kì.

Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính là 35 tuần). 2 tuần còn lại dự trữ do các giáo viên, nhà trường bố trí: Ôn tập, kiểm tra hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tổ chức biểu diễn văn nghệ và các hoạt động khác... phù hợp với điều kiện của từng trường, từng địa phương.

Cả năm học: 35 tiết/35 tuần

Học kì I: 18 tuần (18 tiết)

– Thực hiện học 4 chủ đề từ Chủ đề 1 (*Hòa bình*) đến hết Chủ đề 4 (*Âm nhạc dân tộc*). Mỗi chủ đề gồm 3 tiết học và 1 tiết ôn tập chủ đề (16 tiết).

– Cuối Học kì I dành 1 tiết kiểm tra học kì và 1 tiết tổ chức cho HS tập biểu diễn (2 tiết).

– Tổng cộng số tiết lên lớp trong Học kì I là 18 tiết.

Học kì II: 17 tuần (17 tiết)

– Thực hiện học 4 chủ đề từ Chủ đề 5 (*Niềm vui tuổi thơ*) đến hết Chủ đề 8 (*Đoàn kết*). Mỗi chủ đề gồm 3 tiết học và 1 tiết ôn tập chủ đề (16 tiết).

– Cuối Học kì II dành 1 tiết để kiểm tra học kì (1 tiết).

– Tổng cộng số tiết lên lớp trong Học kì II là 17 tiết.

Khung phân phối chương trình chi tiết

TT	Tên chủ đề, bài	Nội dung	Thời lượng
1	Hòa bình	– Học hát: Bài <i>Tiếng chuông và ngọn cờ</i> – Nhạc lí: Những thuộc tính của âm thanh– Các kí hiệu âm nhạc; Các kí hiệu ghi trường độ của âm thanh – Tập đọc nhạc: TĐN số 1	4 tiết
2	Quê hương	– Học hát: Bài <i>Vui bước trên đường xa</i> – Nhạc lí: Nhịp và phách– Nhịp 2/4; Cách đánh nhịp 2/4 – Tập đọc nhạc: TĐN số 2– <i>Mùa xuân trong rừng</i> – Tập đọc nhạc: TĐN số 3– <i>Thật là hay</i> – Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Văn Cao và bài hát <i>Làng tôi</i>	4 tiết
3	Mái trường	– Học hát: Bài <i>Hành khúc tới trường</i> – Tập đọc nhạc: TĐN số 4 – Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước và bài hát <i>Lên đàn</i> – Âm nhạc thường thức: Sơ lược về dân ca Việt Nam	4 tiết

TT	Tên chủ đề, bài	Nội dung	Thời lượng
4	Âm nhạc dân tộc	– Học hát: Bài <i>Đi cấy</i> – Tập đọc nhạc: TĐN số 5– <i>Vào rừng hoa</i> – Âm nhạc thường thức: Sơ lược về một số nhạc cụ dân tộc phổ biến	4 tiết
	Kiểm tra	Kiểm tra Học kì I. Học sinh tập biểu diễn	2 tiết
5	Niềm vui tuổi thơ	– Học hát: Bài <i>Niềm vui của em</i> – Tập đọc nhạc: TĐN số 6– <i>Trời đã sáng rồi</i> – Nhạc lí: Nhịp 3/4 – Cách đánh nhịp 3/4 – Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Phong Nhã và bài hát <i>Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng</i>	4 tiết
6	Biết ơn thầy cô	– Học hát: Bài <i>Ngày đầu tiên đi học</i> – Tập đọc nhạc: TĐN số 7– <i>Chơi đu</i> – Âm nhạc thường thức: Giới thiệu nhạc sĩ Mô-da	4 tiết
7	Tình bạn	– Học hát: Bài <i>Tia nắng, hạt mưa</i> – Âm nhạc thường thức: Sơ lược về nhạc hát và nhạc đàn – Tập đọc nhạc: TĐN số 8– <i>Lá thuyền ước mơ</i> – Nhạc lí: Những kí hiệu thường gặp trong bản nhạc – Tập đọc nhạc: TĐN số 9– <i>Ngày đầu tiên đi học</i> – Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Văn Chung và bài hát <i>Lượn tròn, lượn khéo</i>	4 tiết
8	Đoàn kết	– Học hát: Bài <i>Hô-la-hê, Hô-la-hô</i> – Tập đọc nhạc: TĐN số 10– <i>Con kênh xanh xanh</i> – Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát và bài hát <i>Lúa thu</i>	4 tiết
	Kiểm tra	Kiểm tra học kì II	1 tiết

*** Một số vấn đề cần lưu ý**

– Số tiết của mỗi bài trong Phân phối chương trình chi tiết nêu ở trên chỉ là gợi ý, không bắt buộc cứng nhắc và các trường không nhất thiết phải thực hiện đúng như trên. Các tổ (nhóm) chuyên môn dựa vào khung phân phối chương trình và căn cứ thực tế nội dung của từng chủ đề, từng bài, của từng mạch kiến thức có thể điều chỉnh sao cho phù hợp và trình hiệu trưởng phê duyệt để quyết định xếp thời khóa biểu.

– Ở Học kì II, theo phân phối chương trình là 17 tiết/17 tuần nhưng vì theo kế hoạch giáo dục cả năm học là 37 tuần nên các giáo viên và nhà trường có thể bố trí 2 tuần còn lại để tổ chức ôn tập các nội dung của chương trình môn học (nếu thấy cần thiết) và tổ chức cho học sinh các hoạt động cuối năm học sao cho hiệu quả, hợp lý.

– *Hướng dẫn đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh*

Bảng mô tả yêu cầu về kiến thức, kĩ năng

MA TRẬN CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THEO CHỦ ĐỀ

MÔN HỌC:.....

CHỦ ĐỀ:

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng thấp (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)
1) Chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ	Câu hỏi/bài tập định tính (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh xác định được một đơn vị kiến thức và tái hiện được chính xác nội dung của đơn vị kiến thức đó	Học sinh sử dụng một đơn vị kiến thức để giải thích về một khái niệm, quan điểm, nhận định... liên quan trực tiếp đến kiến thức đó	Học sinh xác định và vận dụng được kiến thức tổng hợp để giải quyết vấn đề trong tình huống quen thuộc .	Học sinh xác định và vận dụng được kiến thức tổng hợp để giải quyết vấn đề trong tình huống mới .
	Bài tập định lượng (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh xác định được các mối liên hệ trực tiếp giữa các đại lượng và tính được các đại lượng cần tìm (không cần suy luận trung gian)	Học sinh xác định được các mối liên hệ liên quan đến các đại lượng cần tìm và tính được các đại lượng cần tìm thông qua một số bước suy luận trung gian	Học sinh xác định và vận dụng được các mối liên hệ giữa các đại lượng liên quan để giải quyết một bài toán/vấn đề trong tình huống quen thuộc .	Học sinh xác định và vận dụng được các mối liên hệ giữa các đại lượng liên quan để giải quyết một bài toán/vấn đề trong tình huống mới .

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng thấp (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)
2) Năng lực có thể hình thành thông qua chủ đề: (Thu nhận và sử dụng thông tin/ Sử dụng ngôn ngữ sử dụng môn học/ Phát hiện và giải quyết vấn đề...)	Bài tập thực hành/thí nghiệm	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích của thí nghiệm	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích và nêu được kết luận rút ra từ thí nghiệm	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích và phân tích được kết quả thí nghiệm để rút ra kết luận	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích, nêu được phương án thí nghiệm và phân tích được kết quả thí nghiệm để rút ra kết luận

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THEO CHỦ ĐỀ

MÔN HỌC: ÂM NHẠC

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng thấp (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Năng lực có thể hình thành
I) Chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ:						
1. Học hát: Tiếng chuông và ngọn cờ	Bài tập định tính (Trắc nghiệm/Tự luận, thực hành)	<i>Biết được tên bài hát, tác giả, bài hát, xuất xứ bài hát</i>	<i>Nêu được nội dung bài hát, kể tên một vài bài hát tiêu biểu của nhạc sĩ</i>	<i>Hát đúng nhạc và lời của bài hát. – Biết hát kết hợp gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu lời ca.</i>	<i>Hát hòa giọng, thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát</i>	<i>Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện tình cảm bài hát</i>

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng thấp (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Năng lực có thể hình thành
2. Nhạc lý: Những thuộc tính của âm thanh – Các kí hiệu ghi cao độ.	Bài tập định lượng (Trắc nghiệm/Tự luận)	<i>Biết được các thuộc tính của âm thanh (4 thuộc tính), các kí hiệu ghi cao độ trong âm nhạc (7 nốt nhạc cơ bản), khuông nhạc và khóa Son)</i>	<i>Kể tên các nốt nhạc theo thứ tự từ thấp lên cao</i>	<i>Kể khuông nhạc, viết khóa Son và các nốt nhạc cơ bản</i>	<i>Đọc được cao độ của 7 nốt nhạc cơ bản (Đô, Rê, Mi, Pha, Son, La, Si)</i>	– <i>Biết ghi chép và đọc đúng cao độ 7 âm cơ bản</i>
3. Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Văn Cao và bài hát <i>Làng tôi</i>	Bài tập thực hành	<i>Biết bài hát “Làng tôi” là của nhạc sĩ Văn Cao và kể đôi nét về tiểu sử của ông</i>	– <i>Kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu của nhạc sĩ Văn Cao.</i>	<i>Kể tên các kí hiệu âm nhạc đã được học trong bài hát “Làng tôi”</i>	– <i>Hát một vài câu trong bài hát “Làng tôi”</i> – <i>Nêu cảm nhận khi nghe bài hát “Làng tôi”</i>	<i>Nhận biết được tác giả, nghe và cảm thụ được tác phẩm “Làng tôi” của Văn Cao</i>

Viết đề kiểm tra từ ma trận Âm nhạc 6

I– Nội dung học hát

Nhận biết

Câu 1. (Tự luận). Em hãy cho biết tác giả bài hát *Tiếng chuông và ngọn cờ*, xuất xứ của bài hát

Thông hiểu

Câu 2. (Tự luận). Em hãy cho biết nội dung bài hát *Tiếng chuông và ngọn cờ* và kể tên một vài bài hát tiêu biểu của nhạc sĩ Phạm Tuyên

Vận dụng cấp độ thấp

Câu 3. (Thực hành). Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* kết hợp gõ nhịp theo phách, theo nhịp

Vận dụng cấp độ cao

Câu 4. (Thực hành) . Hát hòa giọng, diễn cảm, thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát *Tiếng chuông và ngọn cờ*

II– Nội dung nhạc lí

Nhận biết

Câu 1.

a) (Trắc nghiệm). Âm thanh có mấy thuộc tính

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

b) (Tự luận). Hãy cho biết các kí hiệu ghi cao độ trong âm nhạc

Thông hiểu

Câu 2. (Tự luận)

Viết tên các nốt nhạc theo thứ tự từ thấp lên cao

Vận dụng cấp độ thấp

Câu 3. (Tự luận)

Kẻ khuông nhạc, viết khóa Son và các nốt nhạc cơ bản

Vận dụng cấp độ cao

Câu 3. (Thực hành)

Đọc cao độ của 7 nốt nhạc cơ bản

III– Âm nhạc thường thức

Nhận biết

Câu 1.

a) (Trắc nghiệm): Bài hát “Làng tôi” là của nhạc sĩ nào dưới đây?

- A. Huy Du
- B. Văn Cao
- C. Văn Chung
- D. Đỗ Nhuận

b) (Tự luận). Bài hát “Làng tôi” ra đời năm nào?

Thông hiểu

Câu 2.

- a. (Tự luận): Em hãy kể tên một số tác phẩm của nhạc sĩ Văn Cao?
- b. (Trắc nghiệm): Ca khúc nào dưới đây không do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác?
 - A. Tiến quân ca
 - B. Ngày mùa
 - C. Tiến về Hà Nội
 - D. Tiến về Sài Gòn

Vận dụng cấp độ thấp

Câu 3.

- a. (Tự luận): Em hãy cho biết các ký hiệu âm nhạc đã được học trong bài hát “Làng tôi”?
- b. (Trắc nghiệm): Khuông nhạc đầu tiên trong bài hát “Làng tôi” của nhạc sĩ Văn Cao có bao nhiêu nốt Sol?
 - A. 2 nốt Sol
 - B. 3 nốt Sol
 - C. 4 nốt Sol
 - D. 5 nốt Sol

Vận dụng cấp độ cao

- a. Em hãy hát một vài câu trong bài hát “Làng tôi” của nhạc sĩ Văn Cao
- b. Em hãy nói lên cảm nhận của mình sau khi nghe bài hát.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC THEO CHỦ ĐỀ

Chủ đề 1

HÒA BÌNH

(4 bài)

I – MỤC TIÊU

- HS hát đúng giai điệu, lời ca bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*, biết hát kết hợp gõ đệm, vận động theo nhạc, đánh nhịp...
- Biết trình bày bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, ...
- Giáo dục HS biết yêu hòa bình, phản đối chiến tranh.
- HS biết 4 thuộc tính của âm thanh và một số kí hiệu âm nhạc như: tên nốt, khuông nhạc, khóa Son, hình nốt, dấu lặng. Vận dụng các kí hiệu đó vào bài tập thực hành hoặc sáng tạo.
- Đọc đúng tên nốt nhạc và giai điệu bài TĐN số 1, tập đọc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp, ...

II– NỘI DUNG

- Học hát: Bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*
- Ôn tập bài hát: *Tiếng chuông và ngọn cờ*
- Nhạc lí: Những thuộc tính của âm thanh
- Các kí hiệu âm nhạc
- Nhạc lí: Các kí hiệu ghi trường độ của âm thanh
- Tập đọc nhạc: TĐN số 1

III–CHUẨN BỊ

Bài 1

HỌC HÁT: BÀI TIẾNG CHUÔNG VÀ NGỌN CỜ

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



- HS lắng nghe giai điệu và nhận biết tên một số ca khúc của nhạc sĩ Phạm Tuyên: *Chiếc đèn ông sao, Gặp nhau dưới trời thu Hà Nội ...*
- HS xem một số hình ảnh về nhạc sĩ Phạm Tuyên.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



HS nghe bài hát: *Tiếng chuông và ngọn cờ* (xem video hoặc GV trình bày), nêu những hình ảnh mà em thấy yêu thích.



HS tìm thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

- Nội dung (hoặc chủ đề) bài hát nói về điều gì?
- Chia các câu hát?

Lời 1

Đoạn thứ nhất (đoạn a):

*Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào.
Một quả cầu đẹp tươi lung linh giữa trời sao.
Trái đất chính là nhà bao gần bó thiết tha.
Và bạn nhỏ gần xa đây chính gia đình của ta.*

Đoạn thứ hai (đoạn b):

*Boong bính boong! Hôi chuông ngân vang khắp nơi.
Trong khúc ca đầy tình yêu thương sáng ngời.
Boong bính boong! Cờ bay giữa tiếng chuông ngân.
Hãy phát cao lên lá cờ hòa bình.*

Lời 2

Đoạn thứ nhất (đoạn a):

*Thế giới quanh em bừng sáng lên mỗi sớm bình minh.
Bàn tay em điểm tô cho trái đất đẹp xinh.
Thế giới muốn hòa bình và chán ghét chiến tranh.
Cùng hòa chung tiếng hát chúng em có chung niềm tin.*

Đoạn thứ hai (đoạn b):

*Boong bính boong! Hôi chuông ngân vang khắp nơi.
Trong khúc ca đầy tình yêu thương sáng ngời.
Boong bính boong! Cờ bay giữa tiếng chuông ngân.
Hãy phát cao lên lá cờ của ta.*

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- HS nghe GV đàn, khởi động giọng hát (ví dụ bằng nét giai điệu sau):



- Tập hát từng câu:
 - + Tập hát câu thứ nhất: HS lắng nghe GV đàn giai điệu hoặc hát mẫu, tập hát vài lần hoà cùng với tiếng đàn. GV chỉ định một vài HS hát lại câu 1, hướng dẫn các em sửa chỗ còn sai.
 - + Tập hát câu thứ hai tương tự câu thứ nhất.
 - + Hát nối tiếp câu thứ nhất với câu thứ hai.
 - + Hết đoạn 1 (*Trái đất thân yêu ... gia đình của ta*), GV chỉ định cá nhân, cặp đôi, nhóm, tổ, HS nam hoặc nữ trình bày lại.
 - + Tập hát những câu tiếp theo tương tự.



Tập hát cả bài:

- HS tập hát cả 2 lời.
- HS tự luyện tập bài hát.
- GV giúp HS sửa chỗ hát sai.
- GV hướng dẫn HS thể hiện sắc thái và tình cảm của bài hát.
- Một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác tham gia nhận xét, đánh giá. GV bổ sung, động viên, khen ngợi hoặc đưa ra kết luận.



Củng cố bài hát:

- HS tập hát đối đáp và hòa giọng:

Người hát	Câu hát
HS nữ	<i>Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào</i>
HS nam	<i>Một quả cầu đẹp tươi lung linh giữa trời sao</i>
HS nữ	<i>Trái đất chính là nhà bao gần bó thiết tha</i>
HS nam	<i>Và bạn nhỏ gần xa đây chính gia đình của ta</i>
Cả lớp	<i>Boong bính boong! Hồi chuông ngân vang khắp nơi ... cờ hòa bình.</i> (hát lời 2 tương tự)

– HS tập hát nối tiếp và hòa giọng:

Người hát	Câu hát
Nhóm 1	<i>Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào</i>
Nhóm 2	<i>Một quả cầu đẹp tươi lung linh giữa trời sao</i>
Nhóm 3	<i>Trái đất chính là nhà bao gần bó thiết tha</i>
Nhóm 4	<i>Và bạn nhỏ gần xa đây chính gia đình của ta</i>
Cả lớp	<i>Boong bính boong! Hồi chuông ngân vang khắp nơi ... cờ hòa bình.</i> (hát lời 2 tương tự)

– HS tập hát có lĩnh xướng:

Người hát	Câu hát
Lĩnh xướng 1	<i>Trái đất thân yêu ... gia đình của ta</i>
Cả lớp	<i>Boong bính boong! Hồi chuông ngân vang khắp nơi ... cờ hòa bình.</i>
Lĩnh xướng 2	<i>Thế giới quanh em ... có chung niềm tin</i>
Cả lớp	<i>Boong bính boong! Hồi chuông ngân vang khắp nơi ... cờ của ta.</i>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



HS học thuộc bài hát để hát trong các hoạt động ở trường, lớp.



- Hoạt động trong lớp: Các nhóm HS chọn 1 trong 2 hoạt động vận dụng sau:
 - + Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* kết hợp gõ đệm: Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách, thể hiện rõ phách mạnh và phách nhẹ; Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo nhịp.
 - + Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* kết hợp vận động theo nhạc: Tìm động tác vận động phù hợp với từng câu hát; Tập hát kết hợp vận động theo nhạc.
- Hoạt động ngoài lớp: HS hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* trong các sinh hoạt của lớp, của trường và sinh hoạt văn hóa tại cộng đồng.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



Các nhóm HS chọn 1 trong 3 hoạt động sau:

- Kể tên một vài bài hát viết về chủ đề hòa bình.
- Trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta phải có cuộc sống hòa bình?
- Vẽ bức tranh minh họa cho bài hát.

Bài 2

- ÔN TẬP BÀI HÁT: **TIẾNG CHUÔNG VÀ NGỌN CỜ**
- NHẠC LÍ: NHỮNG THUỘC TÍNH CỦA ÂM THANH CÁC KÍ HIỆU ÂM NHẠC

Nội dung 1: Ôn tập bài hát: *Tiếng chuông và ngọn cờ*

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Trò chơi âm nhạc: Hát và chuyển đồ vật

HS hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*, vừa hát vừa luân chuyển 1 bông hoa (hoặc vật nào đó) cho bạn bên cạnh. Đến tiếng hát cuối cùng trong bài, bông hoa dừng ở vị trí của bạn nào thì bạn đó phải lên hát hoặc nhảy lò cò trong lớp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(Nội dung ôn tập, không có hoạt động hình thành kiến thức)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- GV đệm đàn để HS hát cả bài, GV hướng dẫn HS sửa lại những chỗ hát chưa đúng về giai điệu và lời ca. Hướng dẫn các em phát âm chuẩn xác, rõ lời.
- Trình bày bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*, thể hiện sắc thái và tình cảm của bài hát.
- Tập hát đối đáp và hòa giọng.
- Tập hát nối tiếp và hòa giọng.
- Tập hát có lĩnh xướng.
- Tập hát với số lượng người hát tăng dần.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Cá nhân, cặp đôi hoặc một vài nhóm xung phong biểu diễn bài hát trước lớp:

- Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* kết hợp gõ đệm.
- Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* kết hợp vận động theo nhạc.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



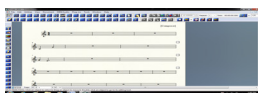
Tập chép những nốt nhạc trong 4 nhịp đầu bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*.

**Nội dung 2: Nhạc lí: Những thuộc tính của âm thanh;
Các kí hiệu âm nhạc**

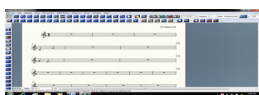
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



- HS lắng nghe và nhận biết trong 2 âm, âm nào cao, âm nào thấp?



- HS lắng nghe và nhận biết trong 2 âm, âm nào ngân dài, âm nào ngân ngắn?



B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



HS tìm thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

- Âm thanh được chia thành mấy loại?
- Bốn thuộc tính của âm thanh là gì?
- Kể tên những nốt nhạc dùng để diễn tả cao độ của âm thanh?
- Khuông nhạc có bao nhiêu dòng và bao nhiêu khe?
- Khóa Son dùng để làm gì?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Kẻ khuông nhạc vào vở, viết khóa Son và viết 7 nốt nhạc. Trao đổi kết quả với bạn trong cặp đôi

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

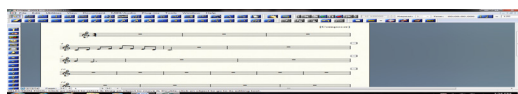


Tập nói tên các nốt nhạc trong 4 nhịp đầu bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



HS lắng nghe GV đàn và nhận biết giai điệu dưới đây chuyển động theo hướng đi lên, đi ngang hay đi xuống?



Bài 3

- NHẠC LÍ: CÁC KÍ HIỆU GHI TRƯỜNG ĐỘ CỦA ÂM THANH
- TẬP ĐỌC NHẠC: TĐN SỐ 1

Nội dung 1: Nhạc lí: Các kí hiệu ghi trường độ của âm thanh

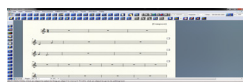
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



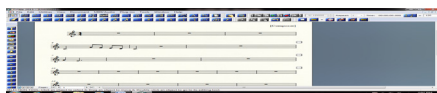
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



- HS lắng nghe và nhận biết trong 2 âm, âm nào ngân dài, âm nào ngân ngắn?



- HS lắng nghe và nhận biết trong chuỗi âm thanh sau, âm nào ngân dài, âm nào ngân ngắn?



B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



HS tìm thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

- Hình nốt nào có độ ngân dài nhất trong hệ thống hình nốt nhạc?
- Hình nốt nào có độ ngân bằng nửa nốt tròn?
- Hình nốt nào có độ ngân bằng nửa nốt trắng?
- Hình nốt nào có độ ngân bằng nửa nốt đen?
- Dấu lặng là gì?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Tập viết các hình nốt tròn, nốt trắng, nốt đen, móc đơn, móc kép, dấu lặng đen, dấu lặng đơn lên khuôn nhạc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Xác định một số hình nốt trắng, nốt đen, móc đơn trong bài hát *Tiếng chuông và ngọn cờ*.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



Kể tên các hình nốt khác, ngoài 5 loại hình nốt nhạc: nốt tròn, nốt trắng, nốt đen, móc đơn, móc kép?

Nội dung 2: Tập đọc nhạc: TĐN số 1

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



GV đàn giai điệu bài TĐN số 1, HS lắng nghe và quan sát bản nhạc.



HS nêu cảm nhận về bản nhạc.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



HS tìm thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

Trong bài TĐN, nốt nhạc nào cao nhất và nốt nhạc nào thấp nhất?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- Luyện tập cao độ (kết hợp tập nói tên nốt nhạc trong bài TĐN):



- Tập đọc từng câu (từng nét nhạc):
 - + HS chỉ từng nốt nhạc (theo đúng tiết tấu) trong câu 1 để cả lớp tập đọc (GV có thể đàn giai điệu hỗ trợ).
 - + Cả lớp luyện tập đọc cừu 1, GV lắng nghe (khụng đàn) để sửa chỗ sai cho HS.
 - + Cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm HS hoặc xung phong đọc câu 1.
 - + Đọc câu tiếp theo tương tự.
- Tập đọc cả bài:
 - + GV đàn giai điệu cả bài TĐN, HS đọc nhạc hũa theo.
 - + HS đọc cả bài TĐN và gõ phách. GV lắng nghe để sửa chỗ sai cho HS.
 - + Cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm HS xung phong đọc cả bài, gõ phách.
- Ghép lời ca:

Cùng đùa vui ca hát dưới trăng
Tiếng sáo vi vu trong đêm hè

 - + GV đàn giai điệu, HS hát lời của bài TĐN, vừa hát vừa gõ phách.
 - + Cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm HS hoặc xung phong hát lời.
- Củng cố, kiểm tra:
 - + Tổ, nhóm đọc nhạc, hát lời và gõ phách.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



- Tập đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách.
- Các nhóm tự luyện tập, sau đó 2 nhóm trình bày trước lớp: một nhóm đọc nhạc, một nhóm dùng thanh phách gõ đệm theo. Tiếp tục thay đổi 2 nhóm khác thực hiện.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



Về nhà tập chép bài TĐN số 1.

Bài 4

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1

I. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

HS trả lời hoặc thực hiện 1–2 câu hỏi và bài tập sau:

1. Câu hỏi

Câu hỏi 1– Câu hát trong bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*: “Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào”

Phách mạnh rơi vào những tiếng hát nào dưới đây?

- A. Trái ... thân ... lòng ... em
- B. Thân ... yêu ... chúng ... em
- C. Trái ... yêu ... em ... hào
- D. Xiết ... bao ... tự ... hào

Hướng dẫn đánh giá: Đáp án C. *Trái ... yêu ... em ... hào*

Câu hỏi 2 – Câu hát trong bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*: “Hãy phát cao lên lá cờ hòa bình”

Tiếng hát nào phải hát luyện?

- A. Lá
- B. Cờ
- C. Hòa
- D. Bình

Hướng dẫn đánh giá: Đáp án A. *Lá*

Câu hỏi 3– Nội lời ca cho phù hợp với các nốt nhạc trong bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*.

Một quả cầu		Son La
Đẹp tươi		La La
Lung linh		Rê Mi Pha
Giữa trời sao		Đô Son La

Bài tập 2– Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*, sử dụng cách hát lĩnh xướng và hòa giọng.

Bài tập 3– Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*, sử dụng cách hát với số lượng người hát tăng dần.

Bài tập 4– Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ*, kết hợp vận động theo nhạc.

Bài tập 5– Tập đọc nhạc bài TĐN số 1, kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách.

II. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ

1. HS tự đánh giá

Các nhóm tự đánh giá kết quả học tập bằng cách đánh dấu (v) vào 1 trong 4 mức độ dưới đây:

– Hát:

Hát ở mức độ tốt		Hát ở mức độ khá	
Hát ở mức độ trung bình		Hát ở mức độ yếu	

Tập đọc nhạc:

Tập đọc nhạc ở mức độ tốt		Tập đọc nhạc ở mức độ khá	
Tập đọc nhạc ở mức độ trung bình		Tập đọc nhạc ở mức độ yếu	

2. GV đánh giá

– Bài thực hành số 1, 2, 3, 4: HS hát thuộc lời, hát có tình cảm và sắc thái, thực hiện đúng cách hát theo yêu cầu.

– Bài thực hành số 5: HS đọc nhạc theo SGK, đọc đúng tên nốt nhạc và giai điệu, biết gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách.

3. HS đánh giá lẫn nhau

HS xem phần trình bày của các bạn, nhận xét và đánh giá về các yêu cầu:

– Các bạn hát thuộc lời chưa? Có thể hiện được tình cảm và sắc thái không? Hát kết hợp với gõ đệm hoặc hát kết hợp vận động đạt được ở mức độ nào?

– Các bạn đã đọc đúng tên nốt nhạc và giai điệu bài TĐN chưa? Tập đọc nhạc kết hợp gõ đệm đạt được ở mức độ nào?

III. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG ÂM NHẠC

1. Nghe nhạc

HS nghe hoặc xem video bài *Tiếng chuông và ngọn cỏ*, nghe trích đoạn 1–2 bài hát khác của nhạc sĩ Phạm Tuyên.

2. Hát

HS hát bài *Tiếng chuông và ngọn cỏ* theo một vài cách hát: đối đáp, nối tiếp, hát có lĩnh xướng, hát với số lượng người hát tăng dần ...

3. Biểu diễn trình bày

HS biểu diễn trước lớp bài *Tiếng chuông và ngọn cỏ* với các hình thức: đơn ca, song ca, tốp ca, ...

Chủ đề 6

BIẾT ƠN THẦY CÔ

(4 bài)

I – MỤC TIÊU

– HS hát đúng giai điệu, lời ca bài *Ngày đầu tiên đi học*, tập hát kết hợp gõ đệm, vận động theo nhạc, đánh nhịp,... Tập trình bày bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,...

– Đọc đúng giai điệu bài TĐN, tập đọc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp...

– Luôn biết ơn thầy, cô – người đã dìu dắt, yêu thương và dạy dỗ các em từ những ngày đầu tiên đến trường.

– Nêu được một vài nét về cuộc đời và sự nghiệp âm nhạc của Mô-da.

II – NỘI DUNG

– Học hát : Bài *Ngày đầu tiên đi học*.

– Ôn tập bài hát : *Ngày đầu tiên đi học*.

– Tập đọc nhạc : TĐN số 7.

– Ôn tập Tập đọc nhạc : TĐN số 7.

– Âm nhạc thường thức : Giới thiệu nhạc sĩ Mô-da.

III – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của GV

– Đệm đàn bài *Ngày đầu tiên đi học* và bài TĐN số 7.

- Hát thuộc lời, đúng giai điệu bài *Ngày đầu tiên đi học*.
- Tranh ảnh minh hoạ cho bài hát.
- Một số hình ảnh về nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Thiện và nhạc sĩ Mô-da.
- Nhạc cụ quen dùng, máy nghe và băng / đĩa nhạc,...

2. Chuẩn bị của HS

- SGK môn Âm nhạc lớp 6, vở ghi bài.
- Nhạc cụ gõ : thanh phách, song loan, trống con,...

Bài 1

HỌC HÁT : BÀI *NGÀY ĐẦU TIÊN ĐI HỌC*

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



– GV cho HS nghe một số ca khúc viết về niềm vui của các em nhỏ khi đến trường, HS nghe và kể tên những ca khúc đó : *Hành khúc tới trường*, *Vui bước trên đường xa*, *Ngày đầu tiên đi học*,...

– HS xem một số hình ảnh về nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Thiện, một số hình ảnh về niềm vui của các em nhỏ khi đến trường.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



HS nghe bài hát *Ngày đầu tiên đi học* (xem video hoặc GV trình bày), nêu những hình ảnh mà mình yêu thích.



HS tìm thông tin trong SGK, trả lời câu hỏi :

- Bài hát *Ngày đầu tiên đi học* viết ở nhịp nào ?
- Hãy nêu nội dung của bài hát.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- HS nghe GV đàn, khởi động giọng hát.
- Tập hát từng câu :
 - + Tập hát câu thứ nhất : HS nghe GV đàn giai điệu hoặc hát mẫu, tập hát vài lần hoà cùng với tiếng đàn.
 - + Tập hát câu thứ hai tương tự câu thứ nhất.
 - + Hát nối tiếp câu thứ nhất với câu thứ hai.



HS tập hát đến câu *Chao ôi ! Sao thiết tha*, GV cho dừng lại. Sau đó chỉ định một vài cá nhân, nhóm, tổ, trình bày lại bài hát từ đầu cho đến câu : *Chao ôi ! Sao thiết tha*.



Tập hát những câu tiếp theo của bài hát :

- GV đàn giai điệu hoặc hát mẫu, HS tập hát vài lần hoà cùng với tiếng đàn.
- Tập hát câu tiếp theo nối tiếp câu trước và hát hết toàn bộ bài hát.
- GV giúp HS sửa chỗ hát sai.
- GV hướng dẫn HS thể hiện sắc thái và tình cảm của bài hát.



- Củng cố bài hát :
 - + Chia thành 4 nhóm HS tập hát đối đáp và hoà giọng :

Người hát	Câu hát
Nhóm 1	<i>Ngày đầu tiên đi học, mẹ dắt em đến trường. Em vừa đi vừa khóc, mẹ dỗ dành yêu thương.</i>

Người hát	Câu hát
Nhóm 2	<i>Ngày đầu tiên đi học, em mắt ướt nhạt nhoà, cô vỗ về an ủi. Chao ôi ! Sao thiết tha.</i>
Nhóm 3	<i>Ngày đầu như thế đó, cô giáo như mẹ hiền. Em bây giờ cứ ngỡ, cô giáo là cô tiên.</i>
Nhóm 4	<i>Em bây giờ khôn lớn, bỗng nhớ về ngày xưa. Ngày đầu tiên đi học, mẹ cô cùng vỗ về.</i>
Cả lớp	Cả lớp hát toàn bộ bài hát.



+ 2 HS (1 HS nam và 1 HS nữ) tập hát nối tiếp và hoà giọng :

Người hát	Câu hát
HS nữ	<i>Ngày đầu tiên đi học, mẹ dắt em đến trường. Em vừa đi vừa khóc, mẹ dỗ dành yêu thương.</i>
HS nam	<i>Ngày đầu tiên đi học, em mắt ướt nhạt nhoà, cô vỗ về an ủi. Chao ôi ! Sao thiết tha.</i>
HS nữ	<i>Ngày đầu như thế đó, cô giáo như mẹ hiền. Em bây giờ cứ ngỡ, cô giáo là cô tiên.</i>
HS nam	<i>Em bây giờ khôn lớn, bỗng nhớ về ngày xưa. Ngày đầu tiên đi học, mẹ cô cùng vỗ về.</i>
Cả lớp	Cả lớp hát toàn bộ bài hát.

– HS tập hát đơn ca :

+1 HS nam hát đơn ca đoạn 1 của bài hát.

+1 HS nữ hát đơn ca đoạn 2 của bài hát.

+ 1 HS xung phong trình bày toàn bộ bài hát.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



– Hoạt động trong lớp : Các nhóm HS chọn 1 trong các hoạt động sau :

+ Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp gõ đệm : Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách, chú ý thể hiện rõ phách mạnh ở nhịp thứ nhất, phách nhẹ ở nhịp thứ hai và thứ ba ; Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo nhịp .

+ Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp đánh nhịp .

+ Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp vận động theo nhạc : Tìm động tác vận động phù hợp với từng câu hát ; Tập hát kết hợp vận động theo nhạc.

– Hoạt động ngoài lớp : HS hát bài *Ngày đầu tiên đi học* cho người thân trong gia đình nghe hoặc hát trong các hoạt động của lớp, của trường và sinh hoạt văn hoá tại cộng đồng.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



Các nhóm HS thực hiện một số hoạt động sau :

- Trả lời câu hỏi : Vì sao HS cần yêu mến cha mẹ và biết ơn thầy cô ?
- HS viết cảm nhận về bài hát.

Bài 2

- ÔN TẬP BÀI HÁT : NGÀY ĐẦU TIÊN ĐI HỌC
- TẬP ĐỌC NHẠC : TĐN SỐ 7

Nội dung 1. Ôn tập bài hát : Ngày đầu tiên đi học

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



HS nghe GV đàn giai điệu một đoạn bất kì trong bài *Ngày đầu tiên đi học*, nhận biết đó là đoạn nào trong bài.



HS trình bày cảm nhận về bài hát (đã viết ở tiết học trước).

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(Nội dung ôn tập, không có hoạt động hình thành kiến thức)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- HS hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách, thể hiện rõ phách mạnh và phách nhẹ.
- Trình bày bài *Ngày đầu tiên đi học*, thể hiện sắc thái và tình cảm của bài hát.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



- Hát bài *Ngày đầu tiên đi học* với các hình thức gõ đệm : Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách, chú ý thể hiện rõ phách mạnh ở nhịp thứ nhất, phách nhẹ ở nhịp thứ hai và thứ ba ; Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo nhịp .
- Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp đánh nhịp .

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



- Kể tên một vài bài hát viết về niềm vui của các bạn nhỏ khi đến trường.
- Vẽ tranh minh họa cho bài hát.

Nội dung 2. Tập đọc nhạc : TĐN số 7

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



HS quan sát bản nhạc và nghe GV hát hoặc đàn bài TĐN số 7.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



Tìm hiểu bài TĐN số 7 :

- Bài TĐN viết ở nhịp nào ?
- Bài TĐN có những kí hiệu âm nhạc nào ?
- Bài TĐN có những hình nốt nào ?
- Trong bài TĐN, nốt nhạc nào cao nhất, nốt nhạc nào thấp nhất ?
- Trong bài TĐN, nốt nào ngân dài nhất, nốt nào ngân ngắn nhất và ngân dài mấy phách ?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- Luyện tập cao độ :
Nghe GV đàn, tập đọc tên và cao độ các nốt nhạc.
- Luyện tập tiết tấu :



Nghe GV gõ tiết tấu để gõ đúng tiết tấu của bài TĐN.

- Tập đọc từng câu :
 - + Tập đọc câu thứ nhất : Nghe GV đàn giai điệu, tập đọc vài lần hoà với tiếng đàn.
 - + Tập đọc câu thứ hai tương tự câu thứ nhất.
 - + Đọc nối tiếp câu thứ nhất với câu thứ hai.
 - + Tập những câu tiếp theo tương tự.
- Tập đọc cả bài :
 - + Đọc nhạc cả bài TĐN.
 - + GV phát hiện những chỗ đọc sai.
 - + HS sửa những chỗ đọc sai theo hướng dẫn của GV.



- Tập ghép lời ca :
 - + Một nhóm đọc bài TĐN, đồng thời nhóm khác hát lời ca. Sau đó đổi lại phần trình bày.
 - + Cả lớp cùng hát lời ca.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



- Tập đọc nhạc kết hợp gõ đệm :
- + Tập đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách, thể hiện rõ phách mạnh và phách nhẹ.
- + Tập đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo nhịp.
- Tập đọc nhạc kết hợp đánh nhịp .

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



HS trả lời câu hỏi :

- Trong câu mở đầu bài TĐN số 7 – *Chơi đu* dưới đây, nốt nhạc đầu tiên của bài là phách thứ mấy của nhịp ?



- A. Phách thứ nhất
- B. Phách thứ hai
- C. Phách thứ ba
- D. Phách thứ tư
- Nốt nhạc đầu tiên của bài là phách mạnh hay phách nhẹ ?
- A. Phách nhẹ
- B. Phách mạnh
- Đặt lời mới cho bài TĐN số 7 theo chủ đề tự chọn.
- Kể tên một số bài hát, bài TĐN viết ở nhịp .

Bài 3

- ÔN TẬP BÀI HÁT : *NGÀY ĐẦU TIÊN ĐI HỌC*
- ÔN TẬP TẬP ĐỌC NHẠC : TĐN SỐ 7
- ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC : GIỚI THIỆU NHẠC SĨ MÔ-ĐA

Nội dung 1. Ôn tập bài hát : Ngày đầu tiên đi học

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Cả lớp hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(Nội dung ôn tập, không có hoạt động hình thành kiến thức)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, hát đúng giai điệu, lời ca, thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
- Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp gõ đệm :
- + Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách, thể hiện rõ phách mạnh và phách nhẹ.
- + Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo nhịp.



- Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*.
- Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp vận động theo nhạc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



- Trình diễn bài *Ngày đầu tiên đi học* trước lớp, theo từng nhóm.

– Trình diễn bài *Ngày đầu tiên đi học* trước lớp, theo các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,...

– Hát bài *Ngày đầu tiên đi học* cho người thân trong gia đình nghe hoặc hát trong các hoạt động của lớp, của trường và sinh hoạt văn hoá tại cộng đồng.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



– HS giới thiệu tranh minh hoạ cho bài hát đã chuẩn bị ở tiết trước.

– HS tìm một vài bài hát nói về niềm vui của các em nhỏ khi đến trường.

Nội dung 2. Ôn tập Tập đọc nhạc : TĐN số 7

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Cả lớp nghe GV đàn hoặc hát bài TĐN số 7.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(Nội dung ôn tập, không có hoạt động hình thành kiến thức)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



– Đọc bài TĐN số 7, đọc đúng tên nốt nhạc và giai điệu bài TĐN.

– Đọc bài TĐN số 7, kết hợp gõ đệm : Đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách, thể hiện rõ phách mạnh và phách nhẹ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



– Đọc bài TĐN số 7, kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo nhịp.

- Đọc bài TĐN số 7, kết hợp đánh nhịp .
- Các nhóm tự luyện tập, sau đó 2 nhóm trình bày trước lớp : một nhóm đọc nhạc, một nhóm dùng thanh phách gõ đệm theo. Tiếp tục thay đổi 2 nhóm khác thực hiện.



Một vài cá nhân trình bày lời mới của bài TĐN số 7.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



- Hãy đánh dấu > vào các phách mạnh trong câu nhạc mở đầu của bài TĐN số 7 – Chơi đù :



Nội dung 3. Âm nhạc thường thức : Giới thiệu nhạc sĩ Mô-da

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



- GV đàn hoặc cho HS nghe một trích đoạn nhạc không lời của nhạc sĩ Mô-da.
- GV cho HS xem một trích đoạn video hoặc một số tranh ảnh tư liệu về nhạc sĩ Mô-da.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



- Tìm hiểu nhạc sĩ Mô-da.
- Từng nhóm HS kể về cuộc đời và những sáng tác âm nhạc, những khả năng đặc biệt của Mô-da :
- + Được mệnh danh là "Thần đồng âm nhạc".

- + Có thể lặp lại trên phím đàn tất cả các bản nhạc dù chỉ nghe một lần.
- + Sáng tác các bản nhạc múa và chơi đàn cla-vơ-xanh, oóc-gơ và vi-ô-lông từ khi 5 tuổi.
- + Biểu diễn đàn pi-a-nô bằng một ngón tay trên phím đàn đã được che kín.
- + Ngoài biểu diễn, Mô-da còn sáng tác rất nhiều tác phẩm gồm : giao hưởng, xô-nát, nhạc kịch,...
- + Mô-da còn học lịch sử, địa lí, số học,... và ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Ý, Mô-da học rất giỏi.



HS nghe một số bài hát hoặc trích đoạn nhạc không lời của Mô-da.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Cả lớp đọc bài TĐN số 4 của Mô-da đã được học ở những tiết trước.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Kể đôi điều về nhạc sĩ Mô-da.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



Tìm thêm một số thông tin về nhạc sĩ Mô-da trên mạng, trong sách báo và các nguồn tư liệu khác...

Bài 4

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 6

I. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

HS trả lời hoặc thực hiện 1–2 câu hỏi và bài tập sau:

1. Câu hỏi

Câu hỏi 1– Trong bài Ngày đầu tiên đi học, tiếng hát luyện nằm trong câu hát nào dưới đây?

- A. Mẹ dắt em đến trường
- B. Mẹ dỗ dành yêu thương
- C. Chao ôi! Sao thiết tha
- D. Cô giáo như mẹ hiền

Hướng dẫn đánh giá: Đáp án C. *Chao ôi! Sao thiết tha*

Câu hỏi 2. Trong câu hát “Ngày đầu tiên đi học, mẹ dắt tay đến trường” của bài Ngày đầu tiên đi học, phách mạnh rơi vào những tiếng hát nào dưới đây?

- A. ngày...tiên...
- B. đi...mẹ...
- C. em...đến..
- D. đầu...học...dắt...trường...

Hướng dẫn đánh giá: Đáp án D. đầu ... học ... dắt ... trường

Câu hỏi 3– Nối lời ca cho phù hợp với các nốt nhạc trong bài bài Ngày đầu tiên đi học.

<i>Ngày đầu tiên đi học</i>		Rê Đô Rê Đô Mi
<i>Em vừa đi vừa khóc</i>		Son Son Đô Son Mi
<i>Mẹ dỗ dành yêu thương</i>		Rê Rê Rê Mi Rê Đô
<i>Chao ôi! Sao thiết tha</i>		Pha La Rê Son Son

Hướng dẫn đánh giá: Đáp án đúng là :

<i>Ngày đầu tiên đi học</i>	→	Rê Đô Rê Đô Mi
<i>Em vừa đi vừa khóc</i>	→	Son Son Đô Son Mi
<i>Mẹ dỗ dành yêu thương</i>	→	Rê Rê Rê Mi Rê Đô
<i>Chao ôi! Sao thiết tha</i>	→	Pha La Rê Son Son

Câu hỏi 4– Nhạc sĩ Mô-da là người nước nào?

- A. Anh
- B. Pháp
- C. Áo
- D. Đức

Hướng dẫn đánh giá: Đáp án C. Áo

Câu hỏi 5: Mô-da đã đi biểu diễn ở hầu khắp các thành phố lớn và thủ đô châu Âu khi bao nhiêu tuổi?

- A. 3 tuổi
- B. 5 tuổi
- C. 7 tuổi
- D. 10 tuổi

Hướng dẫn đánh giá: Đáp án C. 7 tuổi

Luyện tập

Các nhóm từ 4–6 HS, trình bày 1 bài thực hành trong số những bài sau:

Bài tập 1– Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, sử dụng cách hát đối đáp và hòa giọng.

Bài tập 2– Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, sử dụng cách hát lĩnh xướng và hòa giọng.

Bài tập 3– Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, vừa hát vừa đánh nhịp.

Bài tập 4– Hát bài *Ngày đầu tiên đi học*, kết hợp vận động theo nhạc.

Bài tập 5– Tập đọc nhạc bài TĐN số 7, kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách.

II. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ

1. HS tự đánh giá

Các nhóm tự đánh giá kết quả học tập bằng cách đánh dấu (v) vào 1 trong 4 mức độ dưới đây:

– Hát:

Hát ở mức độ tốt		Hát ở mức độ khá	
Hát ở mức độ trung bình		Hát ở mức độ yếu	

– Tập đọc nhạc:

Tập đọc nhạc ở mức độ tốt		Tập đọc nhạc ở mức độ khá	
Tập đọc nhạc ở mức độ trung bình		Tập đọc nhạc ở mức độ yếu	

2. GV đánh giá

– Bài thực hành số 1, 2, 3, 4: HS hát thuộc lời, hát có tình cảm và sắc thái, thực hiện đúng cách hát theo yêu cầu và biết đánh đúng nhịp.

– Bài thực hành số 5: HS đọc nhạc theo SGK, đọc đúng tên nốt nhạc và giai điệu, biết gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách.

3. HS đánh giá lẫn nhau

HS xem phần trình bày của các bạn, nhận xét và đánh giá về các yêu cầu:

– Các bạn hát thuộc lời chưa? Có thể hiện được tình cảm và sắc thái không? Hát kết hợp với gõ đệm hoặc hát kết hợp vận động đạt được ở mức độ nào? Đánh nhịp đã đúng chưa?

– Các bạn đã đọc đúng tên nốt nhạc và giai điệu bài TĐN chưa? Tập đọc nhạc kết hợp gõ đệm đạt được ở mức độ nào?

III. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG ÂM NHẠC

1. Nghe nhạc

HS nghe hoặc xem video bài *Ngày đầu tiên đi học*, nghe một vài trích đoạn nhạc không lời của Mô-da: *Hành khúc Thổ Nhĩ Kỳ*, một vài bài *Valse*...

2. Hát

HS hát bài *Ngày đầu tiên đi học* theo một vài cách hát: đối đáp, nối tiếp, hát có lĩnh xướng, hát với số lượng người hát tăng dần ...

3. Biểu diễn trình bày

HS biểu diễn trước lớp bài *Ngày đầu tiên đi học* với các hình thức: đơn ca, song ca, tốp ca, ...

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MĨ THUẬT LỚP 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM MĨ THUẬT

1. Vị trí của Mĩ thuật

Trong chương trình GDPT, môn Mĩ thuật có vị trí kết nối kiến thức bộ môn với thực tế để tạo ra cái đẹp; là cầu nối cho HS vận dụng hiểu biết về cái đẹp vào cuộc sống, từ đó cảm thụ vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người cũng như thực hiện các hành vi ứng xử đẹp mắt, phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Hình thành năng lực cảm thụ thẩm mĩ, óc sáng tạo và nhân cách con người lao động mới, góp phần thực hiện giáo dục toàn diện HS.

Môn Mĩ thuật trong chương trình GDPT có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản, phổ thông về mĩ thuật; tạo cơ hội cho HS được tiếp cận với cái đẹp bằng ngôn ngữ mĩ thuật, hình thành kiến thức kĩ năng môn học; phát triển năng lực quan sát, phân tích; phát triển khả năng tư duy hình tượng, suy nghĩ tìm tòi, sáng tạo và hỗ trợ các môn học khác được tốt hơn (hình dung hình học không gian chuẩn xác, ước lượng các tỉ lệ cân đối trong bài tập vẽ mô phỏng hình lược đồ; tưởng tượng và cảm thụ tốt hơn các hình ảnh trong văn bản nói chung, các tác phẩm nghệ thuật nói riêng...), đồng thời giúp một bộ phận HS tiếp tục phát triển năng khiếu, định hướng nghề nghiệp tương lai.

Đối với đầu cấp THCS, môn Mĩ thuật lớp 6 còn có vai trò quan trọng là đáp ứng tâm sinh lí lứa tuổi HS. Những đòi hỏi tìm tòi khám phá của HS về nghệ thuật hình ảnh ngày càng cao, các em có nhiều cơ hội tham gia nhiều vào lĩnh vực này để phát triển khả năng hoặc thông qua các hoạt động tại cộng đồng (thăm quan bảo tàng, tham gia bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử...) tìm hiểu về mĩ thuật, góp phần phát triển nghệ thuật truyền thống. Ở lứa tuổi này những biểu đạt hình ảnh thay cho ngôn ngữ thông thường vẫn được các em sử dụng trong trao đổi, chia sẻ thông tin. Vì vậy có thể hiểu mĩ thuật là một trong những công cụ giao tiếp được các em hết sức coi trọng, phát huy.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, Mĩ thuật là một môn học độc lập, có Chương trình riêng và được gọi là môn học Mĩ thuật.

2. Đặc điểm của môn học

Mĩ thuật là nghệ thuật của thị giác – nhìn, nhận ra cái đẹp bằng con mắt. Mĩ thuật tạo nên vẻ đẹp trên các sản phẩm ứng dụng thông qua hình dáng, màu sắc, đường nét, phong cách thể hiện. Có thể nói mĩ thuật làm cho đời sống tinh thần con người thêm ý nghĩa, đáp ứng nhu cầu làm đẹp của xã hội.

Mĩ thuật là loại hình nghệ thuật được thể hiện trên bề mặt phẳng bằng đường nét, hình mảng, màu sắc, đậm nhạt (còn gọi là tranh); bằng hình khối trong không gian (còn gọi là tượng – điêu khắc) và sử dụng nhiều chất liệu khác nhau như: giấy, chì, các loại màu, vải sợi; vật liệu (đất, đá, thạch cao, đồng, nhôm...). Mĩ thuật phản ánh chân thực về thiên nhiên, đất nước và cuộc sống con người. Hướng người xem tới vẻ đẹp Chân – Thiện – Mĩ.

Môn Mĩ thuật ở cấp THCS được tổ chức thông qua các hoạt động vẽ tranh (thể hiện các sinh hoạt trong cuộc sống), vẽ theo mẫu (diễn tả, mô phỏng các đồ vật), vẽ trang trí (tạo vẻ đẹp cho đồ vật), thưởng thức mĩ thuật (cảm nhận, phân tích tác phẩm). Hoạt động mĩ thuật giúp HS cân bằng tâm sinh lí giữa học tập với vui chơi, cân bằng trí lực với thể lực, giữa các môn tự nhiên với nhóm môn xã hội và nhân văn; tạo điều kiện cho HS hoạt bát, năng động, sáng tạo...

3. Mục tiêu

Môn Mĩ thuật ở trường phổ thông nhằm giúp HS:

Về kiến thức:

- Có những kiến thức ban đầu về mĩ thuật; hình thành những hiểu biết cơ bản, cần thiết về đường nét, hình khối, đậm nhạt, màu sắc, bố cục.
- Có hiểu biết sơ lược về mĩ thuật Việt Nam và thế giới.

Về kĩ năng:

Rèn luyện kĩ năng quan sát, qua đó phát triển tư duy, trí tưởng tượng, sáng tạo; thực hành các bài tập vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn tạo dáng đơn giản và phân tích được sơ lược một số tác phẩm mĩ thuật Việt Nam và thế giới. Biết vận dụng các kĩ năng đó vào cuộc sống.

Về thái độ:

Bước đầu cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống con người; vẻ đẹp của một số tác phẩm mĩ thuật

II. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Hướng dẫn chung

1.1 Cấu trúc chương trình

Chương trình môn Mĩ thuật được thiết kế theo cấu trúc đồng tâm: kiến thức ở lớp dưới làm nền tảng cho kiến thức ở lớp trên và tăng dần mức độ theo sự phát triển nhận thức của HS.

- Nội dung chương trình bao gồm các phân môn:

- + Vẽ theo mẫu: tìm hiểu về khái niệm và phương pháp vẽ theo mẫu; thực hiện các bài tập thực hành vẽ khối cơ bản, vẽ đồ vật...
- + Vẽ trang trí: tìm hiểu về khái niệm, đặc điểm và phương pháp vẽ trang trí; thực hiện các bài tập trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng. Phân tạo dáng được lồng ghép vào nội dung trang trí ứng dụng.
- + Vẽ tranh: tìm hiểu cách tiến hành bài vẽ; thực hiện các bài vẽ tranh đề tài quen thuộc
- + Thường thức mỹ thuật: Giới thiệu về mỹ thuật Việt Nam và Mỹ thuật thế giới

Chương trình hiện hành được thể hiện bằng các mạch nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản ở mức độ phổ thông của môn học.

– Phương pháp dạy học:

Môn Mỹ thuật chú ý sử dụng linh hoạt các PPDH: PP trực quan, PP quan sát, PP gợi mở vấn đáp, PP luyện tập, PP hợp tác theo nhóm, PP dạy học dự án, PP trò chơi...

– Đánh giá kết quả học tập của HS:

Đánh giá kết quả học tập của HS được thực hiện thông qua các hoạt động học tập trong quá trình dạy học và sử dụng chuẩn kiến thức kỹ năng, mục tiêu cụ thể của từng bài làm căn cứ đánh giá. Tuy nhiên do đặc thù bộ môn, đánh giá còn dựa vào cách cảm, cách nghĩ, sự sáng tạo riêng của mỗi cá nhân.

– Thời lượng:

Mỗi tuần 1 tiết/tuần, tổng cộng là 35 tiết/năm. Trong đó 4/5 thời lượng giành cho các bài thực hành ứng dụng nhằm hình thành kỹ năng, bồi dưỡng khả năng cảm thụ thẩm mỹ của HS và được tập trung nhiều vào các phân môn vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh; phần thường thức mỹ thuật có thời lượng ít hơn.

– Sách giáo khoa:

Trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, môn Mỹ thuật có sách giáo khoa bao gồm sách cho học sinh và sách cho giáo viên.

Sách học sinh bao gồm các cuốn sách chung cho 2 môn Âm nhạc và Mỹ thuật như: Âm nhạc và Mỹ thuật 6, Âm nhạc và Mỹ thuật 7, Âm nhạc và Mỹ thuật 8, Âm nhạc và Mỹ thuật 9, trong đó bao gồm 2 nội dung là Âm nhạc và Mỹ thuật.

Sách giáo viên bao là các cuốn sách riêng cho từng môn như: Mỹ thuật 6, Mỹ thuật 7, Mỹ thuật 8, Mỹ thuật 9 (Sách giáo viên).

Một số thay đổi so với chương trình và sách giáo khoa hiện hành

Trong mô hình trường học mới, Mỹ thuật thuộc hoạt động giáo dục (HĐGD), việc thực hiện dạy học không xuất phát từ nội dung môn học mà các hoạt động dạy học được

xuất phát từ mục tiêu hình thành năng lực cho HS, các nội dung để tạo năng lực đó được xác định trong chương trình môn Mỹ thuật hiện hành và sắp xếp sao cho chúng kết hợp, hỗ trợ tốt nhất cho việc hình thành các năng lực.

Mỹ thuật không gọi là môn học mà là một phần trong Hoạt động giáo dục bao gồm: Âm nhạc, Mỹ thuật và Thể dục.

– Mục tiêu

Bên cạnh những mục tiêu đã xác định trong chương trình hiện hành (như: thực hiện GD thẩm mỹ cho HS là chính; giúp HS cảm thụ vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống, con người; vẻ đẹp của một số tác phẩm nghệ thuật; cung cấp những kiến thức cơ bản, phổ thông về mỹ thuật; thực hiện các bài tập theo yêu cầu), môn Mỹ thuật trong mô hình trường học mới còn xác định mục tiêu:

- + Rèn các kĩ năng môn học, qua đó phát triển tư duy, trí tưởng tượng, sáng tạo. Góp phần hình thành năng lực chung và năng lực chuyên biệt
- + Sáng tạo cái đẹp vận dụng vào học tập và sinh hoạt hằng ngày

– Nội dung chương trình

Nội dung chương trình vẫn đảm bảo các mạch kiến thức cơ bản đã có trong chương trình hiện hành. Tuy nhiên có điều chỉnh, lược bớt những nội dung trùng lặp, giành nhiều thời gian cho hoạt động thực hành rèn kĩ năng và hình thành năng lực là chính.

– Thời lượng

Hoạt động giáo dục được thực hiện bằng các chủ đề học tập, do vậy thời lượng có thay đổi, cụ thể:

- + Các bài học được kéo dài 4 tiết/chủ đề
- + 8 chủ đề + 3 tiết ôn tập KTĐG/năm học = 35 tiết/năm học

– Tài liệu dạy học

Trong mô hình trường học mới, Âm nhạc, Mỹ thuật và Thể dục được tập hợp thành một hoạt động chung và không có sách cho học sinh mà chỉ có một cuốn sách chung gọi là: Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục bao gồm: Âm nhạc, Mỹ thuật và Thể dục.

Tiến trình một giờ lên lớp của Hoạt động giáo dục được thiết kế thành 5 hoạt động và cơ bản các hoạt động dựa trên nội dung chương trình và sách giáo khoa hiện hành của môn học.

1.2. Chủ đề học tập

Trong Tài liệu Hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục, Mỹ thuật được thiết kế thành 8 chủ đề. Trong mỗi chủ đề, những kiến thức trùng nhau sẽ được giản lược và sắp

xếp lại cho phù hợp với mạch phát triển nội dung. Không thực hiện dạy nhắc lại như trước đây, do vậy HS sẽ có nhiều thời gian tự học, thực hiện kiểm chứng kiến thức và rèn kỹ năng ở phần thực hành hoặc vận dụng, mở rộng nội hàm kiến thức. Tên gọi các chủ đề như sau :

Chủ đề 1: Tìm hiểu kiến thức cơ bản

Chủ đề 2: Tinh hoa mỹ thuật cổ đại

Chủ đề 3: Trang trí với đời sống

Chủ đề 4: Tinh hoa mỹ thuật truyền thống người Việt

Chủ đề 5: Đồ dùng trong gia đình

Chủ đề 6: Tinh hoa mỹ thuật truyền thống người Việt

Chủ đề 7: Chữ trong đời sống

Chủ đề 8: Mùa xuân và quê hương

Cơ sở xác định chủ đề

– Kiến thức có trong chủ đề phải tương đồng, bổ trợ lẫn nhau, HS có thể vận dụng dễ dàng trong quá trình học tập

– Thông tin trong chủ đề cần phong phú, thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau và được nhìn nhận ở nhiều góc độ khác nhau.

– Chủ đề thể hiện tính thực hành cao, gắn với đời sống hàng ngày của HS và được thực hiện bằng nhiều hoạt động học tập khác nhau (vẽ, nặn, xé dán, cảm thụ nghệ thuật...) nhằm hình thành năng lực và giá trị cho HS

– Tạo điều kiện cho HS phát triển khả năng tưởng tượng hình ảnh, sáng tạo và mang lại khoái cảm thẩm mỹ cho người học

– Phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi và năng lực của HS. Phù hợp với đặc thù môn học và điều kiện của nhà trường hiện nay.

– Đảm bảo tổ chức được nhiều hình thức học tập cho chủ đề (học tập trong nhà trường, học tập tại các công trình di tích lịch sử, nơi có phong cảnh đẹp...). GV thực hiện được nhiều PPDH để phát huy tính tích cực học tập của HS, giúp HS khai thác kiến thức, phát triển một số kỹ năng/ năng lực chung, năng lực chuyên biệt.

– Đảm bảo phù hợp với thời lượng phân phối trong chương trình hiện hành, chủ đề được sắp xếp trong thời gian học tập cho phép.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề

– Mạch nội dung kiến thức kỹ năng cần phát triển theo logic từ thấp đến cao, phù hợp với nhận thức, vốn sống của HS; phù hợp với yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề

– Đặt người học trong bối cảnh “có vấn đề” đòi hỏi người học giải quyết vấn đề thực tiễn có trong chủ đề

- Người học được thể hiện kết quả học tập theo cách riêng
- Nội dung học tập và PPDH đa dạng linh hoạt không khuôn mẫu
- Kiến thức không lặp lại; luôn được làm mới từ các tình huống học tập
- Thời gian cho mỗi chủ đề học tập cần nhiều hơn bài học thông thường
- Người học phải thể hiện được những năng lực đã được xác định trong chủ đề
- Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng trong chủ đề ngày càng cao

Điều kiện tổ chức dạy học theo chủ đề

Điều kiện dạy học theo chủ đề là những yêu cầu bắt buộc cần có để chủ đề dạy học được tiến hành thuận lợi, không chỉ có vậy, điều kiện dạy học cho chủ đề còn giúp GV đạt được mục tiêu môn học cũng như các năng lực mong đợi. Dạy học theo chủ đề cần một số điều kiện sau:

Về thời lượng

DH theo chủ đề cần thời lượng nhiều hơn so với cách dạy học theo từng tiết như hiện nay. Mỗi chủ đề học tập thường kéo dài 4 tiết/chủ đề, đòi hỏi các tiết học cần được sắp xếp liền nhau, tạo điều kiện cho HS thực hiện bài tập một cách liền mạch, nhờ đó mà các thao tác tạo hình được phát triển, tiếp nối. Do vậy GV cần được quyền chủ động về thời lượng học tập, sắp xếp thời khóa biểu. Chủ đề được học liền hay nối tiếp, tùy thuộc vào bố trí thời gian cụ thể của từng trường. Thời lượng học tập không bó hẹp còn là điều kiện để HS duy trì hứng thú cũng như khả năng sáng tạo trong quá trình học tập.

Về giáo viên

DH theo chủ đề cần ở GV khả năng bao quát, mở rộng và định hướng vấn đề cho HS cũng như khả năng quán xuyên lớp theo cách học mới. Đồng thời GV cần hình dung, tưởng tượng cũng như tiên lượng trước ý tưởng của HS để góp ý kịp thời và định hướng bài tập cho phù hợp với năng lực cá nhân, có như vậy mới đáp ứng mọi đối tượng học tập và xử lý phù hợp các tình huống học tập nảy sinh.

Tài liệu học tập

Nội dung chủ đề học tập được xây dựng từ các bài học trong chương trình hiện hành, do vậy nguồn tư liệu khá gần gũi với GV, HS. Tuy nhiên những tư liệu về cách thức tạo dựng chủ đề, phương pháp dạy, cách học... vẫn rất cần, vì nó sẽ giúp GV biết triển khai cách dạy và học mới. Các thông tin, tư liệu, tranh, ảnh, văn học, nghệ thuật theo mảng chủ đề; các tình huống thực trong cuộc sống... đều có thể vận dụng vào nội dung chủ đề phù hợp. GV cần triệt để khai thác các nguồn tư liệu này, tạo điều kiện cho các em trải nghiệm, ứng dụng thực tế, hình thành những năng lực cần thiết cho HS. Bên cạnh nguồn

tài liệu, học liệu (họa phẩm) của môn học cũng cần đa dạng về chất liệu, chủng loại, kích cỡ... để giúp HS học tập tốt hơn.

Không gian học tập

Tổ chức dạy học theo chủ đề không chỉ khuôn khổ trong không gian hẹp của lớp học. Mà cần được mở rộng ngoài không gian lớp học, như: học ngoài thực tế, tìm hiểu về di tích lịch sử, tham quan, dã ngoại. Có nhiều trường hợp, không gian bên ngoài lớp học chính là nội dung học tập: HS tìm hiểu thực tế, tham quan triển lãm cảm thụ nghệ thuật; thực hiện các dự án học tập, xây dựng các hình ảnh phát triển chủ đề... Do vậy GV cần hết sức linh hoạt trong tổ chức lớp học và lựa chọn không gian học tập phong phú, phù hợp với nội dung chủ đề để duy trì hứng thú học tập cho HS.

Sự tham gia của PHHS, cộng đồng, địa phương

Trước kia, việc hướng dẫn HS học tập chủ yếu do GV. Cách học theo chủ đề cần có sự tham gia của PHHS, cộng đồng, các nghệ nhân, cựu chiến binh, gương điển hình tiên tiến... cho mỗi nội dung phù hợp. Do vậy nhà trường cần kết hợp với địa phương, hội PPHS, cha mẹ HS xây dựng kế hoạch gắn kết trách nhiệm cùng tham gia vào nội dung giáo dục con em. Có thể lập kế hoạch theo năm học, từng quý, theo tháng hoặc theo chủ điểm, chủ đề... Vì dạy học theo chủ đề không chỉ tạo năng lực mà còn hình thành và phát triển ở học sinh những phẩm chất đạo đức cốt lõi, những hành vi ứng xử phù hợp và ý thức pháp luật công dân.

1.3 Các năng lực được xác định trong chương trình

Nhóm năng lực chung

a) Những năng lực làm chủ và phát triển bản thân:

- + Năng lực tự học
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
- + Năng lực tự quản lý

b) Những năng lực về quan hệ xã hội:

- + Năng lực giao tiếp
- + Năng lực hợp tác
- + Những năng lực công cụ:
 - Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)
 - Năng lực tính toán
 - Năng lực sử dụng ngôn ngữ

Năng lực chuyên biệt bộ môn Mỹ thuật

+ Năng lực cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận biết được cái hay, cái đẹp trong lĩnh vực nghệ thuật (văn học, âm nhạc, mỹ thuật). Có con mắt nhận ra vẻ đẹp của hình thức, kiểu dáng,

màu sắc... Biểu lộ thái độ đồng tình ngưỡng mộ hoặc đồng cảm với tác giả. Phân biệt được cái đẹp, cái xấu trong tương quan. Tạo được thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh.

+ Năng lực quan sát, khám phá: HS có thói quen quan sát, khám phá, những hiện tượng tự nhiên, xã hội. Chủ động tìm hiểu những cách thể hiện khác nhau trong nghệ thuật tạo hình. Bộc lộ sự say mê, thích thú trong quá trình quan sát, khám phá. Sản phẩm nghệ thuật thể hiện được nhiều góc nhìn về cuộc sống sinh động

+ Năng lực thực hành sáng tạo: HS luôn tạo được ấn tượng trong lĩnh vực mỹ thuật. Gây được bất ngờ, thu hút sự chú ý của mọi người xung quanh. Thường xuyên có nhiều sáng kiến trong các hoạt động văn hóa nghệ thuật (hình thành ý tưởng, phong cách thể hiện, sắp đặt bố cục...). Tham gia thể hiện các thao tác tạo hình (vẽ, xé dán, tạo hình 3D...) một cách thành thạo. Tạo được sản phẩm nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu thực tế.

+ Năng lực giao tiếp, biểu đạt: HS sử dụng ngôn ngữ mỹ thuật thực hiện giao tiếp bằng hình ảnh, chia sẻ ý tưởng. Sản phẩm mỹ thuật đẹp, hấp dẫn, tạo được cảm xúc cho người xem.

1.4 Thực hiện chương trình

Mô hình trường học mới chú trọng thay đổi cách thức tổ chức dạy học, nhằm hình thành và phát triển năng lực cho HS. Cụ thể, chương trình dạy học Mỹ thuật được thực hiện bằng các chủ đề học tập và được tổ chức xen kẽ giữa lý thuyết với thực hành, tạo cho việc dạy và học không bị tách rời. HS có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào tất cả các hoạt động. Mỗi chủ đề được thiết kế thành một hệ thống các hoạt động kết hợp các hình thức làm việc cá nhân, theo cặp, theo nhóm, theo lớp (trong đó hình thức học tập theo nhóm là chủ yếu). Nội dung kiến thức được chọn đưa vào chủ đề là những kiến thức của chương trình và sách giáo khoa hiện hành, bám sát Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Mỹ thuật cấp Trung học cơ sở và Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học môn Mỹ thuật cấp THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đó là những kiến thức cơ bản, phổ thông cần thiết giúp tất cả HS sau khi học xong đều phải có trình độ mỹ thuật phổ thông nhất định trong nền học vấn chung ở cấp Trung học cơ sở.

Tại mỗi chủ đề, yêu cầu cần đạt là những kiến thức cốt lõi, bao trùm toàn bộ nội dung chủ đề. Có tính chất trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho HS để có thể hoàn nhiệm vụ học tập và vận dụng vào tình huống tương tự. Mô hình trường học mới Việt Nam chú trọng hướng dẫn HS phương pháp học tập và tư duy; phát triển tính chủ động, sáng tạo, tự tin; nâng cao các năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, hợp tác nhóm...

Tài liệu hướng dẫn

Để tránh tình trạng nội dung chương trình mang tính hàn lâm, lý thuyết, thiếu hấp dẫn HS, trên cơ sở kiến thức, nội dung chương trình và sách giáo khoa hiện hành, Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 6 (phần Mỹ thuật) được thiết kế theo 8

chủ đề, mỗi chủ đề được dạy trong 4 tiết (bao gồm cả phần đánh giá). Tên các chủ đề được dựa trên nội dung học tập.

Nội dung trong mỗi bài của Tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 6 được trình bày một cách tinh giản phù hợp với thời lượng và khả năng tiếp thu của học sinh theo 5 hoạt động thống nhất chung với các môn học khác theo tinh thần của Mô hình trường học mới Việt Nam như sau:

- A. Hoạt động khởi động
- B. Hoạt động hình thành kiến thức
- C. Hoạt động luyện tập
- D. Hoạt động vận dụng
- E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Chương trình coi trọng những yêu cầu rèn luyện và phát triển các kỹ năng cho học sinh; đảm bảo cho học sinh được luyện tập, thực hành và tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm hướng tới phát huy các năng lực môn học.

Thực hiện chương trình môn Mỹ thuật lớp 6 trong Mô hình trường học mới Việt Nam, GV cần đặc biệt quan tâm một số nội dung sau:

1. Chủ đề học tập

Nội dung các bài vẽ theo mẫu, vẽ tranh, vẽ trang trí, tạo dáng được qui tụ vào các chủ đề. Trong mỗi chủ đề, nội dung học tập khá tương đồng và đều hướng tới giải quyết một nhiệm vụ học tập riêng biệt. Hệ thống kiến thức được phát triển theo logic: Xác định kiến thức (cơ bản) □ xử lý kiến thức trong bối cảnh thực/giả thực □ vận dụng kiến thức giải quyết bài tập □ kiểm chứng/củng cố kiến thức □ ứng dụng thực tế □ tạo năng lực môn học.

Dạng bài Thường thức mỹ thuật được thực hiện trong chùm chủ đề Tinh hoa mỹ thuật của dân tộc và nhân loại. Những nội dung này được tiếp cận trên cơ sở không gian lịch sử, đặc điểm văn hóa thời đại... từ đó mới đề cập đến các thành tựu mỹ thuật và lồng ghép các bài thực hành để HS hiểu sâu hơn

Trong cách dạy và học mới, nội dung kiến thức môn Mỹ thuật được lựa chọn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình hiện hành; gắn với thực tiễn và có giá trị với người học. Những nội dung học tập này có thể được lặp lại ở các bối cảnh tình huống khác nhau, nhưng không lặp lại trong các bài học giống nhau như trước đây.

Thời gian học chủ đề được linh hoạt trong quá trình sắp xếp thời khóa biểu của nhà trường. Ví dụ: mỗi chủ đề kéo dài 4 tiết, GV có thể bố trí các tiết học liên nhau/tuần để tránh gián đoạn chủ đề; các môn học khác cũng có thể bố trí như vậy... Tuy nhiên cũng cần cân đối giữa các môn công cụ với các môn thuộc HĐGD, tránh tình trạng trong nhiều ngày, HS cùng học một lĩnh vực.

2. Tích cực hóa vai trò tự học của HS trong học nhóm

Nhóm học tập

Dạy học theo nhóm được thực hiện ở tất cả các môn học, vai trò của HS trong nhóm học tập là kết nối, bổ sung, xác định kiến thức... Tuy nhiên với môn Mỹ thuật, việc tổ chức học theo nhóm còn nhằm tích cực hóa vai trò cá nhân tự học trong các nhiệm vụ học tập. Cụ thể:

- + Thống nhất nội dung bài học. HS cần tự trao đổi về ý tưởng, số lượng nhóm mẫu, cách thức bày mẫu, hình thức thể hiện, chất liệu tạo hình, dự kiến nội dung hoạt động tại cộng đồng, địa phương...
- + Chủ động chia sẻ thông tin với bạn bè, cùng tìm hiểu nội dung bài học thông qua tư liệu tranh, ảnh, tác giả, tác phẩm, các công trình nghệ thuật...
- + Thực hành, hợp tác hoàn thành các bài tập nhóm (vẽ cùng nhau, hội thi, xây dựng tập san chuyên đề, sưu tầm tư liệu...)
- + Thực hiện trưng bày triển lãm kết quả học tập, sắp xếp tranh ảnh, treo tranh, tham dự triển lãm...
- + Tham gia đánh giá kết quả học tập, đóng góp ý kiến, nhận xét sản phẩm, bài vẽ, nêu cảm nhận cá nhân

Tổ chức nhóm

- + HS tự chọn nhóm: Lựa chọn các bạn có cùng sở thích (sở thích tìm hiểu các thể loại tranh/phong cách thể hiện/chất liệu; sở thích về năng khiếu; sở thích về các hoạt động trong và ngoài lớp học) hoặc có điều kiện và nhịp độ học tập tương đồng... cùng xây dựng ý tưởng, sáng tạo sản phẩm/tác phẩm, thực hiện bài thực hành; Tạo sự đồng thuận, ủng hộ để có kết quả học tập tốt hơn.
- + Nhóm ngẫu nhiên: Các thành viên trong nhóm sẽ không đồng nhất về học lực, do vậy HS cần chủ động quan tâm, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm của mình, giúp đỡ các bạn có học lực kém hơn để phá bỏ rào cản tâm lý (ngại học, tự ti, xấu hổ...). Tích cực ghi nhận những ý kiến đóng góp của các thành viên trong học tập; phân công đều trách nhiệm khi tìm hiểu tư liệu chuẩn bị bài... Tạo tâm lý phấn khởi cho tất cả các thành viên trong nhóm về kết quả học tập, đặc biệt là với các bạn học yếu kém.

Khi thực hiện tổ chức nhóm, GV cần lưu ý tới điều kiện cụ thể của lớp học, nên xuất phát điểm từ HS để lựa chọn nhóm cho phù hợp.

3. Tích cực hóa vai trò của GV trong quá trình tổ chức dạy học

Trong Mô hình trường học mới Việt Nam, vai trò của GV không chỉ là người tổ chức lớp học, định hướng kiến thức, thiết kế các hoạt động học tập mà còn có nhiệm vụ khích

thích vai trò tự học, tự sáng tạo của HS. Do vậy vai trò của GV cần được thể hiện rõ nét trong một số vấn đề sau:

Theo dõi nhịp độ học tập của từng HS

Trong quá trình học tập, do phải tiếp thu khối lượng kiến thức từ các môn học sẽ không tránh khỏi áp lực học tập ở HS. Vì vậy GV cần phải quan sát, theo dõi nhịp độ học tập (nhANH/chậm) của HS ở những thời điểm khác nhau, để hỗ trợ kịp thời đúng lúc, vực HS theo kịp mạch học chung của cả lớp, hạn chế tình trạng HS không theo kịp cả lớp dẫn đến sợ học, dẫu dốt.

Trường hợp HS còn lúng túng về vẽ hình, vẽ màu hay xây dựng ý tưởng, GV chủ động khơi gợi vốn sống của HS, động viên khả năng có thể của HS để duy trì nhịp độ học tập, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Việc theo dõi nhịp độ học tập của HS được thực hiện trong quá trình HS tự học. GV vừa hỗ trợ vừa theo dõi HS hoặc thông qua hỗ trợ, GV có thể biết khả năng của HS để có những quan tâm thường xuyên kịp thời. Như vậy GV sẽ chủ động *đến* với HS nhiều hơn là chỉ khi nào HS gơ biểu tượng hỗ trợ, GV mới xuất hiện.

Tạo môi trường học tập thân thiện cởi mở

Mĩ thuật là môn học thuộc lĩnh vực nghệ thuật, kết quả học tập phụ thuộc vào tâm lí, sự hứng khởi và môi trường học tập trong đó vai trò chủ thể GV là rất quan trọng. Những biểu hiện của GV (trên nét mặt/hành động) đối với HS như: chú ý tới điều kiện học tập, ghi nhận những đóng góp dù là nhỏ nhất hoặc chia sẻ khó khăn cũng như đồng tình về một phát hiện mới của HS... là rất cần thiết. Bởi thông qua đó, HS cảm nhận được thái độ, tình cảm, sự quan tâm của GV đối với chính mình, điều này giúp HS cởi mở hơn trong học tập cũng như tự tin, chủ động khi có nhu cầu chia sẻ khó khăn với GV.

Kết nối kiến thức với thực tiễn, tạo các tình huống học tập/ phát triển nội dung bài học

Ở cấp THCS, kiến thức cơ bản của kĩ thuật đã được HS tiếp cận từ cấp học dưới nên không còn quá mới mẻ với HS. Việc cung cấp kiến thức theo cách học thông thường (GV nêu nội dung kiến thức mới, HS làm bài tập để củng cố kiến thức, rèn kĩ năng) đã không mang lại thích thú cho HS trong quá trình học tập. Do vậy GV cần xây dựng các tình huống học tập chứa đựng những kiến thức đó, làm *mới* không gian học tập để lôi cuốn HS trong quá trình lĩnh hội và phát triển kiến thức.

Với nội dung vẽ theo mẫu, vẽ tranh, vẽ trang trí thay vì các hoạt động thực hành thông thường, GV có thể tìm đối tượng thể hiện là các vận dụng trong gia đình rõ đặc trưng địa phương (trong vẽ mẫu); thể hiện ý tưởng về môi trường, cuộc sống, học tập gần gũi với HS (trong vẽ tranh); tạo không gian đẹp cho gia đình, cho các vật phẩm trong nhà (trong vẽ trang trí). Những đối tượng (cụ thể, thực tế, gần gũi) này làm cơ sở cho HS vận dụng kiến thức cơ bản để giải quyết vấn đề sẽ có sức thuyết phục HS hơn rất nhiều, hoặc HS có thể sử dụng các kết quả đó làm nguồn cảm hứng cho các hoạt động tiếp theo.

Nội dung thường thức mỹ thuật, ngoài các tác phẩm, tác giả cần tìm hiểu theo yêu cầu, GV nên mở rộng nội dung tìm hiểu là các tác phẩm thuộc nhiều lĩnh vực (âm nhạc, mỹ thuật, văn học nghệ thuật dân gian, di sản...), tác giả, các công trình nghệ thuật vật thể, phi vật thể tại địa phương, vùng miền... vận dụng vào bài học. Làm tăng vốn sống, sự hiểu biết cũng như bồi đắp khả năng cảm thụ thẩm mỹ cho HS.

Bên cạnh đó, GV cũng cần mở rộng tầm mắt cho HS thông qua các hoạt động tìm hiểu khác như: Nhìn ra thế giới *đồ vật*; Các danh họa *vẽ gì?*; Sự biến đổi khôn lường của thế giới *màu sắc, họa tiết*... Những nội dung này là do sự linh hoạt, sáng tạo của GV trong quá trình dạy học, tự đặt các tiêu đề phù hợp với kiến thức, kích thích tò mò ham hiểu biết của HS, để liên kết sáng tạo nội dung dạy học tiếp theo.

Tình huống thực tế đa dạng; GV khéo léo mở rộng thế giới mới cho HS, sẽ lôi cuốn HS thích thú tìm tòi, phát hiện cái mới cũng như đề xuất các phương án giải quyết vấn đề, đây chính là mấu chốt cho GV phát triển các nội dung học tập.

Xác định năng lực trong các nội dung học tập

Trong dạy học theo chủ đề, các kiến thức kỹ năng cần đạt đều được thể hiện rõ nét ở nội dung, đồng thời mỗi nội dung định hướng hình thành năng lực tương ứng, nhưng có nội dung chỉ có tính chất hỗ trợ cho việc hình thành năng lực. Do vậy việc xác định những nội dung có thể hình thành năng lực là rất quan trọng, sẽ giúp cho GV tránh tình trạng thiết kế hoạt động học tập một cách dàn trải, thiếu trọng tâm. Tập trung đầu tư về PPDH, điều kiện học tập cũng như kích thích quá trình lĩnh hội kiến thức của HS một cách phù hợp.

GV cần chú ý các dấu hiệu sau để nhận biết nội dung học tập có thể hình thành năng lực:

- + Nội dung học tập có phạm vi, mức độ mở rộng đối với nội bộ môn học và các môn học khác
- + Kiến thức, kỹ năng trong nội dung học tập có thể được áp vào nhiều tình huống thực tiễn và thường được nhắc lại ở một số nội dung khác
- + Nội dung học tập kích thích sự tò mò của HS, thiết thực với HS.

Bên cạnh đó, sau khi thiết kế các hoạt động học tập hình thành năng lực, GV cũng cần tự trả lời câu hỏi: năng lực sau khi hình thành, có thiết thực đối với HS cũng như phát triển được kỹ năng sống cho HS hay không?... để định hướng năng lực chính xác hơn.

Thiết lập quan hệ giữa nhà trường với cộng đồng, nhà trường với PHHS

Đặc điểm nổi bật của Mô hình trường học mới Việt Nam là có sự tham gia của cộng đồng, phụ huynh HS vào quá trình giáo dục. Những kiến thức kỹ năng nhà trường trang bị cho HS có trở thành năng lực hay không, điều đó phụ thuộc vào kênh hoạt động thực tế tại cộng đồng. Do vậy GV cần liên kết chặt chẽ với PHHS, cộng đồng để tìm hiểu nhu cầu mong đợi, đặc điểm thực tế, các hoạt động... của gia đình, địa phương, cộng đồng và

những điều kiện đảm bảo để hình thành môi trường hoạt động thực tế tốt nhất cho HS; Xây dựng các chủ đề kết nối kiến thức kĩ năng với thực tiễn. Yêu cầu gia đình cùng tham gia hướng dẫn, tạo điều kiện cho con em trải nghiệm.

Nhà trường cần chủ động nêu các nội dung giáo dục cần sự tham gia của địa phương, của Hội PHHS, cha mẹ HS trong kế hoạch giáo dục chung vào dịp đầu năm học, đầu học kì hoặc từng tháng. Xây dựng kế hoạch chi tiết (nội dung giáo dục/ trải nghiệm; thời gian/địa điểm thực hiện; đối tượng tham gia – tên, địa chỉ cụ thể; các điều kiện đảm bảo, cơ sở vật chất...) cho mỗi chủ đề hoặc định kì theo tháng, tuần, buổi học... Trưng cầu sự góp ý của cán bộ địa phương, PHHS xây dựng nội dung giáo dục phù hợp, gần với thực tiễn. Có thể, mời HS tham gia góp ý kế hoạch, tạo sự đồng thuận, hợp tác. Thực hiện triển khai kế hoạch.

Đối với môn Mĩ thuật, một số địa chỉ sau có thể phục vụ tốt cho hoạt động trải nghiệm thực tế của HS:

- Danh lam thắng cảnh trên địa bàn
- Các di tích lịch sử văn hóa địa phương; đình chùa, kiến trúc cổ
- Các công trình văn hóa công cộng: công viên, quảng trường, nhà văn hóa...
- Nghề truyền thống
- Không gian văn hóa địa phương; không gian gia đình
- Các danh nhân, anh hùng dân tộc; các nghệ nhân, nghệ sĩ; gương điển hình tiên tiến... hoặc các phong trào, chiến dịch được phát động trên địa bàn.

4. Phương pháp dạy học

Trong tài liệu hướng dẫn giáo viên các hoạt động giáo dục lớp 6 môn Mĩ thuật, phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học thể hiện rất rõ mối quan hệ mật thiết với kiểm tra, đánh giá, bởi nó quy định hình thức kiểm tra, đánh giá. Thực hiện đánh giá theo năng lực người học đồng nghĩa với việc GV cần lựa chọn các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học tương ứng, khơi dạy hứng thú học tập và ham thích thể hiện năng lực cá nhân trong thực tiễn. Dưới đây là một số phương pháp thường được vận dụng trong dạy học nhằm hình thành năng lực cho HS:

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp vấn đáp gợi mở
- Phương pháp luyện tập thực hành
- Phương pháp học theo nhóm
- Phương pháp dạy học theo dự án, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề...

Tương ứng với những phương pháp trên có các hình thức tổ chức học tập sau:

- Học theo nhóm, cá nhân; học tập có trò chơi hỗ trợ

- Học tập trên lớp; vẽ ngoài trời
- Học tập kết hợp với các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường
- Học tập gắn liền với các sinh hoạt cộng đồng
- Học tập trải nghiệm tại các làng nghề. Thực hành mỹ thuật ứng dụng
- Học tập tại thực địa: nghiên cứu, tìm hiểu thực tế; tham dự triển lãm, tham quan dã ngoại phong cảnh đẹp, tìm hiểu di tích lịch sử... Kết hợp với các tổ chức xã hội (vẽ tranh tuyên truyền, cổ động, tham dự các cuộc thi sáng tạo...) lựa chọn hình thức học tập sao cho phù hợp với nội dung.

5. Kiểm tra đánh giá

Mỹ thuật với tư cách là một trong những hoạt động sáng tạo nghệ thuật, là cầu thành quan trọng trong nội dung chương trình giáo dục phổ thông, với mục đích đào tạo ra những con người có văn hóa thị giác, có khả năng cảm thụ thẩm mỹ, biết tạo ra cái đẹp vận dụng vào cuộc sống, học tập và môi trường xung quanh. Cùng với một số nội dung học tập khác trong Hoạt động giáo dục, kết quả học tập Mỹ thuật được thực hiện trong bối cảnh chuyển từ đánh giá kiến thức kỹ năng sang đánh giá theo năng lực của người học, do vậy đánh giá có sự khác biệt so với trước đây.

Thực hiện đánh giá kết quả học tập của HS nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo, khả năng tự học... của HS, góp phần đảm bảo mục tiêu giáo dục, GV cần lưu ý một số vấn đề sau:

a) Đánh giá đảm bảo mục tiêu giáo dục thẩm mỹ

Việc dạy học môn Mỹ thuật ở THCS không chỉ chú trọng củng cố kỹ năng cơ bản cho HS, mà còn có nhiệm vụ GD thẩm mỹ cho HS, giúp các em cảm nhận và vận dụng cái hay cái đẹp của MT vào học tập, sinh hoạt hằng ngày. Vì vậy nếu chỉ dựa vào chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học để nhận xét đánh giá môn học thì chưa đủ, cần phải dựa vào những hành động cụ thể của HS trước cảnh quan môi trường, thái độ tham gia các hoạt động chung để ĐG (những biểu hiện ở phần “chấm” trong nhận thức của HS được bộc lộ trên thực tế), làm căn cứ xây dựng tiêu chí đánh giá. Có nghĩa là cần chú ý đến thái độ (theo mục tiêu GD thẩm mỹ của môn học), những biểu hiện của HS trong quá trình tham gia học tập, vui chơi (hứng thú hay thờ ơ), ý thức vận dụng cái đẹp vào cuộc sống hằng ngày (giữ gìn vệ sinh cá nhân, trang trí trường lớp học, bảo vệ của công...) để làm cơ sở xây dựng nội dung đánh giá.

b) Đánh giá dựa vào chuẩn kiến thức kỹ năng

Chuẩn kiến thức kỹ năng là căn cứ để GV thực hiện giờ dạy nhằm đạt được mục tiêu cơ bản của bài học trong điều kiện cụ thể. Đối với môn Mỹ thuật bậc THCS, chuẩn kiến thức kỹ năng tập trung vào các phân môn: Vẽ theo mẫu, Vẽ trang trí, Vẽ tranh, và Thường thức mỹ thuật. Ở mỗi phân môn có các mức độ cần đạt riêng về kiến thức và kỹ năng. Mỗi yêu cầu về chuẩn kiến thức kỹ năng đã được xác định trong Chương trình GDPT môn Mỹ

thuật – mục VI. *Chuẩn kiến thức kỹ năng* do Bộ Giáo Dục ban hành – theo Quyết định số 16/2006/QĐ – BGDDT, và được xác định cho từng bài, dạng bài, phân môn. GV lấy đó làm cơ sở xác định để đánh giá KQHT của HS.

Những mức độ cần đạt được nêu trong chuẩn kiến thức kỹ năng là điều kiện yêu cầu HS thể hiện trong các bài tập thực hành đồng thời là một trong những căn cứ để nhận xét đánh giá HS.

c) Thực hiện đánh giá như một phương pháp dạy học

Trong mô hình trường học mới, các môn thuộc HĐGD thực hiện đánh giá bằng nhận xét, trên tinh thần động viên khích lệ HS là chính. Kết quả đánh giá được ghi nhận như là những nỗ lực bản thân, không thực hiện cho điểm số. Với cách đánh giá này, kết quả học tập cuối cùng chưa hẳn là mục đích của đánh giá, mà thông qua đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá tại thời điểm, đánh giá từ các tình huống sự phạm phát sinh, đánh giá tinh thần thái độ tham gia học tập của HS...), GV cần khơi dậy tiềm năng của người học ở mọi thời điểm, mọi lúc, mọi nơi nhằm thúc đẩy tính tích cực của người học tham gia vào quá trình học tập một cách sáng tạo. Do vậy có thể hiểu cách đánh giá mới này như là một phương pháp dạy học trong mô hình.

d) Đánh giá hướng tới sự cảm thụ

Tìm hiểu, cảm thụ và gây thiện cảm với đối tượng để thực hiện bài vẽ là đặc trưng của môn Mỹ thuật. Trong quá trình dạy học, GV luôn hướng HS cảm thụ những vẻ đẹp vốn có của đối tượng, để hình thành các giá trị thẩm mỹ thông qua đường nét, màu sắc, hình ảnh, tỉ lệ... Thông qua cái đẹp được thể hiện trong tranh tượng của các họa sĩ, của nghệ thuật truyền thống dân tộc và thế giới, giúp cho bài vẽ có sáng tạo và đẹp. Vì vậy khi đánh giá KQHT cũng cần quan tâm đặc biệt tới mặt cảm thụ của HS... Có nghĩa là nhận xét ĐG cần hướng tới cách thức ĐG mang lại cơ hội cảm thụ cho người được ĐG. Như vậy HS không chỉ là chủ thể sáng tạo mà còn là chủ thể đầu tiên cảm thụ chính những “tác phẩm” do mình tạo ra. Cách đánh giá này sẽ khuyến khích HS yêu thích với bài học, khả năng cảm thụ vì thế được nhân lên.

e) Đánh giá hướng tới sự phát triển cá nhân

Chương trình Mỹ thuật bậc THCS được triển khai đại trà cho mọi đối tượng (cả HS có năng khiếu và HS không có năng khiếu đều tham gia vào quá trình học tập), vì vậy sẽ không tránh khỏi những HS (đa số) do hạn chế về năng khiếu sẽ “ngại” thể hiện bài vẽ vì sợ thầy cô bạn bè chê cười... Đánh giá cần hướng tới sự phát triển cá nhân sẽ khắc phục tình trạng trên: khuyến khích HS mạnh dạn thể hiện ý tưởng bằng nét vẽ. Từ chỗ không còn e dè, HS sẽ mạnh dạn tự tin, biểu đạt ý tưởng thành các bài vẽ rõ nội dung, có nhóm chính nhóm phụ, tỉ lệ phù hợp... theo đúng yêu cầu bài học. Đánh giá trên tinh thần động viên là chính, giúp HS chủ động tham gia học tập tự lựa chọn những nội dung cho là đẹp nhất để thể hiện bài vẽ theo ý riêng. Đây chính là lợi thế của phương pháp đánh giá này nhằm phát triển năng lực cá nhân.

Là môn học phụ thuộc vào năng khiếu, hứng thú và điều kiện học tập, vì vậy đòi hỏi phương pháp đánh giá cần hướng tới từng cá nhân, tại thời điểm và trong điều kiện cụ thể là điều cần thiết, để người học nhận biết và chủ động hơn trong quá trình biểu đạt năng lực bản thân. Đánh giá không áp đặt hay so sánh giữa các cá nhân với nhau, để tránh tình trạng HS ganh đua hay mặc cảm tự ti... làm giảm hứng thú học tập. Đánh giá kết quả trong điều kiện thực có, không thực hiện đánh giá hoặc có những đòi hỏi vượt quá năng lực và điều kiện của HS. Như vậy mới khuyến khích HS chủ động học tập theo năng lực cá nhân và điều kiện thực tế.

Thực hiện đánh giá đến từng đối tượng trên tinh thần động viên khích lệ là chính. Ở mỗi bài vẽ của HS, GV cần tìm những hình ảnh (dù rất nhỏ) để nhận xét động viên khích lệ, duy trì hứng thú học tập. Sau đó chỉ ra mặt được mặt chưa được của bài vẽ, như vậy sẽ hạn chế được đánh giá “cào bằng”, đánh giá chung chung hoặc chưa thỏa mãn tâm lý HS.

h) Đánh giá có sự phối hợp, tạo điều kiện cho HS phát triển năng lực

Năng lực thẩm mỹ của HS được vận dụng vào học tập sinh hoạt hàng ngày, tại cộng đồng, trong gia đình và ngoài XH. Vì vậy thông qua những hoạt động này để đánh giá HS là điều cần thiết. Khả năng quan sát để thu thập chứng cứ về HS sẽ được mở hơn, ở mọi nơi, trên diện rộng (chứ không chỉ thông qua bài học trên lớp). Điều đó cũng có nghĩa thông tin phục vụ đánh giá sẽ nhiều hơn, có nhiều đối tượng cùng phối hợp tham gia đánh giá: giữa GV chủ nhiệm, GV bộ môn với cha mẹ HS; HS với HS; HS với cộng đồng... Theo dõi, nhận biết chính xác những chuyển biến trong hành động và nhận thức của HS, để từ đó GV có hướng điều chỉnh uốn nắn kịp thời còn là nhiệm vụ chính của mỗi GV. Sự tham gia của nhiều lực lượng vào quá trình ĐG buộc HS phải luôn tự giác, điều chỉnh hành vi, thái độ trong học tập và sinh hoạt hằng ngày tại gia đình, cộng đồng.

Mỹ thuật chủ yếu là hoạt động thực hành, những Kiến thức– Kỹ năng – Thái độ chỉ tạo thành năng lực khi HS vận dụng linh hoạt vào thực tế, thông qua các hoạt động trang trí trường lớp, tạo cảnh dựng môi trường thẩm mỹ, giữ gìn vệ sinh cá nhân, tham gia vui chơi, lao động... GV cần kết hợp với cộng đồng, quan tâm theo dõi kết quả hoạt động mỹ thuật ứng dụng của HS để đánh giá. Đánh giá cần thực hiện cả quá trình, vì nếu chỉ căn cứ vào bài học trên lớp thì chưa đảm bảo tính chính xác cho của năng lực. Đánh giá năng lực HS bằng nhiều kênh thông tin, sẽ giúp GV hiểu rõ và nhớ được đặc điểm riêng của từng HS để có những uốn nắn hoặc khích lệ kịp thời, đây chính là thuận lợi khi thực hiện đánh giá có sự phối hợp của nhiều lực lượng để tăng cường mức độ quan tâm tới HS.

** Đánh giá năng lực HS cần đặc biệt lưu ý:*

– Đánh giá quá trình

Do việc phát triển năng lực là một quá trình liên tục, luôn luôn được hoàn thiện, vì vậy trong đánh giá cần hết sức chú ý đến đánh giá quá trình. Thông thường các nhiệm vụ, bài tập được xây dựng trong đánh giá thường mang tính tích hợp cao, cần tới kiến thức,

kỹ năng ở các môn học, lĩnh vực khác nhau và gắn với các tình huống có thật trong cuộc sống.

– Đánh giá năng lực mang tính tích hợp

Việc đánh giá không chỉ đánh giá kiến thức kỹ năng như hiện nay, mà cần đánh giá các năng lực mang tính tích hợp, tức là khả năng vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết tình huống thực tiễn, liên quan đến mỹ thuật

– Đánh giá trong bối cảnh

Đánh giá năng lực cần có bối cảnh. GV cần tổ chức cho HS hành động trong một bối cảnh cụ thể nào đó. Khi hành động trong bối cảnh, HS sẽ bộc lộ những năng lực cần đo và mức độ thể hiện những năng lực này. Đánh giá các năng lực chủ chốt cần phải dựa trên sự suy luận từ quan sát thực hiện trong các bối cảnh có nghĩa – hơn là – đo các đầu ra năng lực chủ chốt riêng biệt và tỉ mỉ.

Hoạt động giáo dục Mỹ thuật (lớp 6) trong Mô hình trường học mới Việt Nam được thiết kế bằng tiến trình các hoạt động (Hoạt động khởi động; Hoạt động hình thành kiến thức; Hoạt động luyện tập; Hoạt động vận dụng; Hoạt động tìm tòi, mở rộng). Tại mỗi hoạt động, các đơn vị kiến thức kỹ năng được hình thành, trải nghiệm. Thực hiện đánh giá ở các hoạt động này đồng nghĩa với việc GV đánh giá năng lực HS.

Ví dụ:

– *Hoạt động khởi động* GV có thể đánh giá các năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực quan sát khám phá, năng lực giao tiếp...

– *Hoạt động hình thành kiến thức* GV có thể đánh giá các năng lực khám phá, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo...

– *Hoạt động luyện tập* GV có thể đánh giá năng lực tư duy, năng lực quan sát khám phá, năng lực biểu đạt, năng lực thực hành sáng tạo, năng lực cảm thụ thẩm mỹ...

– *Hoạt động vận dụng* GV có thể đánh giá các năng lực thực hành sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực quan sát khám phá...

– *Hoạt động tìm tòi mở rộng* GV đánh giá năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực quan sát khám phá...

Lưu ý:

+ Một năng lực chung/chuyên biệt có thể được đánh giá nhiều lần trong quá trình học tập, như vậy mới có thể đảm bảo độ tin cậy của năng lực.

+ Những vấn đề liên quan đến sở thích, tính cách, tâm lý riêng không nên khiên cưỡng đánh giá. Ví dụ: những thiên hướng của HS về gam màu nóng hay màu lạnh; cách biểu đạt mạnh mẽ, dứt khoát hay nhẹ nhàng... GV cần cân nhắc trước khi đề cập trong đánh giá.

+ Đánh giá yêu cầu cần đạt của chủ đề tức là đánh giá những đơn vị kiến thức có trong chủ đề. Những khía cạnh này cần được đánh giá cho phù hợp với từng thời điểm, đặc biệt cần có cách nhìn, đánh giá tổng thể để chú ý tới khía cạnh này hay nhấn mạnh khía cạnh khác... trên sản phẩm tạo hình.

2. Chương trình chi tiết

Do cách thiết kế nội dung các bài học có thay đổi nên khung phân phối chương trình của Hoạt động giáo dục cũng có thay đổi.

Khung phân phối chương trình Hoạt động giáo dục Mỹ thuật lớp 6

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

Hoạt động Giáo dục Mỹ thuật lớp 6

(Theo công văn số 4749/BGDĐT–GDTrH ngày 03/9/2014 của Bộ GDĐT)

I. Khung phân phối chương trình

Khung Phân phối chương trình (PPCT) này áp dụng cho lớp 6 theo mô hình trường học mới Việt Nam, từ năm học 2014 –2015.

Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình.

Thời lượng quy định tại Khung PPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường thí điểm mô hình trường học mới trong cả nước.

Căn cứ Khung PPCT, các trường thí điểm mô hình trường học mới cụ thể hoá thành PPCT chi tiết sao cho phù hợp với nhà trường.

Các trường thí điểm mô hình trường học mới có điều kiện bố trí dạy học 2 buổi/ngày, có thể điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*hiệu trưởng phê duyệt, kí tên, đóng dấu và báo cáo phòng GDĐT*).

Theo Kế hoạch giáo dục ở cấp Trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thời gian học ở trung học cơ sở là 37 tuần/năm.

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền cho các trường phổ thông chủ động và xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung 37 tuần (Học kì I: 19 tuần. Học kì II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học chung cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kì.

Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính là 35 tuần). 2 tuần còn lại dự trữ do các giáo viên, nhà trường bố trí các: Ôn tập, tổ chức biểu diễn

văn nghệ, trưng bày tranh vẽ và các hoạt động khác... cho phù hợp với từng trường, từng địa phương.

Cả năm: 35 tiết/35 tuần

Học kì I: 18 tuần (18 tiết)

– Thực hiện học 4 chủ đề: từ Chủ đề 1 (*Tìm hiểu kiến thức cơ bản*) đến hết Chủ đề 4 (*Tinh hoa mỹ thuật truyền thống người Việt*). Mỗi chủ đề gồm 4 tiết học.

– Cuối Học kì I dành 2 tiết ôn tập và kiểm tra cuối học kì (2 tiết).

– Tổng cộng số tiết lên lớp trong Học kì I là 18 tiết.

Học kì II: 17 tuần (17 tiết)

– Thực hiện học 4 chủ đề từ Chủ đề 5 (*Đồ dùng trong gia đình*) đến hết Chủ đề 8 (*Mùa xuân và quê hương*). Mỗi chủ đề gồm 4 tiết học.

– Cuối Học kì II dành 1 tiết để ôn tập và kiểm tra học kì (1 tiết).

– Tổng cộng số tiết lên lớp trong Học kì II là 17 tiết.

Khung phân phối chương trình chi tiết

TT	Tên chủ đề, bài	Nội dung	Thời lượng
1	Tìm hiểu kiến thức cơ bản	– Sơ lược về phối cảnh – Cách vẽ theo mẫu (vận dụng vào bài vẽ theo mẫu: hình hộp và hình cầu) – Cách vẽ tranh	4 tiết
2	Tinh hoa mỹ thuật cổ đại	– Sơ lược về Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ cổ đại. – Sơ lược về Mỹ thuật thế giới thời kỳ Cổ đại. – Một số công trình tiêu biểu của Mỹ thuật Ai Cập, Huy Lạp, La Mã thời kỳ Cổ đại.	4 tiết
3	Trang trí với đời sống	– Cách sắp xếp trong trang trí (vận dụng trong trang trí hình vuông) – Màu sắc – Trang trí đường diềm	4 tiết
4	Tinh hoa mỹ thuật truyền thống người Việt	– Sơ lược mỹ thuật thời Lý – Một số công trình tiêu biểu của mỹ thuật thời Lý – Chép họa tiết trang trí dân tộc	4 tiết

TT	Tên chủ đề, bài	Nội dung	Thời lượng
	Ôn tập, kiểm tra	Ôn tập và kiểm tra cuối Học kì I	2 tiết
5	Đồ dùng trong gia đình	– Mẫu có dạng hình trụ và hình cầu (vẽ hình và đậm nhạt) – Mẫu có hai đồ vật (vẽ hình và đậm nhạt)	4 tiết
6	Tinh hoa mỹ thuật truyền thống người Việt	– Tranh dân gian Việt Nam – Giới thiệu một số tranh dân gian Việt Nam – Vẽ tranh đề tài tự do	4 tiết
7	Chữ trong đời sống	– Kẻ chữ (kiểu chữ nét đều và nét thanh nét đậm) – Vẽ tranh đề tài <i>Học tập</i> – Vẽ tranh đề tài <i>Mẹ của em</i>	4 tiết
8	Mùa xuân và quê hương	– Vẽ tranh “ <i>Ngày Tết và Mùa xuân</i> ” – Vẽ tranh “ <i>Quê hương em</i> ”	4 tiết
	Ôn tập, kiểm tra	Ôn tập và kiểm tra cuối Học kì II	1 tiết

***Một số vấn đề cần lưu ý**

– Số tiết trong mỗi bài chỉ có tính chất gợi ý, tùy thuộc vào nhận thức của HS, GV có thể điều chỉnh thời lượng sao cho phù hợp với mỗi nội dung trong chủ đề.

– Thực hiện dạy học theo chủ đề cần có thời gian nhiều hơn một tiết học thông thường, các tổ (nhóm) chuyên môn căn cứ vào gợi ý thời lượng của từng nội dung và logic của mạch kiến thức có thể điều chỉnh sao cho phù hợp và trình hiệu trưởng phê duyệt để quyết định xếp thời khóa biểu sao cho hợp lý.

– Ở Học kì II, theo phân phối chương trình là 17 tiết/17 tuần nhưng vì theo kế hoạch giáo dục cả năm học là 37 tuần nên các giáo viên và nhà trường có thể bố trí 2 tuần còn lại để tổ chức ôn tập các nội dung của chương trình môn học (nếu thấy cần thiết) và tổ chức cho học sinh các hoạt động cuối năm học sao cho hiệu quả, hợp lý.

– Hướng dẫn đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh

Hướng dẫn này đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh. Sau đây là bảng mô tả yêu cầu về kiến thức, kỹ năng

MA TRẬN CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THEO CHỦ ĐỀ

MÔN HỌC:.....

CHỦ ĐỀ:

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng thấp (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)
1) Chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ	Câu hỏi/bài tập định tính (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh xác định được một đơn vị kiến thức và tái hiện được chính xác nội dung của đơn vị kiến thức đó	Học sinh sử dụng một đơn vị kiến thức để giải thích về một khái niệm, quan điểm, nhận định... liên quan trực tiếp đến kiến thức đó	Học sinh xác định và vận dụng được kiến thức tổng hợp để giải quyết vấn đề trong tình huống quen thuộc.	Học sinh xác định và vận dụng được kiến thức tổng hợp để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
2) Năng lực có thể hình thành thông qua chủ đề: <i>(Thu nhận và sử dụng thông tin/Sử dụng ngôn ngữ sử dụng môn học /Phát hiện và giải quyết vấn đề...)</i>	Bài tập định lượng (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh xác định được các mối liên hệ trực tiếp giữa các đại lượng và tính được các đại lượng cần tìm (không cần suy luận trung gian)	Học sinh xác định được các mối liên hệ liên quan đến các đại lượng cần tìm và tính được các đại lượng cần tìm thông qua một số bước suy luận trung gian	Học sinh xác định và vận dụng được các mối liên hệ giữa các đại lượng liên quan để giải quyết một bài toán/vấn đề trong tình huống quen thuộc.	Học sinh xác định và vận dụng được các mối liên hệ giữa các đại lượng liên quan để giải quyết một bài toán/vấn đề trong tình huống mới.
	Bài tập thực hành/thí nghiệm	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích của thí nghiệm	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích và nêu được kết luận rút ra từ thí nghiệm	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích và phân tích được kết quả thí nghiệm để rút ra kết luận	Căn cứ vào mô tả kết quả thí nghiệm, học sinh trình bày được mục đích, nêu được phương án thí nghiệm và phân tích được kết quả thí nghiệm để rút ra kết luận

MA TRẬN CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THEO CHỦ ĐỀ

Chủ đề 5: VẼ ĐỒ VẬT TRONG GIA ĐÌNH

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng thấp (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Năng lực có thể hình thành
I) Chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ:						
1. Khối cơ bản (hình dáng, cấu tạo, đặc điểm, tỉ lệ bộ phận, đậm nhạt ... của mẫu)	Bài tập định tính (Trắc nghiệm/ Tự luận, thực hành)	HS nêu được hình dáng, cấu tạo, đặc điểm, tỉ lệ của mẫu	HS so sánh được tỉ lệ các bộ phận, đặc điểm của các mẫu với nhau; tìm được cấu tạo khối cơ bản từng của mẫu	HS xác định được vị trí các bộ phận chính của mẫu (trên khung hình)	Tìm được vị trí các bộ phận của mẫu trên khung hình, Định được các mảng đậm nhạt trên hình vẽ (theo cấu tạo khối).	Khả năng quan sát, so sánh đối chiếu.
2. Bố cục, hình vẽ	Bài tập thực hành	HS vẽ được hình trên trang giấy	Hình vẽ có bố cục phù hợp với trang giấy	Hình vẽ rõ đặc điểm của mẫu, có tỉ lệ tương ứng với mẫu. Bố cục bài vẽ thuận mắt	Bố cục bài vẽ đẹp; Hình vẽ thể hiện được đặc điểm riêng của mẫu. Nét vẽ sinh động, tình cảm...	Khả năng sắp xếp hình ảnh trên trang giấy; Khả năng diễn tả hình vẽ
3. Năng lực quan sát	Bài tập thực hành (bày mẫu)	HS chọn mẫu đã bày sẵn để vẽ	HS tự bày mẫu (theo ý thích) để vẽ	HS luôn cân nhắc, so sánh về hình dáng, đậm nhạt, mức độ cao – thấp, to – nhỏ... của mẫu trong quá trình bày mẫu. Bày được nhóm mẫu.	HS bày được mẫu có bố cục đẹp, đúng yêu cầu bài học. Mẫu có đậm nhạt phong phú; đẹp về hình dáng, khối và màu sắc.	Năng lực quan sát, năng lực chọn lọc và xử lí thông tin

4. Năng lực nhận xét đánh giá	Bài tập tự luận	Nêu được sự khác biệt về cấu tạo, hình dáng của đồ vật	Nêu được nguyên nhân tạo nên sự khác biệt của đồ vật là do các hình khối cơ bản	Phân tích được tầm quan trọng của khối cơ bản trong thiết kế đồ vật gia đình và ứng dụng của khối trong cuộc sống.	Phân tích và chứng minh được đặc điểm của từng loại khối cơ bản, phù hợp với tính năng, tác dụng của từng đồ vật. Rút được kinh nghiệm bài học trong quá trình tìm tòi, sáng tạo đồ vật từ khối cơ bản.	Năng lực phân tích, đánh giá, nhận xét về khối cơ bản; đồ vật
5. Năng lực thực hành sáng tạo	Thực hành tìm tòi, mở rộng	Tạo được một vài mẫu đồ vật đơn giản từ khối cơ bản	Tạo được đồ vật có chi tiết đẹp, hấp dẫn	Tạo được đồ vật có hình dáng phong phú, được kết hợp từ hai khối cơ bản trở lên.	Đồ vật được tạo từ nhiều khối cơ bản, có hình dáng và chi tiết đẹp, sáng tạo. Mang lại cảm xúc cho người xem.	Năng lực thực hành, thiết kế và sáng tạo đồ vật

Viết đề kiểm tra từ ma trận Mĩ thuật 6

Một số lưu ý khi xây dựng đề kiểm tra đánh giá môn Mĩ thuật:

- Mỗi nội dung đánh giá có thể biên soạn một hoặc nhiều đề kiểm tra
- Những câu hỏi tự luận thường tập trung ở các chủ đề thường thức mĩ thuật, hoặc các bài kiến thức cơ bản.
- Do đặc thù bộ môn (cùng chung nội dung học tập, nhưng kết quả học tập rất khác nhau, mang tính cá nhân riêng biệt), nên nhiều trường hợp – đặc biệt trong các bài thực hành, có thể chỉ biên soạn một đề kiểm tra, nhưng kết quả học tập sẽ thể hiện chính xác các mức độ cần đánh giá ở HS.

I– Khối cơ bản

(hình dáng, cấu tạo, đặc điểm, tỉ lệ, đậm nhạt ... của mẫu)

Nhận biết

Câu 1. (Thực hành). Quan sát nhóm mẫu và nêu nhận xét riêng

Thông hiểu

Câu 2. (Thực hành). Thực hiện so sánh các mẫu (tỉ lệ, đặc điểm, hình dáng...); tìm cấu tạo khối cơ bản của từng mẫu

Vận dụng cấp độ thấp

Câu 3. (Thực hành). Tìm khung hình chung và khung hình riêng vật mẫu. Xác định vị trí các tỉ lệ lớn của mẫu (trên khung hình riêng)

Vận dụng cấp độ cao

Câu 4. (Thực hành). Hãy xác định vị trí các bộ phận của mẫu trên khung hình. Tìm các mảng đậm nhạt của mẫu trên hình vẽ

II– Bố cục, hình vẽ

Nhận biết

Câu 1. (Thực hành). Hãy thể hiện hình vẽ trên trang giấy

Thông hiểu

Câu 2. (Thực hành). Tìm bố cục bài vẽ sao cho phù hợp với trang giấy

Vận dụng cấp độ thấp

Câu 3. (Thực hành). Sắp xếp hình vẽ sao cho có bố cục đẹp trên trang giấy. Bài vẽ thể hiện được đặc điểm của mẫu.

Vận dụng cấp độ cao

Câu 4. (Thực hành). Hãy thể hiện nhóm mẫu, diễn tả đặc điểm riêng của từng mẫu. Bài vẽ cần có bố cục đẹp, nét vẽ sinh động, tình cảm.

III– Năng lực quan sát

Cách 1.

Thực hành bày mẫu: Hãy chọn mẫu (đã bày sẵn) hoặc tự bày mẫu để có nhóm mẫu đẹp; thực hiện bài vẽ.

(Đây là yêu cầu chung giành cho bốn mức độ cần đánh giá, phù hợp với các đối tượng HS)

Cách 2.

Nhận biết

Câu 1. (Thực hành). Sử dụng nhóm mẫu đã bày sẵn để thực hành

Thông hiểu/ Vận dụng cấp độ thấp

Câu 2. (Thực hành). Hãy tự bày mẫu theo ý thích, thực hiện bài vẽ

Vận dụng cấp độ cao

Câu 3. (Thực hành). Hãy bày mẫu sao cho có bố cục đẹp. Nhóm mẫu cần đảm bảo có hình dáng, màu sắc đẹp; phong phú về độ đậm nhạt...

IV– Năng lực nhận xét, đánh giá

Nhận biết

Câu 1. (Tự luận). Nêu sự khác biệt về cấu tạo, hình dáng của một số đồ vật

Thông hiểu

Câu 2. (Tự luận). Hãy tìm nguyên nhân tạo nên sự khác biệt của các đồ vật

Vận dụng cấp độ thấp

Câu 3. (Tự luận). Khối cơ bản có tầm quan trọng như thế nào trong thiết kế đồ vật?

Vận dụng cấp độ cao

Câu 4. (Tự luận). Thực hiện phân tích và chứng minh đặc điểm của khối cơ bản cần phù hợp với hình dáng và tính năng của đồ vật trong thiết kế

V– Năng lực thực hành sáng tạo

Nhận biết

Câu 1. (Thực hành). Hãy tạo một vài mẫu đồ vật đơn giản từ khối cơ bản

Thông hiểu

Câu 2. (Thực hành). Tạo đồ vật từ khối cơ bản. Hãy thêm các chi tiết để sao cho đồ vật đẹp, hấp dẫn

Vận dụng cấp độ thấp

Câu 3. (Thực hành). Hãy tạo đồ vật từ hai khối cơ bản

Vận dụng cấp độ cao

Câu 4. (Thực hành). Sử dụng nhiều khối cơ bản, hãy thiết kế các đồ vật sao cho có hình dáng, chi tiết đẹp; sáng tạo

III– HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC THEO CHỦ ĐỀ

Chủ đề 1

VỀ ĐỒ VẬT TRONG GIA ĐÌNH

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

- Hiểu được đặc điểm, hình dáng, cấu trúc, đậm nhạt của đồ vật
- Phân biệt được độ đậm nhạt của đồ vật theo vị trí, cấu trúc hình khối và nguồn sáng
- Vẽ được bài có hai vật mẫu có: bố cục hợp lí; thể hiện được hình dáng, đặc điểm, tỉ lệ, đậm nhạt của mẫu theo tương quan chung
- Nhận thức hơn vẻ đẹp tạo hình trong đồ dùng gia đình.

2. Các năng lực có thể được hình thành và phát triển cho HS:

- Năng lực quan sát
- Năng lực nhận xét, đánh giá
- Năng lực thực hành sáng tạo
- Năng lực biểu đạt

II. NỘI DUNG

Chủ đề gồm các nội dung:

- *Mẫu có dạng hình trụ và hình cầu* (Bài 15 – SGK)
- *Mẫu có dạng hình trụ và hình cầu* (Bài 16 – SGK)
- *Mẫu có hai đồ vật* (Bài 20, 21 – SGK)
- *Mẫu có hai đồ vật* (Bài 27, 28 – SGK)

Kiến thức HS đã biết liên quan đến chủ đề

Nội dung liên quan đến chủ đề đã được HS làm quen từ cấp tiểu học, trong các bài *Vẽ theo mẫu khối cơ bản*, *Mẫu có hai đồ vật*, *Vẽ đồ vật* (lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5) và bài 2 – chủ đề 1 (Mĩ thuật lớp 6)

III. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của GV:

- SGK, SGV, tài liệu hướng dẫn GV (môn Mỹ thuật)
- Mẫu vật có sẵn ở địa phương, phù hợp với yêu cầu: dạng khối hình trụ (hộp sữa, một số loại hộp hình ống, đồ vật hình trụ); dạng khối hình cầu (quả bóng, quả dạng tròn...)
- Hình minh họa các bước tiến hành bài vẽ
- Một số bài mẫu đẹp, bài chưa đẹp theo các dạng khác nhau
- Tranh tĩnh vật của họa sĩ, thiếu nhi
- Giấy màu, màu vẽ...
- Giấy, bút chì, tẩy...

Phương tiện:

- Máy chiếu, băng hình video... phục vụ minh họa chủ đề (nếu có điều kiện)

2. Chuẩn bị của HS:

- Mẫu vật, đồ vật gia dụng phù hợp yêu cầu bài (được nhắc nhở từ trước)
- Giấy màu, màu vẽ...
- Giấy, bút chì, tẩy...

IV. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Bài 1

VẼ MẪU DẠNG HÌNH TRỤ VÀ HÌNH CẦU (2 tiết)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Tìm hiểu về vẽ theo mẫu



- GV có thể bày mẫu, treo ĐDDH hoặc chiếu hình minh họa và gợi ý HS nhớ lại cách vẽ:
- Em hiểu thế nào về vẽ theo mẫu?
- Nêu các bước tiến hành bài vẽ theo mẫu?
- Vẽ theo mẫu khác với vẽ tranh, vẽ trang trí ở điểm nào? Em có gặp khó khăn hay thuận lợi trong quá trình thực hiện bài vẽ theo mẫu?

2. Tìm hiểu về đậm nhạt



GV cho HS xem một số bài mẫu hoàn chỉnh về đậm nhạt và gợi ý HS:

– Vì sao các hình này tạo cho ta cảm giác hình khối *nổi*, mặc dù được diễn tả trên cùng một phẳng giấy... (GV có thể sử dụng đèn chiếu sáng vật mẫu ở những góc độ khác nhau để giúp HS rõ hơn về: sự thay đổi của ánh sáng tới vật mẫu, đậm nhạt của mẫu và phân tích theo thực tế...).

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu mẫu



– GV yêu cầu mỗi nhóm HS bày mẫu có dạng hình trụ và hình cầu; đọc phần I "*Quan sát, nhận xét*" (trang 118 – SGK); nhớ lại kiến thức phối cảnh (chủ đề 1 *Tìm hiểu kiến thức cơ bản*) và thảo luận:

- + Mẫu thuộc khối cơ bản nào, cấu trúc riêng của từng khối?
- + Mẫu được đặt ở trên, dưới hay ở ngang đường tầm mắt? Các bề mặt của mẫu có thay đổi theo cách nhìn của luật xa gần không?
- + Bố cục nhóm mẫu được sắp xếp gần nhau hay cách xa nhau? Vật nào đứng trước, vật nào đứng sau? Nên nhận xét về cách bày mẫu của các nhóm
- + Trên cơ sở ý kiến đóng góp, hãy sắp đặt bố cục để có nhóm mẫu đẹp hơn.
- Các nhóm trình bày ý kiến; GV củng cố bổ sung:

- + Mẫu bày cần có vật ở trước, vật ở sau; không đặt mẫu sát nhau hoặc cách xa nhau; không bày mẫu trên cùng đường thẳng.
- + Mẫu nhỏ bày ở phía trước, mẫu to hơn nên đặt ở phía sau. Mẫu ở vị trí trước có thể che khuất một phần mẫu ở vị trí sau.
- + Khi bày mẫu lưu ý đến hướng ánh sáng chiếu tới.

2. Tìm hiểu cách vẽ



Yêu cầu HS tham khảo SGK trang 119 – hình a,b,c,d so sánh và trả lời theo các gợi ý sau:

2.1 Cách vẽ hình

– Tại sao trong bài vẽ theo mẫu lại cần thực hiện các bước tiến hành như ở hình 2, trang 119 (SGK Mĩ thuật lớp 6)?

– Hãy nêu các bước tiến hành cụ thể bài vẽ trên cơ sở mẫu bày của nhóm

Sau khi các nhóm trả lời, GV tóm tắt củng cố (chỉ dẫn cụ thể trên ĐDDH):

+ Xác định tỉ lệ khung hình chung

+ Xác định vị trí, khung hình riêng của từng vật mẫu

+ Vẽ phác hình chung

+ Vẽ hình chi tiết

2.2 Vẽ đậm nhạt



– GV yêu cầu HS xem hình 1, trang 118 SGK Mĩ thuật lớp 6; hướng dẫn các nhóm tìm hiểu ánh sáng và đậm nhạt của mẫu.

Hình 1: Gợi ý cách bày mẫu
(trang 118 – SGK)

+ Ánh sáng chiếu vào nhóm mẫu từ hướng nào? Đồ vật nào được chiếu sáng nhiều nhất? Phần nào của nhóm mẫu có ánh sáng ít nhất?

+ Đậm, nhạt chính của nhóm mẫu nằm ở vị trí nào?

+ Tìm tương quan đậm nhạt nhóm mẫu: không gian, nền phía sau của nhóm mẫu sáng hơn hay đậm hơn so với toàn bộ nhóm mẫu?

+ Mức độ chuyển tiếp đậm nhạt trên khối cơ bản và đồ vật: mạnh, rõ ràng hay chuyển tiếp nhẹ nhàng?

– GV có thể cho HS xem một số bài mẫu có hướng ánh sáng chiếu vào khác nhau, để hiểu thêm về nguồn sáng và đậm nhạt trên mẫu.

– Các nhóm trình bày kết quả. Nhóm khác góp ý kiến. GV bổ sung thêm:

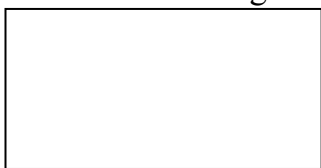
Tùy vào hình khối của từng vật, mà đậm nhạt của mẫu sẽ thay đổi, ví dụ:

- + Đậm và nhạt khối trụ theo chiều dọc của khối
- + Đậm nhạt của quả theo chiều cong khối cầu
- + Ở mỗi vị trí khác nhau, các mảng đậm nhạt cũng khác nhau
- + Đậm nhạt của mẫu phụ thuộc vào nguồn ánh sáng chiếu vào mẫu. Bề mặt của những vật mẫu đứng trước hoặc các chất liệu nhẵn, bóng sẽ tiếp nhận ánh sáng mạnh hơn, so với các đồ vật đứng sau và các chất thô ráp.

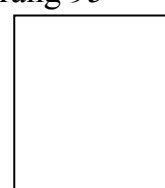


Trên cơ sở những kiến thức ở trên, GV gợi ý HS quan sát hình minh họa (hình 1 trang 128 và hình 2, 3 trang 95 SGK Mĩ thuật lớp 6) và nhận xét về đậm nhạt trên bài mẫu, hiểu hơn về vai trò của đậm nhạt trong vẽ theo mẫu.

Hình 1 – trang 128



Hình 2,3 – trang 95



GV yêu cầu HS thực hiện:

- Vẽ mẫu có dạng hình trụ và hình cầu
- Khổ giấy: A4 hoặc GV quy định
- Chất liệu: chì đen

(yêu cầu vẽ hình và đậm nhạt)

– Giáo viên có thể gợi ý cho HS:

- + Vẽ khung hình chung nhóm mẫu theo tỉ lệ (bố cục phù hợp với trang giấy)
- + Vẽ khung hình riêng của từng vật mẫu
- + Ước lượng vị trí các bộ phận của mẫu
- + Vẽ phác hình
- + Vẽ chi tiết... (tham khảo Hình 2 a,b,c,d trang 119 SGK)
- + Luôn quan sát, so sánh, hình, đậm nhạt của bài vẽ với mẫu

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Tự bày một số đồ vật trong gia đình sao cho ngăn nắp, thuận mắt, rèn kĩ năng sắp xếp bố cục.
- Quan sát các đồ vật có hình dáng, đậm nhạt khác nhau, đối chiếu với thông tin bài học tìm sự tương đồng và khác biệt. Có thể giải thích lí do.
- Tập phác một số hình ảnh (bản đồ, hình ảnh phong cảnh, người, vật...) theo cách tiến hành bài vẽ theo mẫu (vẽ tổng thể, bao quát trước; chi tiết, bộ phận vẽ sau)
- Quan sát một vài đồ vật quen thuộc, tìm mảng đậm – nhạt chính
- Tìm hiểu thêm về cách vẽ hình và đậm nhạt ở một số bức tranh treo trong gia đình (nếu có điều kiện), ghi ý kiến nhận xét.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Quan sát ngôi nhà em đang ở và cho biết ngôi nhà được tạo từ hình khối gì? Nêu tên của hình khối đó.
- Hãy thử làm nhà thiết kế: tưởng tượng một ngôi nhà được tạo từ một hoặc nhiều khối cơ bản (khối trụ, khối cầu, khối hộp vuông, khối hộp chữ nhật...), em vẽ lại ngôi nhà tưởng tượng này và thêm chi tiết, hoàn thành *tác phẩm*.
- Tìm một số đồ vật được tạo từ các khối trụ, khối cầu và khối hộp. Quan sát nhận xét các đồ vật đó.
- Quan sát đậm nhạt của các khối đa giác để nhận biết rõ sự khác biệt về mức độ chuyển tiếp đậm nhạt của khối trụ và khối cầu
- Diễn tả các sắc độ chuyển tiếp đậm nhạt theo gợi ý dưới đây:

--	--	--	--	--	--	--

Đậm

Đậm vừa

Sáng nhất

(có thể diễn tả bằng bút chì đen hoặc bằng màu, tùy chọn)

Bài 3

MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT (2 tiết)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Bày mẫu theo nhóm

- GV có thể tổ chức các hoạt động:
- + Liệt kê, mô tả những đồ vật được tạo từ các hình khối cơ bản
- + Chọn nhanh các mẫu phù hợp với yêu cầu bài học
- + Thi bày mẫu theo nhóm
- + Trả lời các câu hỏi vui liên quan đến vẽ theo mẫu

GV lưu ý HS:

- Lựa chọn đồ vật khác nhau về: khối cơ bản, độ cao thấp, đậm nhạt, màu sắc...
- Số lượng mẫu tùy thuộc số lượng nhóm HS trong lớp

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(Phần kiến thức chính đã được hình thành từ bài học 1 của chủ đề)



1. Quan sát nhận xét

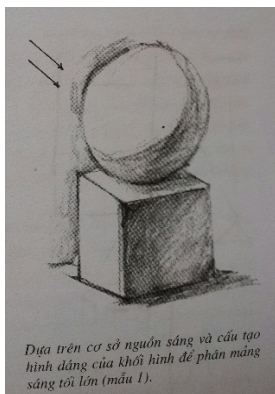
Trên cơ sở mẫu bày của từng nhóm, GV yêu cầu HS quan sát nhận xét, thảo luận về nội dung sau:

- Tên đồ vật
- Hình dáng đồ vật thuộc dạng khối cơ bản nào
- Tỷ lệ lớn của nhóm mẫu
- Đặc điểm riêng của từng đồ vật (chất liệu, màu sắc, tạo dáng, các chi tiết...)
- Xác định nguồn sáng và đậm nhạt của mẫu

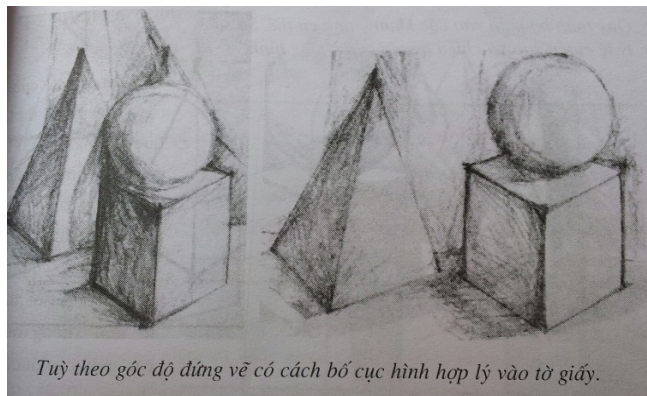
2. Cách vẽ đậm nhạt

- GV lưu ý HS về cách diễn tả đậm nhạt đã học, nhấn mạnh thêm:
- + Vẽ đậm nhạt của nền để bài vẽ gọi không gian
- + Tham khảo *Hình 3, Hình 4* trang 130 SGK
- Sau khi các nhóm phát biểu, GV kết luận:

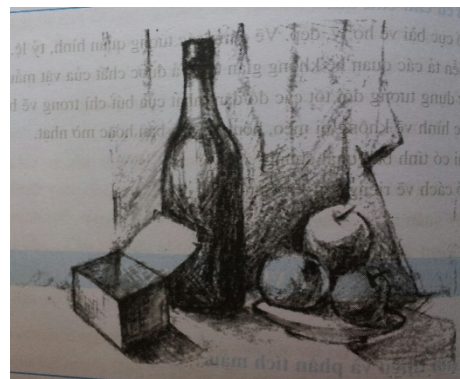
- Dưới tác dụng của ánh sáng, mọi vật có hình khối rõ ràng vì có các độ đậm, độ nhạt khác nhau
- Khối cơ bản, đồ vật: có các mặt phẳng, mặt cong, mặt nghiêng, chỗ lồi, lõm... khác nhau, do vậy mức độ tiếp nhận ánh sáng cũng khác nhau. Ánh sáng chiếu thẳng, trực diện thì mạnh; ánh sáng chiếu xiên chéo, ở xa thì yếu. Vì vậy đậm nhạt ở mọi đồ vật không giống nhau.



Dựa trên cơ sở nguồn sáng và cấu tạo hình dáng của khối hình để phân mảng sáng tối lớn (mẫu 1).



Tuỳ theo góc độ đứng vẽ có cách bố cục hình hợp lý vào tờ giấy.





Một số bài tham khảo

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Vẽ mẫu có hai đồ vật

– Yêu cầu: Vẽ hình và diễn tả đậm nhạt của hai đồ vật (ví dụ: bình đựng nước và khối hộp; cái ấm tích và khối hộp...)

+ Khổ giấy: A4

+ Chất liệu: Chì đen

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

– Vẽ tiếp các bài có 2 hoặc 3 vật mẫu (mẫu vẽ có thể là đồ vật, hoa, quả...)

– Tập vẽ đậm nhạt bằng màu

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

– Thực hiện vẽ tranh, nặn, xé dán tĩnh vật (đồ vật, hoa quả...), chất liệu tự chọn.

– Suy tầm tranh tĩnh vật vẽ đồ vật gia dụng

- Vẽ khối cơ bản, sau đó vẽ ghép các khối và thêm chi tiết tạo đồ vật theo ý thích
- Nêu nhận xét về ứng dụng của khối cơ bản trong đời sống

V. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

A. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Hãy cho biết cách sắp xếp để có bố cục đẹp cho nhóm mẫu

Câu 2: Nêu cách xác định khung hình chung nhóm mẫu và khung hình riêng của từng vật mẫu. Hãy thực hiện cách xác định khung hình mẫu vật mà em cho là dễ nhất.

Câu 3: Liệt kê các đồ vật được tạo bởi khối trụ, khối cầu và khối hộp. Cho biết cấu tạo khối, kiểu dáng, chi tiết, đặc điểm riêng... của từng đồ vật (tham khảo PHIẾU HỌC TẬP)

Họ tên HS/ Nhóm: Lớp: Nhiệm vụ: tìm hiểu đồ vật có hình khối trụ, khối cầu và khối hộp				
PHIẾU HỌC TẬP				
KHỐI CƠ BẢN	TÊN ĐỒ VẬT	ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO RIÊNG	NHẬN XÉT	GHI CHÚ
1. Khối trụ	VD: Cái Phích			
2. Khối cầu				
3. Khối hộp				
...				

B. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức và nội dung tự đánh giá của học sinh (Tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau)

- GV có thể tổ chức cho HS chọn câu hỏi và trả lời theo nhóm. Các nhóm tự nhận xét và đánh giá nhóm bạn
- HS có thể bốc thăm câu hỏi dưới hình thức trò chơi, đồ vui
- HS có thể tự xây dựng tiêu chí đánh giá làm căn cứ đánh giá nội dung kiến thức đã học
- GV hướng dẫn HS đánh giá lẫn nhau về năng lực vận dụng kiến thức vào thực tế và cộng đồng.

2. Hình thức và nội dung đánh giá HS của GV

Dựa trên yêu cầu của mỗi chủ đề, năng lực cần đạt của HS, GV thiết kế các câu hỏi kiểm tra kiến thức, câu hỏi đánh giá quá trình học tập, câu hỏi đánh giá năng lực đầu ra – khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế... của HS.

3. Câu hỏi đánh giá

Câu hỏi kiểm tra, đánh giá dạng trắc nghiệm. Ví dụ:

Câu 1: Hãy sắp xếp qui trình **đúng** cho bài vẽ theo mẫu. Đánh dấu 1,2,3,4... vào thứ tự qui trình lựa chọn:

- a. Tìm tỉ lệ mẫu trên khung hình
- b. Bố cục khung hình trên trang giấy
- c. Vẽ khung hình chung và khung hình riêng từng vật mẫu
- d. Quan sát tìm đặc điểm cấu tạo, so sánh các bộ phận của mẫu
- e. Hoàn thiện bài
- g. Vẽ phác hình; chỉnh hình
- h. Diễn tả đậm nhạt

Câu 2: Khi diễn tả đậm nhạt theo tương quan của bài vẽ theo mẫu, cần dựa vào nội dung nào dưới đây? Đánh dấu (X) vào phương án lựa chọn:

- a. Dựa vào nguồn sáng chiếu vào mẫu
- b. Dựa vào trí nhớ
- c. Dựa vào nét viền chu vi của mẫu
- d. Vẽ theo thói quen

C. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Có thể sử dụng kiến thức về vẽ theo mẫu và đậm nhạt của vẽ theo mẫu, thực hiện các dạng bài tập sau:

a. Tìm hiểu sự giống nhau của bài vẽ theo mẫu với tranh tĩnh vật (về đối tượng vẽ, cách thể hiện; đậm nhạt của các hình ảnh bằng đen trắng, màu; chất liệu...)

b. Sưu tầm tranh tĩnh vật theo chủ đề: tĩnh vật vẽ hoa quả, tĩnh vật vẽ đồ vật hoặc tĩnh vật vẽ hoa quả và đồ vật. Thực hiện cuộc triển lãm *Chuyên đề tranh tĩnh vật*. Nêu cảm nhận và thuyết trình.

c. Phối hợp các chất liệu (giấy màu, bột màu, đất nặn...) vẽ tranh, xé dán hoặc tạo tranh tĩnh vật “nổi”.

d. Tìm hiểu về các họa sĩ vẽ tranh tĩnh vật nổi tiếng trong nước và trên thế giới

e. Bày mẫu một số đồ vật, hoa quả tạo hình theo ý thích.

g. Trang trí gia đình, làm bìa lịch, thiệp chúc mừng... bằng tranh tĩnh vật.

h. Sử dụng công nghệ thông tin, tập hợp những bài vẽ đồ vật đẹp, tranh tĩnh vật vẽ hoa quả theo vùng miền, theo mùa... Tạo file trình chiếu cho bạn bè hoặc người thân xem trong lúc thư giãn, ngày nghỉ cuối tuần; trong giờ sinh hoạt lớp, giải lao hoặc sau khi kết thúc chủ đề...

Hướng dẫn giáo viên thực hiện các hoạt động

1. Hướng dẫn GV thực hiện *Hoạt động khởi động*

Có nhiều cách thức để thực hiện hoạt động này. Tùy thuộc vào mỗi GV, tìm cách khởi động cho phù hợp với tình hình thực tế lớp học. Dưới đây là một số vấn đề cần giải thích hướng dẫn:

– *PPDH và kỹ thuật dạy học*

+ PPDH vấn đáp gợi mở: khơi gợi được sự chia sẻ của HS về kinh nghiệm vẽ theo mẫu và đậm nhạt ở bài vẽ theo mẫu, thông qua các hình thức: trao đổi trực tiếp, trò chơi, đồ vui... tạo không khí học tập cởi mở. Khuyến khích trách nhiệm của HS với việc học.

+ PP trực quan: cho HS tiếp xúc trực tiếp với bài vẽ có đậm nhạt tốt, cảm nhận hình vẽ trên cùng một mặt phẳng, nhưng lại tạo cho người xem cảm giác “nổi”... Nhằm gây nghi vấn cho HS, để HS nhận thấy điểm khác biệt (so với những bài đã học), kích thích sự tò mò của HS về vấn đề mới hơn của bài học. Tạo tâm trạng tiếp cận bài học mới một cách tự nhiên, vui vẻ.

+ PP thực hành: Việc GV chiếu ánh sáng trực tiếp lên vật mẫu ở các góc độ khác nhau, không chỉ tạo hứng thú tò mò cho HS mà thông qua quan sát, những ghi nhận về đậm nhạt hay hướng ánh sáng ảnh hưởng trực tiếp tới mẫu vật ra sao sẽ được lưu lại trong tâm trí HS một cách ấn tượng.

– *Đồ dùng dạy học*

Trong hoạt động này, ĐDDH là mẫu vật thực, bài vẽ của HS, tranh minh họa về vẽ theo mẫu, các bài diễn tả đậm nhạt... có tính chất tạo không gian học tập, định hướng nội dung, thuận lợi cho HS tiếp cận bài học. ĐDDH còn là cơ sở để GV, HS tiếp tục phát triển các thông tin trong quá trình khởi động – thông tin phát sinh, không có trong dự định.

– *Hình thức tổ chức*

Có thể sử dụng hình thức học cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm trong hoạt động này (cá nhân chia sẻ kinh nghiệm. Tổ/nhóm thực hiện nhiệm vụ đã được giao từ giờ học trước: tìm hiểu tư liệu, tranh ảnh, băng hình...)

Khởi động trong hoạt động này là khởi động để tiếp cận kiến thức mới của bài học. Không giống khởi động ở đầu buổi học, đầu giờ học, tiết học (hát một bài đầu giờ, kiểm tra sĩ số lớp, kiểm tra đồ dùng học tập, kiểm tra bài cũ...)

– *Sản phẩm của hoạt động*

+ Báo cáo của cá nhân/ nhóm; những thông tin từ HS

+ Bảng chứng: đồ vật, hiện vật, tranh ảnh, tư liệu minh họa...

2. Hướng dẫn GV thực hiện hoạt động *Hình thành kiến thức mới*

Trên cơ sở những kiến thức đã đề dẫn ở hoạt động khởi động, GV kết nối với các nội dung: Tìm hiểu mẫu; Tìm hiểu cách vẽ dẫn dắt HS tìm hiểu mẫu và khái niệm về mẫu, cách sắp xếp bố cục, cách vẽ hình, vẽ đậm nhạt của mẫu. Những kiến thức mới của bài học sẽ được khơi nguồn từ kinh nghiệm đã có của HS và thông qua nghiên cứu tài liệu, SGK, bày mẫu trực tiếp.

– *Phương pháp và kỹ thuật dạy học*

+ PP thực hành: HS tự bày mẫu theo nhóm, di chuyển, sắp đặt mẫu cho đến khi có nhóm mẫu đẹp. Trong quá trình bày mẫu, HS có dịp so sánh, đối chứng, xem xét và rút kinh nghiệm. PP này giúp HS trả lời câu hỏi: Mẫu bày như thế nào là đẹp?

+ PP trực quan: Hình minh họa trong SGK (trang 118, 119) gợi dẫn cho HS về cách vẽ hình, vẽ đậm nhạt. Cung cấp cho HS cách làm việc khoa học để có bài vẽ đẹp. Bổ sung những thiếu hụt trong nhận thức của HS ở hoạt động trước. PP này trả lời câu hỏi: Cách vẽ mẫu, vẽ đậm nhạt như thế nào?

Thông qua đồ dùng trực quan (HS cảm thụ được mẫu vật, hiểu được cấu trúc đồ vật cũng như đậm nhạt trên thân mẫu) kiến thức mới hình thành ở HS sẽ chắc chắn và sâu sắc hơn. PP này còn giúp HS cảm nhận vẻ đẹp của mẫu là ở sự cân đối, hài hòa.

+ PP quan sát: Sử dụng PP quan sát trong hoạt động này giúp HS rèn kỹ năng quan sát, hình thành khả năng so sánh đối chiếu, ước lượng bằng mắt – một kỹ năng chuyên biệt của môn học – trong: nhận biết nhóm mẫu đẹp, tìm khung hình tương ứng với nhóm mẫu, nhận biết đậm nhạt trong tương quan...

– *Đồ dùng dạy học*

ĐDDH là mẫu vật thực, bài vẽ của HS... thể hiện yêu cầu cụ thể của bài học, đòi hỏi HS phải tìm được một cái gì đó từ những hình ảnh, đồ vật để tạo kiến thức riêng. Đây sẽ là kiến thức nền tảng của bài học, phục vụ cho hoạt động tiếp theo.

– *Hình thức tổ chức*

Có thể tổ chức theo cặp đôi, nhóm. Tạo điều kiện cho HS trao đổi, chia sẻ, phản biện.

– *Sản phẩm hoạt động*

+ Những báo cáo trình bày của các nhóm, những câu trả lời của học sinh.

+ Những kết quả tìm kiếm được trên tư liệu, hình ảnh, đồ vật...

+ Những kết luận khoa học thông qua việc trả lời câu hỏi trực tiếp của học sinh.

3. Hướng dẫn GV thực hiện *Hoạt động luyện tập*

– Hoạt động này nhằm giúp HS chuyển hóa những kiến thức đã tìm hiểu từ những hoạt động trước vào bài thực hành, tạo cơ hội cho HS kiểm chứng, vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể để khẳng định mức độ chắc chắn của kiến thức.

Ở hoạt động này HS tự thực hiện:

- Xác định nội dung luyện tập
- Vận dụng kiến thức, tiến hành luyện tập để hình thành kỹ năng
- Vận dụng kỹ năng, xử lý các tình huống phát sinh
- Rút kinh nghiệm cá nhân
- *Phương pháp và kỹ thuật dạy học*

+ PP luyện tập, thực hành: Đây là PP đặc thù của môn Mỹ thuật. Trong quá trình HS thực hành GV có dịp quan sát, hiểu và nắm bắt nhận thức (đúng/chưa đúng), khả năng của từng đối tượng HS... được thể hiện trên các bài vẽ để có thể góp ý, điều chỉnh kịp thời. HS có cơ hội biến những hiểu, biết vào thực tế bài học.

+ PP quan sát: giúp HS cân nhắc bố cục trên trang giấy; xác định khung hình nhóm mẫu, ước lượng tỉ lệ các bộ phận của mẫu; định khoảng sáng tối trên hình vẽ; tương quan đậm nhạt của bài vẽ... hoàn thành nhiệm vụ học tập

+ PP trực quan: Mẫu vẽ có dạng hình trụ, hình cầu (do HS chuẩn bị hoặc có sự hỗ trợ của GV) là đối tượng cho HS vận dụng những kiến thức cơ bản về cách vẽ hình, vẽ đậm nhạt và thể hiện khả năng biểu đạt cá nhân.

– *Đồ dùng dạy học*

Những vật dụng cần thiết: giấy, bút chì, tẩy; mẫu; tranh minh họa các bước tiến hành bài vẽ; bài mẫu cho HS tham khảo... được sử dụng triệt để trong hoạt động này. Tuy nhiên không nên lạm dụng bài mẫu đẹp, cho HS tham khảo hoặc yêu cầu HS phải vẽ đạt như vậy... Sử dụng đúng ĐDDH, nêu yêu cầu mức độ phù hợp với đối tượng, thời gian treo ĐDDH hợp lý, sẽ phát huy tác dụng của ĐDDH trong quá trình HS làm bài thực hành. Ngược lại, HS sẽ không chủ động thể hiện đối tượng như đã cảm nhận, mà sẽ bắt chước bài mẫu hoặc tự ti vì khả năng thể hiện hạn chế...

– *Hình thức tổ chức*

Trong hoạt động luyện tập, cần để HS vẽ theo cảm nhận riêng, do vậy hình thức tổ chức phù hợp sẽ là vẽ cá nhân, có sự chia sẻ trong nhóm hoặc nhận sự trợ giúp của GV khi gặp khó khăn, vướng mắc.

– *Sản phẩm hoạt động*

Bài thực hành cá nhân

4. Hướng dẫn GV thực hiện *Hoạt động vận dụng*

Hoạt động này được thực hiện ở gia đình, cộng đồng, vì vậy không gian vận dụng kiến thức bài học rất rộng, nên GV cần chú ý một số nội dung sau:

- Tìm hiểu thực tế văn hóa địa phương, điều kiện sinh hoạt, học tập tại gia đình, cộng đồng của HS để có góp ý, tư vấn phù hợp.

- Tích cực tìm kiếm sự hợp tác từ PHHS, cộng đồng trao đổi về các những nội dung cụ thể có liên quan đến kiến thức kỹ năng bài học, yêu cầu gia đình phối hợp với nhà trường, tạo điều kiện cho con em thực hiện nhiệm vụ học tập tiếp theo.

- Lựa chọn một số nội dung chính của bài học gợi ý HS tìm địa chỉ vận dụng. Ví dụ: Kiến thức về sắp xếp bố cục thuận mắt, có thể vận dụng trong cuộc sống hàng ngày (việc sắp đặt đồ vật gia đình gọn gàng, ngăn nắp); cách thức tiến hành bài vẽ theo mẫu (từ tổng thể, bao quát đến chi tiết, bộ phận) có thể vận dụng vào các môn học khác (vẽ lược đồ trong môn địa lí, chép tranh...); vẻ đẹp của đậm nhạt, sáng tối có thể vận dụng trong bài trí gia đình (treo tranh, bày đặt các đồ vật trang trí trong gia đình)

- Trong quá trình hướng dẫn HS thực hiện tại cộng đồng, cần đảm bảo tính hai chiều của hoạt động vận dụng: Kiến thức vận dụng giải quyết được tình huống mới; Tình huống thực tế mới giúp kiến thức được trải nghiệm, củng cố và khắc sâu hơn.

- GV có thể trao đổi với đồng nghiệp về cách thức triển khai hoạt động, nhằm đảm bảo tính khả thi và ý nghĩa của hoạt động vận dụng.

5. Hướng dẫn GV thực hiện *Hoạt động tìm tòi mở rộng*

- GV gợi ý HS xác định nội dung chính của bài học, phát hiện những tình huống có liên quan đến kiến thức hoặc có thể phát triển kiến thức bài học (trong các tư liệu, sách báo, tranh ảnh, trang Web...; tại thực tế địa phương).

- Động viên, khích lệ trí tưởng tượng, sáng tạo của HS.

Đối với bài học này, chủ yếu tập trung giải quyết kiến thức cơ bản về vẽ theo mẫu (hình trụ và hình cầu), do vậy những tìm tòi mở rộng của HS, GV nên tập trung vào các khối cơ bản để gợi ý HS hình dung, tưởng tượng... Như vậy không chỉ rèn tư duy logic, óc phán đoán mà còn mang lại sự thích thú, tò mò cho HS.

- GV có thể trao đổi với đồng nghiệp về cách thức triển khai hoạt động, nhằm đảm bảo tính khả thi và ý nghĩa của hoạt động tìm tòi mở rộng.

Lưu ý: Hướng dẫn GV thực hiện các hoạt động (*khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng*) ở Bài 2: *Mẫu có hai đồ vật*, tương tự như trên. Tuy nhiên, tùy thuộc vào kiến thức, kỹ năng cụ thể của bài/tiết học mà GV điều chỉnh hướng dẫn cho phù hợp.

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THỂ DỤC LỚP 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC THỂ DỤC

1. Vị trí của môn học

Thể dục là môn học trong giáo dục phổ thông, là hoạt động chủ yếu của công tác giáo dục thể chất trong giáo dục toàn diện ở nhà trường, trang bị cho học sinh những kiến thức, kĩ năng cơ bản để rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể lực, giúp học sinh giải toả những căng thẳng do thiếu vận động tạo nên. Việc dạy và học Thể dục trong trường phổ thông góp phần giữ gìn sức khỏe, phát triển thể lực, nâng cao chất lượng con người Việt Nam và chuẩn bị cho người lao động tương lai, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và bảo vệ tổ quốc. Dạy học thể dục là con đường cơ bản của giáo dục thể chất trong nhà trường, là một mặt giáo dục toàn diện Đức, Trí, Thể, Mĩ, là hoạt động giáo dục mang tính đặc thù (dạy học vận động). Thông qua dạy học vận động dạy học động tác, hoạt động trò chơi, tổ chức thi đấu... là phương tiện góp phần giáo dục thẩm mĩ, giáo dục đạo đức lối sống, phát triển trí tuệ trên nền cơ thể khỏe mạnh. Dạy học thể dục trong nhà trường nhằm mục tiêu giúp học sinh :

- Có sự tăng tiến về sức khỏe, thể lực. Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo lứa tuổi và giới tính ;
- Có những kiến thức, kĩ năng cơ bản về thể dục thể thao và phương pháp tập luyện ; các kĩ năng vận động cần thiết trong đời sống ;
- Hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao thường xuyên và nếp sống lành mạnh, tác phong nhanh nhẹn, kỉ luật, tinh thần tập thể và các phẩm chất đạo đức, ý chí..
- Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động ở nhà trường và trong đời sống hằng ngày.

2. Đặc điểm của môn học

Môn học thể dục trong giáo dục phổ thông, có một số đặc trưng cơ bản sau:

- Là hoạt động dạy, học vận động nhằm hình thành kiến thức về vận động thể dục, thể thao và một số kiến thức liên quan.. Qua tập luyện để kĩ năng thực hiện động tác trong điều kiện học tập và vận dụng trong điều kiện cuộc sống.
- Dạy học vận động liên quan trực tiếp đến sức khỏe và khả năng vận động của HS, đối tượng tác động trực tiếp đến người học chính là thể lực, (năng lực thể chất: sức mạnh, sức nhanh, sức bền và khả năng phối hợp vận động), góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe cho người học.

– Các hoạt động tập luyện như: thực hiện bài tập, động tác, tham gia trò chơi, tổ chức thi đấu thể thao, đấu tập theo Luật, chính là điều kiện tốt và phương tiện cơ bản để hình thành, phát triển kiến thức, kỹ năng về thể dục thể thao và kiến thức liên môn.

– Các bài tập, động tác và cách thức thực thực hiện chính là phương tiện giáo dục phẩm chất, năng lực: Tính tổ chức, tính kỉ luật, tính nhân văn, ý chí vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ (chống lại mệt mỏi của cơ thể), thói quen tư duy độc lập và sáng tạo, tinh thần đoàn kết...

– Hoạt động dạy học thể dục thường được tiến hành ngoài sân tập, bể bơi, nhà tập, trên địa hình tự nhiên có không gian lớp học mở. Người học phải tham gia vận động tích cực mới phát triển thể lực, vì vậy nên nếu không tuân thủ chặt chẽ quy tắc an toàn thì người tập dễ bị xảy ra chấn thương khi vận động, thậm chí gây nguy hiểm đến tính mạng.

– Hoạt động dạy học thể dục là dạy học động tác, giáo dục các tố chất vận động vì vậy phải tuân thủ theo nguyên tắc dạy học vận động và phương pháp giáo dục thể chất. Tập luyện phải thường xuyên, liên tục với lượng vận động vừa sức mới có tác dụng phát triển thể chất.

– Về kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng, năng lực thể chất, khả năng giải quyết vấn đề và một số năng lực khác bằng các hình thức như: quan sát tự nhiên, quan sát có chủ đích, sử dụng test và bộ công cụ đánh giá mang tính đặc thù.

II. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Hướng dẫn chung

Chương trình thể dục THCS hiện hành cho mỗi lớp được cấu trúc thành 2 phần, “Phần cứng” bao gồm các nội dung: Lý thuyết chung; Đội hình đội ngũ; Bài thể dục phát triển chung; Chạy ngắn; Chạy bền; Nhảy cao, nhảy xa; Đá cầu. “Phần mềm” là Môn thể thao tự chọn, bao gồm các môn Bóng chuyền mini; Bóng đá mini; Ném bóng; Bơi, ngoài những nội dung đã biên soạn trong Chương trình và sách, địa phương có thể chọn nội dung môn Thể thao khác (môn thể thao thế mạnh của địa phương) để biên soạn giảng dạy cho học sinh. Theo tinh thần chỉ đạo của Bộ GDĐT, Hoạt động giáo dục, bao gồm cả Âm nhạc, Mĩ thuật và Thể dục. Đối với lớp 6 theo mô hình trường học mới đã được sắp xếp lại thành các chủ đề và phân chia lại thời lượng cho từng chủ đề như sau: 1) Lý thuyết chung (2 tiết); Đội hình đội ngũ (6 tiết); Bài thể dục phát triển chung (8 tiết); Chạy ngắn (10 tiết); Chạy bền (4 tiết); Nhảy cao–Nhảy xa (10 tiết); Đá cầu (10 tiết) và Môn thể thao tự chọn (14 tiết). Theo góp ý của các nhà chuyên môn, giáo viên của nhiều địa phương, thời lượng của các chủ đề được thay đổi như: Bài thể dục phát triển chung, tăng 2 tiết vì Bài tập hơi khó cần thêm 2 tiết để hoàn thiện và nâng cao chất lượng, khi bài thể dục tập đúng và đẹp sẽ được học sinh vận dụng tập hằng ngày ở nhà; Nhảy cao–Nhảy xa, giảm 4 tiết vì lớp 6 chủ yếu là thực hiện các bài tập hỗ trợ phát triển sức mạnh chân, nội dung này sẽ được tích hợp vào một số chủ đề khác dưới dạng tập để phát triển thể lực chung

chuẩn bị học kĩ thuật một số nội dung Điền kinh ở lớp 8, 9 ; Đá cầu, tăng 4 tiết vì đây là nội dung mà HS có thể tập ở mọi nơi, thậm chí các em còn tự tổ chức thi đua tăng cầu hay đấu tập, mà không cần nhiều về cơ sở vật chất, sân tập, đồng thời môn đá cầu cũng là nội dung rèn luyện các tố chất vận động rất hiệu quả; Nội dung chạy bền giảm 2 tiết vì chỉ có một số bài tập đơn giản chủ yếu là phân phối sức khi chạy, thở một cách hợp lí, một số động tác bổ trợ kĩ thuật chạy, chạy bền trên địa hình tự nhiên, hồi tĩnh sau khi chạy. Rèn luyện sức bền không nhất thiết phải chạy bền, có thể nhảy dây bền, đá cầu bền, sức bền phải rèn luyện thường xuyên liên tục mới tích lũy được, vì vậy sau mỗi tiết học (cuối buổi tập), giáo viên cần dành ra 3 – 7 phút cho học sinh tập chạy bền trên địa hình tự nhiên tập phân phối sức, thực hiện các động tác thả lỏng tích cực.

Môn Thể thao tự chọn tăng 2 tiết vì nội dung này cần thêm thời gian để HS có điều kiện hoàn thiện kĩ thuật động tác và tăng cường vận dụng đấu tập.

– Thực hiện chương trình theo hướng giao quyền chủ động cho các nhà trường. GV bộ môn được phép thiết kế mỗi chủ đề thành các hoạt động (trong đó có 5 hoạt động). Trong quá trình thiết kế các hoạt động cần phải hết sức linh hoạt, không gò bó như soạn, thực hiện giáo án trước kia. Mỗi chủ đề có thể được điều chỉnh thời lượng, nội dung sao cho phù hợp sau mỗi học kì hoặc năm học, tổ chuyên môn có thể điều chỉnh thứ tự nội dung nếu thấy bất hợp lý, có thể tăng giảm thời lượng của từng chủ đề nhưng tổng số tiết 66 tiết/năm. Những bài có thời lượng 2 tiết, không nên tổ chức 2 tiết liền (cùng hoặc trái buổi) vì dễ dẫn đến quá tải, Bài có thời lượng 2 tiết thì *tiết thứ nhất* thực hiện từ hoạt động khởi động đến hoạt động tập luyện sau đó cuối hoạt động này cho thả lỏng hồi phục, *tiết thứ hai* vẫn đủ quy trình 5 hoạt động nhưng nhấn mạnh (dành nhiều thời gian) cho hoạt động vận dụng và hoạt động tìm tòi, mở rộng. Nếu tổ chức thực hiện bài 2 tiết liền thì phải hết sức cân nhắc và sắp xếp lượng vận động sao cho vừa sức học sinh, sắp xếp xen kẽ với tuần có bài thực hiện 2 tiết học riêng.

Mục tiêu dạy học phải được xác định theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Thể dục hiện hành, các hoạt động học dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh theo phương pháp dạy học tích cực, xác định các năng lực và phẩm chất có thể hình thành cho học sinh trong mỗi chuyên đề đã xây dựng. Việc xây dựng các chuyên đề dạy học trong mỗi môn học, các chuyên đề và kế hoạch dạy học bộ môn phải nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; kế hoạch dạy học của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên phải được lãnh đạo nhà trường phê duyệt trước khi thực hiện và là căn cứ để thanh tra, kiểm tra.

– Phát triển tài liệu Hướng dẫn học

Về tài liệu dạy học đối với Thể dục chỉ có sách giáo viên, không có sách giáo khoa cho học sinh, vì vậy việc hình thành kĩ năng vận động và kiến thức môn học không thể thiếu hoạt động vận động, để có được các năng lực chung và chuyên biệt cần tăng cường

hoạt động vận động, hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng vào cuộc sống hằng ngày. Ngày nay khi Công nghệ thông tin phát triển, các phương tiện ghi âm, ghi hình không còn xa lạ với học sinh, giáo viên có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm, cá nhân xây dựng, sưu tầm tài liệu liên quan tới nội dung học tập môn Thể dục. Các tư liệu chuyên môn trên “trường học kết nối” sẽ giúp cho học sinh nâng cao nhận thức, làm giàu tri thức môn thể dục và kiến thức liên môn

2. Chương trình chi tiết

– Chương trình môn Thể dục được cấu trúc thành 2 phần, phần cứng và phần mềm (như đã trình bày tại mục 1) phần mềm là phần lựa chọn môn thể thao tự chọn, phần này dành cho địa phương. Sau đây là khung Kế hoạch dạy học các chủ đề:

Kế hoạch dạy học Thể dục – lớp 6 Theo mô hình trường học mới

TT	Chủ đề	Thời lượng (số tiết)		Mục tiêu
		Chưa điều chỉnh	Đã điều chỉnh	
1	Lợi ích, tác dụng của TDTT	2	2	– Biết được lợi ích, tác dụng của thể dục thể thao đến việc nâng cao sức khỏe, thể lực và tác hại của việc thiếu vận động. – Vận dụng trong các giờ học Thể dục và tự tập hằng ngày.
2	Đội hình đội ngũ	8	6	– Biết các khẩu lệnh và cách thực hiện các bài tập đội hình đội ngũ. – Thực hiện đúng nhóm bài tập : Tập hợp hàng (dọc, ngang) dóng hàng, điểm số ; Đứng nghiêm, đứng nghỉ ; Quay phải, quay trái, quay sau ; Cách chào, báo cáo, xin phép ra – vào lớp ; Dàn hàng, dồn hàng ; Đi đều – đứng lại – Vận dụng vào nếp sinh hoạt ở trường và ngoài nhà trường.
3	Thể dục phát triển chung	6	8	– Biết tên và cách thực hiện bài thể dục phát triển chung 9 động tác : Vươn thở, tay, ngực, chân, bụng, vận mình, toàn thân, nhảy, điều hòa. – Thực hiện cơ bản đúng toàn bài. – Vận dụng để tự tập hằng ngày.

TT	Chủ đề	Thời lượng (số tiết)		Mục tiêu
		Chưa điều chỉnh	Đã điều chỉnh	
4	Chạy ngắn	10	10	– Biết tên, cách thực hiện một số trò chơi và các bài tập: Xuất phát từ một số tư thế khác nhau (Đứng mặt hướng chạy – xuất phát; Đứng vai hướng chạy – xuất phát; Đứng lưng hướng chạy – xuất phát); Chạy bước nhỏ; Chạy gót chạm hông; Chạy nâng cao đùi ; Đứng tại chỗ đánh tay; Đi nhanh chuyển sang chạy; Xuất phát cao – chạy nhanh các cự li từ 20 – 40m. – Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên. – Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể
5	Nhảy xa, Nhảy cao	12	8	– Biết tên, cách thực hiện một số trò chơi và các bài tập: <i>Nhảy xa</i>: Bật xa; Đà ba bước – giậm nhảy; Chạy đà – nhảy xa (đà và kiểu nhảy tự do); <i>Nhảy cao</i>: Đá lăng chân (Đá lăng trước; Đá lăng trước – sau; Đá lăng sang ngang; Đà một bước – đá lăng ; Đà một bước – giậm nhảy – đá lăng). – Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên. – Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể
6	<i>Kiểm tra</i>	4	2	<i>Kỹ năng tổ chức kiểm tra, đánh giá</i>
7	Đá cầu	6	10	– Biết cách thực hiện: Tăng cầu bằng đùi; Tăng cầu bằng má trong bàn chân; Chuyển cầu theo nhóm 2 người, 3 người trở lên. – Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên. – Vận dụng để tự tập.

TT	Chủ đề	Thời lượng (số tiết)		Mục tiêu
		Chưa điều chỉnh	Đã điều chỉnh	
8	Chạy bền	6	4	– Biết cách thực hiện : Thở một cách hợp lí ; Một số động tác bổ trợ kĩ thuật chạy ; Chạy bền trên địa hình tự nhiên ; Một số động tác hồi tĩnh sau khi chạy. – Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên. – Đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể
9	Thể thao tự chọn	12	14	Đạt yêu cầu tối thiểu về KT, KN
10	<i>Kiểm tra</i>	4	2	<i>Kĩ năng tổ chức kiểm tra, đánh giá</i>
Tổng số tiết		70	66	Theo mô hình trường học mới cuối học kì I, học kì II đều có 2 tiết dự trữ và để kiểm tra thể lực

III. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học theo chủ đề

1. Mục tiêu bài học

a) Kiến thức, kĩ năng, thái độ: theo chuẩn kiến thức, kĩ năng mỗi chủ đề. mục tiêu đã có trong sách hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng.

b) Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh:

– *Năng lực chung:*

Những năng lực làm chủ và phát triển bản thân

+ Năng lực tự học

+ Năng lực giải quyết vấn đề

+ Năng lực sáng tạo

+ Năng lực tự quản lý

Những năng lực về quan hệ xã hội:

+ Năng lực giao tiếp

+ Năng lực hợp tác

Những năng lực công cụ:

- + Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- + Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- + Năng lực tính toán
 - *Năng lực chuyên biệt môn Thể dục*
- + Năng lực về thể chất (sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và khả năng phối hợp vận động)
- + Năng lực vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã hình thành trong hoạt động học tập chủ đề để vận dụng vào cuộc sống (lựa chọn thực hiện bài tập, động tác phù hợp với bản thân để rèn luyện hằng ngày)
- + Tham gia thi đấu (sử dụng vốn kiến thức, kĩ năng vận động để tham gia thi đấu, thi đua, đấu tập theo Luật), kĩ chiến thuật và hợp tác giữa các cá nhân để đạt mục tiêu thành tích thi đấu.
- + Tổ chức tập luyện, thi đấu và tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập
- + Năng lực cảm nhận được cái đẹp, tính hấp dẫn, tính chuẩn mực trong thể dục, thể thao như: tính đồng đội, sự đoàn kết, tính kỉ luật, tư thế tác phong nhanh nhẹn hoạt bát. Thực hiện các bài tập, động tác thành thục, tư thế đẹp và các chuẩn mực về thể dục, thể thao, sự thông minh sáng tạo trong giải quyết tình huống thi đấu đạt hiệu quả (môn thể thao đối kháng)...

2. Tổ chức hoạt động học của học sinh

a) Hướng dẫn chung

Mỗi Chủ đề có thể chia làm nhiều bài, mỗi bài có thời lượng khoảng 1 – 2 tiết, thiết kế bài theo 5 hoạt động: 1) *Hoạt động khởi động* – thiết kế các hoạt động khởi động chung và chuyên môn linh hoạt cơ khớp, ví dụ như tốc độ trung bình khoảng 100 – 300m, sau đó cho HS khởi động các khớp, có thể thực hiện bài thể dục phát triển chung, trò chơi vận động...sau đó thực hiện các bài tập, động tác bổ trợ chuyên môn. Có thể nêu câu hỏi gợi ý sao cho huy động ở HS những kiến thức, kĩ năng vận động chuyên môn liên quan tới việc để chuẩn bị cho nội dung sắp học. Như vậy trong hoạt động khởi động cần đạt mục tiêu chuẩn bị tâm thế tốt sẵn sàng tiếp thu kiến thức, kĩ năng mới, sẵn sàng vận động, khơi gợi lại vốn kiến thức, kĩ năng liên quan tới bài học mới. 2) *Hoạt động hình thành kiến thức*: hoạt động này chủ yếu giới thiệu chung về động tác, bài tập...giáo viên giao nhiệm vụ để cá nhân học sinh tự nghiên cứu, tự tập hoặc có thể ban đầu tập luyện theo nhóm...sao cho có khái niệm và cảm giác thực hiện động tác. Mục tiêu chung của

hoạt động này là cho HS có khái niệm về động tác, bài tập, phương hướng chuyển động và sử dụng lực, tính liên kết, tính nhịp điệu. Học kĩ thuật động tác có thể phân đoạn, hoặc tập toàn bộ. bởi vậy hoạt động cá nhân hết sức quan trọng, HS sẽ phải quan sát, thực hiện theo hướng dẫn của GV, tự nghiên cứu và thực hiện. GV sử dụng các phương pháp trực quan trực tiếp làm mẫu với số lần vừa đủ để kích thích người học cố gắng tái hiện, không nên giảng giải phân tích nhiều. Sử dụng các thiết bị dạy học cũng là một nghệ thuật, GV phải tạo ra nhu cầu của người học “muốn sử dụng thiết bị” để xây dựng cảm giác tập có thiết bị, dụng cụ. Hoạt động này có thể vận dụng nhiều kĩ thuật dạy học tích cực nhằm kích thích tư duy. 3) *Hoạt động tập luyện*: có thể theo nhóm hoặc cá nhân tập động tác, bài tập mới hoặc lắp ghép với các động tác đã học. Với các động tác, bài tập phải được tập luyện lặp lại một số lần nhất định thì HS mới có cảm giác vận động và hình thành kĩ năng vận động (động tác)... 4) *Hoạt động vận dụng*: ở bước này cao hơn bởi vì phải vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã có để giải quyết nhiệm vụ vận động trong điều kiện mới, tình huống mới lạ đòi hỏi học sinh phải rất linh hoạt mới hoàn thành được, ban đầu có thể tạo tình huống dễ, sau đó tăng dần độ phức tạp, ví dụ cho HS tập Bài Thể dục phát triển chung nhưng tạo tình huống bằng cách cho tổ chức thi đua tập theo nhóm, đứng đối diện nhau cùng thực hiện theo nhịp hô, sẽ bộc lộ những điểm còn yếu; 5) *Hoạt động tìm tòi, mở rộng*: đây là hoạt động rất quan trọng vì trên cơ sở những kiến thức, kĩ năng hình thành, GV có thể gợi ý giao nhiệm vụ cho học sinh tìm thêm thông tin, nhận diện được những kiến thức, kĩ năng tương tự đã vận dụng trong cuộc sống hằng ngày ...ví dụ học sinh được học các: môn sinh học, hóa học, vật lý ...trên cơ sở đó giải thích và thậm chí sáng tác các bài tập, hình thức tập luyện bổ trợ phù hợp với bản thân và tăng cường vốn kiến thức, kĩ năng chuyên môn...

– *Về phương pháp dạy học*

Mỗi hoạt động đều sử dụng linh hoạt các phương pháp về giáo dục thể chất (dạy học động tác và giáo dục các tố chất vận động) trong quá trình đó ngoài việc giáo dục các tố chất vận động thì việc bồi dưỡng kiến thức cho học sinh hết sức quan trọng, các kiến thức đó là hệ thống các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, diễn đạt cách thực hiện bài tập, động tác ...chỉ có thể hình thành qua hoạt động giao tiếp, điều hành nhóm, hợp tác, sửa sai và đánh giá bằng nhận xét... sau đây giới thiệu khái quát một số phương pháp và kĩ thuật dạy học có thể sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động:

+ *Dạy học vấn đáp, đàm thoại*: Là phương pháp trong đó giáo viên đặt ra những câu hỏi để học sinh trả lời, hoặc có thể tranh luận với nhau và với cả giáo viên, qua đó học sinh lĩnh hội được nội dung bài học. Khác với thuyết trình ở chỗ nội dung cần truyền thụ không được thể hiện qua lời giảng của người dạy mà được thực hiện bởi hệ thống câu trả lời của người học, dưới sự gợi mở bởi các câu hỏi do người dạy đề xuất. phương pháp

này cú hệ thống câu hỏi, cách hỏi và thời điểm hỏi của người dạy. Có ba mức độ: vấn đáp tái hiện, vấn đáp giải thích - minh họa và vấn đáp tìm tòi.

+ *Dạy và học phát hiện và giải quyết vấn đề*: Trong dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, học sinh vừa nắm được tri thức mới, vừa nắm được phương pháp chiếm lĩnh tri thức đó, phát triển tư duy tích cực sáng tạo, chuẩn bị một năng lực thích ứng với đời sống xã hội: phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lí các vấn đề nảy sinh. Dạy và học phát hiện, giải quyết vấn đề không chỉ giới hạn ở phạm trù PPDH, nó đòi hỏi cải tạo nội dung, đổi mới cách tổ chức quá trình dạy học trong mối quan hệ thống nhất với PPDH.

+ *Dạy học hợp tác, thảo luận theo nhóm nhỏ*: Phương pháp dạy học hợp tác giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì. Bài học trở thành quá trình học hỏi lẫn nhau chứ không phải chỉ là sự tiếp nhận thụ động từ giáo viên.

+ *Dạy học với Lý thuyết tình huống*: Tư tưởng chính của lý thuyết tình huống là: Để tạo ra, cải tiến, tái tạo, mô tả và hiểu rõ các tình huống dạy học. Giáo viên phải: a) Giao nhiệm vụ học tập: HS nhận một cách tự giác, không khiên cưỡng và đảm nhiệm quá trình hoạt động để lĩnh hội tri thức; b) Xác nhận tri thức: Sau khi HS đã tìm được câu trả lời cho những vấn đề đặt ra, GV giúp họ xác nhận tính đúng đắn hay sai lầm của đáp án. Khi đúng thì chỉ ra vị trí của kiến thức mới trong hệ thống tri thức. Hoạt động của học sinh: Làm việc với môi trường thông qua các hoạt động áp dụng kiến thức sẵn có vào đối tượng mới và điều chỉnh kiến thức của mình để giải quyết vấn đề nảy sinh. GV đề xuất tình huống, HS hình thành hoặc điều chỉnh kiến thức của họ để đáp ứng những nhu cầu của môi trường chứ không phải do ý thích của GV.

+ *Dạy học với Lý thuyết kiến tạo*: Một số luận điểm cơ bản của lý thuyết kiến tạo trong dạy học là:

- * Tri thức được kiến tạo một cách tích cực bởi chủ thể nhận thức, không phải tiếp thu một cách thụ động từ môi trường bên ngoài.

- * Nhận thức là một quá trình thích nghi và tổ chức lại thế giới quan của chính mỗi người. Nhận thức không phải là khám phá một thế giới mà chủ thể nhận thức chưa từng biết tới.

- * Học là một quá trình mang tính xã hội trong đó trẻ em dần tự hòa mình vào các hoạt động trí tuệ của những người xung quanh.

- * Những tri thức mới của mỗi cá nhân nhận được từ việc điều chỉnh lại thế giới quan của họ cần phải đáp ứng được những yêu cầu mà tự nhiên và thực trạng xã hội đặt ra.

Kiến tạo trong dạy học cú:

* Kiến tạo cơ bản: Là một quan điểm nhận thức, nhấn mạnh tới cách thức các cá nhân xây dựng tri thức cho bản thân trong quá trình học tập.

* Kiến tạo xã hội: Là quan điểm nhấn mạnh vai trò của các yếu tố văn hoá và các điều kiện xã hội cũng như tác động của những yếu tố đó đến việc hình thành kiến thức.

Lý thuyết kiến tạo nhấn mạnh đến các vấn đề sau:

* Hoạt động là nguồn gốc nảy sinh và phát triển của tri thức. Học là quá trình phát hiện và sáng tạo một cách tích cực của chủ thể nhận thức, không phải là sự tiếp thu một cách thụ động từ GV.

* Nhận thức là quá trình tổ chức lại thế giới quan của chính người học thông qua hoạt động trí tuệ và thể chất.

* Vai trò chủ động, tích cực của các cá nhân và sự tương tác giữa các cá nhân là những điều kiện quan trọng trong quy trình kiến tạo tri thức.

* Học là một quá trình xã hội: lý thuyết kiến tạo đi sâu nghiên cứu bản chất quá trình nhận thức của HS từ đó có những tác động sư phạm nhằm tích cực hóa hoạt động này ở người học, khơi gợi và thúc đẩy nội lực của HS trong quá trình học tập.

Lý thuyết kiến tạo khẳng định một lần nữa vai trò quan trọng của GV, đó là người tạo lập môi trường học tập, tổ chức và điều khiển quá trình nhận thức của HS.

+ *Một số hình thức tổ chức dạy học theo hướng đổi mới*

Hình thức tổ chức dạy học là hình thức bên ngoài của PPDH, được thiết lập theo những cấu trúc xác định nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học, bao gồm các hình thức:

* *Dạy học với hình thức tổ chức hội thảo*: Là PPDH trong đó người dạy tổ chức và điều khiển các thành viên trong lớp học trao đổi ý kiến và tư tưởng của mình về nội dung học tập, qua đó đạt được mục đích dạy học. Một cuộc thảo luận thành công là cuộc thảo luận giải quyết được nhiều mâu thuẫn nhận thức của người học. Hiệu quả của cuộc thảo luận phụ thuộc rất nhiều vào người điều khiển.

* *E-learning*: E-learning là thực hiện các chương trình giáo dục,

học tập, đào tạo, bồi dưỡng thông qua các phương tiện điện tử. E-Learning liên quan tới việc sử dụng máy tính hoặc các thiết bị điện tử trong một phương diện nào đó nhằm cung cấp tài liệu cho việc giáo dục, học tập, đào tạo, bồi dưỡng.

* *Dạy học theo hình thức tổ chức thực hiện Dự án*: Khái niệm dự án

ngày nay được hiểu là một dự định, một kế hoạch, trong đó cần xác định rõ mục tiêu, thời gian, phương tiện tài chính, điều kiện vật chất, nhân lực và cần được thực hiện nhằm đạt mục tiêu đề ra. Dạy học theo dự án là một hình thức tổ chức dạy học, trong đó học

sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lý thuyết với thực hành, tự lực lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả. Hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm, kết quả dự án là những sản phẩm có thể giới thiệu được như các bài viết, tập tranh ảnh sưu tầm, chương trình hành động cụ thể.

+ *Một số kỹ thuật dạy học góp phân đổi mới phương pháp*

* *Huy động tư duy (HĐTD)*: Là một kỹ thuật nhằm huy động những ý tưởng mới, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong nhóm. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng.

* *Tham vấn bằng phiếu*: Tham vấn bằng phiếu giúp thu thập ý kiến về những câu hỏi còn bỏ ngỏ, giúp nhận biết, sắp xếp vấn đề. Người tham gia viết những suy nghĩ của mình dưới dạng cụm từ ngắn gọn lên những miếng bìa, sau đó ghim chúng lên bảng mềm.

* *Kỹ thuật phòng tranh*: Kỹ thuật phòng tranh giúp thu thập, phát triển ý tưởng, chủ kiến về một chủ đề, một nội dung quan tâm của một nhóm người, kỹ thuật như sau: a) Tất cả các thành viên phác họa những ý nghĩ đầu tiên về cách giải quyết vấn; b) đề trên một tờ bìa, rồi dính lên bàn tay hay lên tường như một triển lãm tranh; c) Trong một vòng triển lãm tranh mỗi một thành viên trình bày suy nghĩ của mình về cách giải quyết (giai đoạn tập hợp); d) Trong giai đoạn thứ hai của việc tìm lời giải cá nhân, các phương án giải quyết tiếp tục được tìm kiếm, đề xuất; e) Trong giai đoạn đánh giá, tất cả các phương án giải quyết được tập hợp lại và lựa chọn, đưa ra phương án tối ưu.

* *Thông tin phản hồi*: Thông tin phản hồi trong quá trình dạy học

là giáo viên và học sinh cùng nhận xét, đánh giá, đưa ra ý kiến đối với những yếu tố cụ thể có thể ảnh hưởng tới quá trình học tập.

* *Phản hồi bằng Kỹ thuật “Tia chớp”*: Trong dạy học GV sử dụng kỹ thuật lấy thông tin phản hồi nhanh nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trầm lắng, buồn tẻ, nặng nề trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng ý kiến của mình về tình trạng vấn đề.

* *Kỹ thuật điều phối*: Kỹ thuật điều phối được sử dụng khi điều khiển sự làm việc phối hợp tích cực giữa các thành viên trong nhóm thảo luận về một chủ đề.

+ *Tổ chức dạy học*

Mục tiêu - Tổ chức dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học.

Tạo điều kiện tốt nhất để học sinh phát huy được tính tích cực chủ động trong tiếp thu bài giảng, huy động được mọi học sinh làm việc, đánh giá được khả năng làm việc, tích cực làm việc cũng như kết quả của từng học sinh. Tuy nhiên không nên máy móc, giờ nào cũng đủ các loại hình hoạt động: phiếu học tập, học theo nhóm...

Về hình thức: Cả lớp hoạt động theo nhóm, theo cặp, cá nhân. Điều quan trọng là xây dựng kế hoạch hoạt động của giờ học, hệ thống câu hỏi - bài tập và lựa chọn cách kiểm tra đánh giá kết quả học sinh nhằm kích thích tính chủ động, sáng tạo. Như vậy sẽ tạo điều kiện tốt nhất để học sinh không chỉ trả lời, thảo luận với giáo viên, mà còn được trao đổi, tranh luận với bạn học để tìm ra chân lý.

– Về thiết bị dạy học: Lựa chọn các thiết bị sao cho an toàn, vừa đủ, hiệu quả, chất lượng. Luôn tạo môi trường, điều kiện để người học có nhu cầu sử dụng thiết bị dạy học

– *Về chuyển giao nhiệm vụ và đánh giá kết quả hoạt động:* Giao nhiệm vụ phải rõ ràng, có kiểm soát về tiến độ và thời gian thực hiện, chỉ hỗ trợ người học khi họ có nhu cầu. Về kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động: đây là việc không giản đơn, bởi chính trong quá trình nhận xét, đánh giá bản thân, đánh giá lẫn nhau cũng góp phần cho HS phong phú về vốn từ ngữ giao tiếp, đánh giá, đặt câu hỏi và trả lời thông qua quan sát, nhận xét. Về biên soạn câu hỏi/ bài tập nêu nhiệm vụ học tập đã được mô tả về kiến thức và cách nhận dạng kiến thức ở mức độ hiểu, biết về các khái niệm (tên động tác, bài tập ..thuật ngữ chuyên môn và cách thức trình bày chuyển động của động tác, phương hướng chuyển động của các bộ phận cơ thể, các điều Luật thi đấu, Luật sân và dụng cụ thi đấu..); Sản phẩm của hoạt động dạy học thể dục là thực hiện bài tập, động tác, nhiệm vụ vận động hay nâng cao nhận thức, kiến thức thu được sau mỗi hoạt động..bằng quan sát, đo đạc, bằng test chuyên môn...rất đa dạng, thậm chí là thể lực (sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp vận động. Ngoài ra đánh giá năng lực về thể chất, năng lực giải quyết vấn đề trong tập luyện, thi đấu hay tổ chức trò chơi vận động, năng lực sử dụng các kiến thức, kĩ năng vận động vào thực tiễn phải thông qua các báo cáo bằng văn bản, ví dụ giao cho học sinh nhiệm vụ thì phải kiểm tra xem báo cáo công việc mà học sinh thực hiện có khả thi không, thậm chí kiểm tra được học sinh có tiến bộ cũng phải thông qua trình diễn, năng lực tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cũng rất quan trọng. Sản phẩm là phẩm chất: tính kỉ luật, tính đoàn kết, tính tự chủ, tự giác tích cực sáng tạo khi giải quyết nhiệm vụ vận động đều thông qua quan sát trong suốt quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên cần phải theo dõi và thường xuyên thông báo cho học sinh, ghi nhật kí dạy học.

– *Hướng dẫn phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh*

Hướng dẫn này đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh. Sau đây là bảng mô tả yêu cầu về kiến thức, kĩ năng

BẢNG MÔ TẢ YÊU CẦU KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)
1) Chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ	Câu hỏi/bài tập định tính (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh, nhận diện đúng khái niệm, thuật ngữ, tên Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày (tuy còn thiếu sót) hoặc lựa chọn, chủ động nhận diện đúng khái niệm, thuật ngữ và cách thực hiện Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày /mô tả được tuy còn chưa chính xác đầy đủ về cách thực hiện Động tác/ Bài tập/ Trò chơi..Có thể nhận xét, tự nhận xét nhưng chưa đầy đủ	Học sinh có thể nhận xét tương đối đầy đủ, giải thích yếu lĩnh kĩ thuật, cấu trúc Bài tập, động tác/ / trò chơi và chỉ ra sai thường mắc và cách sửa sai thường mắc
2) Năng lực có thể hình thành thông qua chủ đề: (<i>Thu nhận và sử dụng thông tin/Sử dụng ngôn ngữ sử dụng môn học /Phát hiện và giải quyết vấn đề...</i>)	Bài tập định lượng (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh, nhận diện đúng khái niệm, thuật ngữ, tên Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày (tuy còn thiếu sót) hoặc lựa chọn, chủ động nhận diện đúng khái niệm, thuật ngữ và cách thực hiện Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày /mô tả được tuy còn chưa chính xác đầy đủ cách thực hiện Động tác / Bài tập/ Trò chơi..Có thể nhận xét, tự nhận xét nhưng chưa đầy đủ	Học sinh có thể nhận xét tương đối đầy đủ, giải thích yếu lĩnh kĩ thuật, cấu trúc bài tập, động tác và chỉ ra sai thường mắc cách sửa sai thường mắc,

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá kĩ năng	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)
	Bài tập thực hành/thí nghiệm			– Học sinh thực hiện cơ bản đúng Động tác/ Bài tập/ Trò chơi vận động – Tổ chức được nhóm tập luyện do GV phân công – Bước đầu HS Nhận xét, đánh giá lẫn nhau khi thực hành – Bước đầu Tham gia đấu tập, lập kế hoạch tự tập ở trong và ngoài trường – Bước đầu lựa chọn được một số bài tập hợp với khả năng	– Học sinh chủ động thực hiện cơ bản đúng hoặc đúng Động tác/ Bài tập/ Trò chơi vận động – Tổ chức một cách chủ động nhóm tập luyện do GV phân công – HS tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau khi thực hành – HS Tham gia đấu tập, lập kế hoạch tự tập ở trong và ngoài trường – Lựa chọn một số bài tập hợp với khả năng

Câu hỏi / Bài tập minh họa đánh giá theo các mức đã mô tả

MA TRẬN CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THEO CHỦ ĐỀ

Chủ đề

BÀI THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG – LỚP 6

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá KT, KN	Nhận biết (<i>Mô tả yêu cầu cần đạt</i>)	Thông hiểu (<i>Mô tả yêu cầu cần đạt</i>)	Vận dụng (<i>Mô tả yêu cầu cần đạt</i>)	Vận dụng cao (<i>Mô tả yêu cầu cần đạt</i>)
1. Chuẩn kiến thức, Kỹ năng – Biết tên và cách thực hiện bài thể dục phát triển chung 9 động tác : Vươn thở, tay, ngực, chân, bụng, vặn mình, toàn thân, nhảy và điều hoà. – Thực hiện cơ bản đúng toàn bài. 2) Năng lực có thể hình thành thông qua chủ đề: <i>(Thu nhận và</i>	Câu hỏi/bài tập định tính (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh nhận diện đúng tên Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày (tuy còn thiếu sót) cách thực hiện Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày /mô tả được tuy còn chưa chính xác đầy đủ về cách thực hiện động tác, thứ tự động tác/ bài tập. Có thể nhận xét, tự nhận xét nhưng chưa đầy đủ.	Học sinh tự nhận xét chính xác đầy đủ, đánh giá bằng lời về cách thực hiện động tác, thứ tự động tác/ bài tập
	Bài tập định lượng (Trắc nghiệm/Tự luận)	Học sinh nhận diện đúng khái niệm, thuật ngữ, tên Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày (<i>tuy còn chưa đầy đủ</i>) hoặc lựa chọn, chủ động nhận diện đúng khái niệm, thuật ngữ và cách thực hiện Bài tập, động tác	Học sinh tự trình bày /mô tả được tuy còn chưa chính xác đầy đủ về cách thực hiện Động tác / Bài tập, Có thể nhận xét, tự nhận xét nhưng chưa đầy đủ thông qua <i>vừa thực hiện vừa trình bày</i>	Học sinh có thể nhận xét tương đối đầy đủ, chính xác, giải thích yếu lĩnh kỹ thuật, cấu trúc bài tập, động tác và chỉ ra sai thường mắc cách sửa sai thường mắc,

Nội dung	Câu hỏi/bài tập đánh giá KT, KN	Nhận biết (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Thông hiểu (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng (Mô tả yêu cầu cần đạt)	Vận dụng cao (Mô tả yêu cầu cần đạt)
<i>sử dụng thông tin/Sử dụng ngôn ngữ sử dụng môn học /Phát hiện và giải quyết vấn đề...)</i> – Vận dụng để tự tập hàng ngày.	Bài tập thực hành/thí nghiệm			– HS thực hiện cơ bản đúng Động tác/ Bài tập/ Trò chơi vận động – Tổ chức được nhóm tập luyện do GV phân công – Bước đầu HS Nhận xét, đánh giá lẫn nhau khi thực hành (tuy còn chưa đầy đủ chính xác) – HS Bước đầu tham gia đấu tập, lập kế hoạch tự tập ở trong và ngoài trường – HS bước đầu lựa chọn được một số bài tập hợp với khả năng	– HS chủ động thực hiện cơ bản đúng hoặc đúng Động tác/ Bài tập/ Trò chơi vận động – Tổ chức một cách chủ động nhóm tập luyện do GV phân công hoặc chủ động đề xuất với GV – HS tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau khi thực hành (tương đối đầy đủ chính xác) – HS thường xuyên, chủ động tham gia đấu tập, lập kế hoạch tự tập ở trong và ngoài trường – HS thường xuyên lựa chọn một số bài tập hợp với khả năng

Câu hỏi

a) Nhận biết

1) Cột bên trái là tên động tác Em hãy điền số thứ tự động tác từ 1 – 8 vào ô bên phải

Tên động tác	Số thứ tự
Tay	
Bụng	
Vận mình	
Vươn thở	
Điều hòa	
Chân	
Toàn thân	
Nhảy	
Ngực	

b) Thông hiểu

2) Em hãy mô tả động tác Tay từ nhịp 1 – 8

3) Em hãy mô tả động tác Vươn thở từ nhịp 1 – 8

...

c) Vận dụng

4) Em hãy thực hiện Bài thể dục phát triển chung 9 động tác (mỗi động tác 1 lần 8 nhịp)

5) Em hãy điều khiển Hô cho nhóm của mình thực hiện Bài thể dục phát triển chung 9 động tác

d) Vận dụng cao

6) Sau khi nhóm của mình tập xong toàn bài Thể dục phát triển chung, em hãy chọn 1 đến 2 bạn để nhận xét kết quả thực hiện

7) Em hãy sửa cho bạn khi bạn tập sai động tác (sử dụng lời nói hoặc thực hiện động tác đúng để bạn bắt chước)

8) Khi sử dụng Bài thể dục phát triển chung này để thường xuyên tập luyện, nó có tác dụng gì ?

9) Em hãy tổ chức thi đua tập *đúng, đều và đẹp* giữa 2 nhóm (mỗi nhóm 5 bạn), yêu cầu phải đánh giá nhận xét được nhóm nào tốt hơn

3. Biên soạn Chủ đề minh họa

THẺ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG

(8 bài)

I – MỤC TIÊU

- Biết cách thực hiện bài thẻ dục phát triển chung.
- Thực hiện cơ bản đúng các động tác và liên hoàn được toàn bài.
- Tôn trọng, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong các hoạt động. Vận dụng được bài thẻ dục vào nếp sinh hoạt ở trường và ngoài trường.
- Phát triển năng lực phối hợp vận động, cảm nhận được chuẩn mực (đúng, đều và đẹp) của các động tác trong bài tập, năng lực tự học và hợp tác...

II – NỘI DUNG

Bài thẻ dục phát triển chung lớp 6 gồm 8 động tác. Các động tác này được tổ chức cho HS hoạt động trong 8 tiết, mỗi bài các em sẽ được hướng dẫn 2 động tác mới ghép với động tác đã học và những bài cuối cùng hoàn thiện toàn bài.

III – CHUẨN BỊ

- GV : Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, tranh ảnh, còi, cờ nhỏ... theo yêu cầu của nội dung chủ đề.
- HS : Vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

IV – TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Bài 1

ĐỘNG TÁC VƯỜN THỔ VÀ TAY (1 tiết)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



HS thực hiện nhiệm vụ sau :

- Tại chỗ khởi động các khớp : Xoay cổ chân, cổ tay, khớp gối, khớp hông ;
- Chơi trò chơi “Bịt mắt bắt dê” hoặc HS tự chọn.

– Trả lời câu hỏi :

Bạn có biết động tác nào của bài thể dục phát triển chung lớp 6 không ?



Tại chỗ tập động tác vươn thở hoặc tay ngực của bài thể dục phát triển chung theo hiểu biết của mình.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



– HS quan sát tranh động tác vươn thở và tay ngực của bài thể dục phát triển chung lớp 6.

– Cùng nhau thảo luận và tập luyện.

– GV đến các nhóm giúp đỡ.



– Thứ tự từng đợt 4 HS lên tập hai động tác.

– HS nhận xét, đưa ra những sai thường mắc và cách sửa.

– GV hướng dẫn chậm từng nhịp cho HS tập theo 1 – 2 lần.

– GV hô nhịp cho HS cả lớp tập 2 đến 3 lần liên hoàn hai động tác.

– Thảo luận câu hỏi sau :

+ Trong hai động tác, động tác nào khó hơn ? Tại sao ?

+ Nêu cách tập động tác vươn thở ? Khi tập động tác này cần chú ý gì ?

+ Tập động tác tay có tác dụng gì ? Muốn tập tốt động tác tay cần chú ý gì ?

– GV làm mẫu hai động tác 1 lần, sau đó vừa hướng dẫn chậm, vừa cho HS tập theo.

– Cán sự hô cho cả lớp tập 3 lần, GV quan sát, uốn nắn.



Từng nhóm lên tập hai động tác, GV cùng HS cả lớp quan sát để nêu ưu điểm, hạn chế và đưa ra cách khắc phục nhược điểm của từng động tác.

C – HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động cặp đôi

– Đứng quay mặt vào nhau, hô và cùng tập, sau đó nhận xét và sửa chữa động tác cho nhau.

– Tập ghép hai động tác.

Hoạt động nhóm

– HS các nhóm tập thuần thục từng động tác, sau đó tập liên hoàn hai động tác với nhau. Các thành viên trong nhóm thay nhau lên điều khiển. Sau mỗi lần tập, cả nhóm thảo luận theo câu hỏi sau :

– Động tác vươn thở có tác dụng gì ? Để có hiệu quả, khi tập cần chú ý gì ?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



– Tham khảo bài tập hít thở sâu, cách tập như sau :

+ Tư thế chuẩn bị : Đứng thẳng, hai tay chống hông.

+ Nhịp 1 : Hít vào từ từ bằng mũi – căng ngực, thả lỏng dần cơ bụng.

+ Nhịp 2 : Thở ra bằng miệng thóp dần bụng, hóp ngực và thở ra hết.

+ Nhịp 3 : Như nhịp 1.

+ Nhịp 4 : Như nhịp 2.

+ Nhịp 5 : Như nhịp 1.

+ Nhịp 6 : Như nhịp 2.

+ Nhịp 7 : Như nhịp 1.

+ Nhịp 8 : Như nhịp 2.

– Tập hằng ngày sau khi ngủ dậy vào các buổi sáng hoặc khi cảm thấy căng thẳng hoặc mệt mỏi.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



– Nêu tác dụng của động tác vươn thở ? Để có hiệu quả hơn, khi tập cần chú ý gì ?

– HS tập hai động tác và tự nhận xét và đánh dấu X vào ô bên phải mức độ kết quả tập luyện theo bảng sau :

Mức độ	Đánh dấu vào ô
Tập đúng kĩ thuật, thể hiện tư thế động tác đẹp	
Tập động tác tương đối đúng và tư thế đẹp	
Chưa thuộc thứ tự động tác (vấp nhিপ, quên nhiều cử động động tác)	

Bài 2

ĐỘNG TÁC CHÂN VÀ BỤNG (1 tiết)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Thực hiện động tác chân hoặc động tác bụng theo hiểu biết của mình.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



- Quan sát tranh/ ảnh động tác chân và bụng, chú ý cách đá chân và cách gập bụng.
- Em hãy mô tả cách tập động tác chân và bụng.
- HS tại chỗ tập 2 – 3 lần theo hướng dẫn của GV. Từng thành viên thay nhau hô nhíp cho cả nhóm cùng tập.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



- Các thành viên nhóm thay nhau hô nhíp cho các bạn tập. Trong quá trình hô nhíp, chỉ huy quan sát. Sau mỗi lần thực hiện động tác, nhóm trưởng cùng các bạn tập chậm để sửa những sai thường mắc.
- Tập ghép với hai động tác đã học ở tuần trước.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Để làm nóng người trước khi tắm, em hãy tập động tác sau :

Hai tay chống hông, đá chân ra trước mỗi chân 5 lần, khi tập thân người và chân thẳng, mắt nhìn thẳng.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



Tìm hiểu về tác dụng của động tác chân và bụng, rồi viết vào sổ học tập.

Chủ đề

ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ

(6 tiết)

I – MỤC TIÊU

- Biết tên động tác, khẩu lệnh, cách thực hiện các bài tập đội hình đội ngũ.
- Thực hiện cơ bản đúng nhóm bài tập ĐHĐN-6
- Vận dụng vào nếp sinh hoạt ở trường và ngoài nhà trường.
- Phát triển năng lực phối hợp vận động, cảm nhận được chuẩn mực (đúng, đều và đẹp) của các động tác đội hình đội ngũ, năng lực tự học và hợp tác... tính kỉ luật, tính tập thể, tác phong nhanh nhẹn hoạt bát

II – NỘI DUNG

Tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số ; Tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số ;
Đứng nghiêm. Đứng nghỉ ; Quay trái, quay phải, quay sau ; Cách chào, báo cáo, xin phép
ra – vào lớp ; Dồn hàng, dàn hàng ; Đi đều – đứng lại

III – CHUẨN BỊ

- GV : Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, tranh ảnh, còi, cờ nhỏ... theo yêu cầu của nội dung chủ đề.
- HS : Vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

IV – TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Bài 1

ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ (2 tiết)

- Tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số ;
- Tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số.
- Đứng nghiêm, đứng nghỉ ; Quay phải, quay trái.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



– GV tập trung lớp thành 4 hàng ngang giới thiệu tên một số trò chơi các em đã được học ở Tiểu học : Nhảy lướt sóng ; Chạy theo hình tam giác ; Thăng bằng ; Lăn bóng ; Đi qua cầu ; Con sâu đo ; Kiệu người ; Chạy tiếp sức ném bóng vào rổ.

– Chia số HS trong lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ :

- Mỗi nhóm tự tổ chức 2 – 3 trò chơi vận động
- Thi đua tự thống kê những động tác đội hình đội ngũ đã học (theo nhóm)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



GV đưa ra bảng thống kê dưới đây để HS kiểm tra lại và tự đánh giá mức hiểu biết và kỹ năng thực hiện của bản thân.

Bảng 1 – HỌC SINH TỰ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG THỰC HIỆN ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ

Thứ tự	Gợi ý nội dung đội hình đội ngũ HS đã biết và đã học	Tự đánh giá mức độ thực hiện		
		Thực hiện tốt	Thực hiện được	Chưa thực hiện được
1	Tập hợp hàng ngang			
2	Dóng hàng			
3	Điểm số			
4	Tập hợp hàng dọc			

Thứ tự	Gợi ý nội dung đội hình đội ngũ HS đã biết và đã học	Tự đánh giá mức độ thực hiện		
		Thực hiện tốt	Thực hiện được	Chưa thực hiện được
5	Dóng hàng			
6	Điểm số			
7	Đứng nghiêm			
8	Đứng nghỉ			
9	Quay phải			
10	Quay trái			

Bảng II – HỌC SINH TỰ ĐIỀN CÁC KHẨU LỆNH ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ

Thứ tự	Gợi ý nội dung đội hình đội ngũ HS đã biết và đã được học	khẩu lệnh	
		Dự lệnh	Động lệnh
1	Tập hợp hàng ngang		
2	Dóng hàng		
3	Điểm số		
4	Tập hợp hàng dọc		
5	Dóng hàng		
6	Điểm số		
7	Đứng nghiêm		
8	Đứng nghỉ		
9	Quay phải		
10	Quay trái		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



– Trên cơ sở những hiểu biết về động tác ĐHĐN nhóm cử 2 – 3 HS lần lượt điều khiển nhóm thực hiện 2 – 3 động tác tập hợp hàng ngang, hàng dọc, quay trái, quay phải...

– Từng nhóm tự đánh giá kết quả thực hiện theo 2 mức : *Đạt ; Chưa đạt*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



(chia số HS trong lớp thành 2 nhóm) :

– GV làm thăm, mỗi nhóm bốc thăm và tự tập luyện để thực hiện điều khiển 3 – 4 động tác ĐHĐN.

– Sau khi các nhóm trình diễn xong, GV và HS cùng đánh giá mỗi nhóm theo mức :
Đạt ; Chưa đạt.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

GV giao cho mỗi nhóm về nhà tự viết các nội dung ĐHĐN đã học và thực hiện theo mẫu dưới đây



Thảo luận nhóm và mỗi cá nhân sẽ chọn ít nhất 2 – 4 bài tập để tự tập hằng ngày

Chủ đề

CHẠY NGẮN

(10 tiết)

I – MỤC TIÊU

– Biết tên, cách thực hiện một số trò chơi và các bài tập : Xuất phát từ một số tư thế khác nhau (Đứng mặt hướng chạy – xuất phát ; Đứng vai hướng chạy – xuất phát ; Đứng lưng hướng chạy – xuất phát) ; Chạy bước nhỏ ; Chạy gót chạm hông ; Chạy nâng cao đùi ; Đứng tại chỗ đánh tay ; Đi nhanh chuyển sang chạy ; Xuất phát cao – chạy nhanh các cự li 20 – 40m.

– Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên.

II – NỘI DUNG

Một số trò chơi rèn luyện phản xạ và phát triển sức nhanh. Một số động tác bổ trợ kỹ thuật các bài tập : Đứng mặt hướng chạy – xuất phát ; Đứng vai hướng chạy – xuất phát ; Đứng lưng hướng chạy – xuất phát ; Chạy bước nhỏ ; Chạy gót chạm hông ; Chạy nâng cao đùi ; Đứng tại chỗ đánh tay ; Đi nhanh chuyển sang chạy ; Xuất phát cao – chạy nhanh các cự li 20 – 40m.

III – CHUẨN BỊ

– GV : Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, tranh ảnh, còi, cờ nhỏ... theo yêu cầu của nội dung chủ đề.

– HS : Vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

IV – TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Bài 1

BÀI TẬP BỔ TRỢ CHẠY NGẮN (2 tiết)

- Đứng mặt hướng chạy – xuất phát ;
- Đứng vai hướng chạy – xuất phát ;
- Chạy bước nhỏ.
- Trò chơi do GV hoặc HS chọn

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



– GV tập trung lớp thành 4 hàng ngang phổ biến mục tiêu, nội dung bài học, sau đó cho HS chạy tốc độ trung bình khoảng 150 – 250m về thành đội hình vòng tròn

Chọn 2 – 3 HS mỗi HS lên điều khiển lớp chơi một trong các trò chơi sau : Nhảy lướt sóng ; Chạy theo hình tam giác ; Thăng bằng ; Lăn bóng ; Đi qua cầu ; Con sâu đo ; Kiểu người ; Chạy tiếp sức ném bóng vào rổ.

– GV biểu dương những HS điều khiển tốt.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

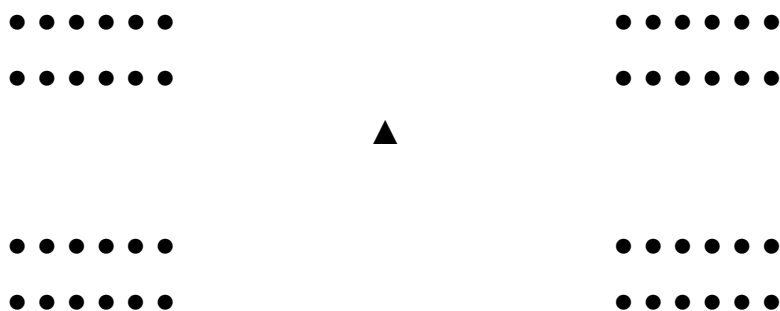


Tập hợp lớp thành 4 hàng ngang (mỗi bên 2 hàng) quay mặt về phía GV, quan sát GV làm mẫu động tác chạy bước nhỏ. Sau đó HS tự nghiên cứu và thực hiện 1 – 3 lần.



Chia lớp thành 4 nhóm, phân công trưởng nhóm về 4 góc, GV đứng trung tâm quan sát HS thực hiện động tác chạy bước nhỏ.

GV giới thiệu 2 động tác : Đứng mặt hướng chạy – xuất phát ; đứng vai hướng chạy – xuất phát. Giao nhiệm vụ cho các nhóm tự nghiên cứu và tập luyện 2 động tác.



– GV giới thiệu động tác đứng lưng hướng chạy – xuất phát. Giao nhiệm vụ cho các nhóm tự nghiên cứu và tập luyện động tác.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Trên cơ sở những hiểu biết về động tác mỗi HS tự nghiên cứu thực hiện bài tập xuất phát :

- Đứng mặt hướng chạy – xuất phát ;
- Đứng vai hướng chạy – xuất phát ;
- Chạy bước nhỏ.

GV quan sát và sửa chữa cho HS.



Nhóm trưởng điều khiển nhóm thực hiện đồng loạt

Từng nhóm tổ chức tự đánh giá kết quả thu hoạch của cá nhân theo 2 mức Đạt và Chưa đạt.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



(chia số HS trong lớp ghép thành 2 nhóm)

GV làm thăm, mỗi nhóm bắt thăm và tự tập luyện để thực hiện điều khiển các nội dung sau :

- Chạy bước nhỏ.
- Xuất phát từ các hướng khác nhau.

Nhóm còn lại quan sát và nhận xét đánh giá bạn tập.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

GV giao cho mỗi nhóm về nhà tự viết tên các nội dung đã học và tự tập các nội dung bài tập :

- Đứng mặt hướng chạy – xuất phát ;
- Đứng vai hướng chạy – xuất phát ;
- Chạy bước nhỏ.

Bài 2

BÀI TẬP BỔ TRỢ CHẠY NGẮN (2 tiết)

Bài tập xuất phát từ một số tư thế khác nhau :

- Đứng lưng hướng chạy – xuất phát ;
- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm hông ;
- Trò chơi.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



– GV tập trung lớp thành 4 hàng ngang phổ biến mục tiêu, nội dung bài học, sau đó cho HS chạy tốc độ trung bình khoảng 200 –250m về thành đội hình vòng tròn

– GV tập trung lớp thành một vòng tròn chơi trò chơi. Mỗi nhóm trưởng điều khiển lớp chơi một trò chơi phát triển sức nhanh, ví dụ chọn các trò chơi sau : Nhảy lướt sóng ; Chạy theo hình tam giác ; Thăng bằng ; Ai nhanh và khéo hơn ; Chạy theo vòng tròn tiếp sức ; Chạy theo tiếp sức ném bóng vào rổ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



GV giới thiệu nội dung, HS quan sát tự nghiên cứu theo nhóm các động tác sau :

- Đứng lưng hướng chạy – xuất phát ;

- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm hông ;
- Trò chơi (trò chơi phát triển sức nhanh).



Trên cơ sở những hiểu biết về động tác mỗi HS tự nghiên cứu thực hiện bài tập

- Đứng lưng hướng chạy – xuất phát ;
- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm hông ;



Mỗi nhóm chia thành nhiều cặp cứ 2 người thành 1 cặp tự ôn luyện các động tác trên, người tập người nhận xét.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Chia lớp thành 4 nhóm tập trung về 4 góc sân, nhóm trưởng điều khiển thay nhau điều khiển nhóm thực hiện

- Đứng lưng hướng chạy – xuất phát ;
- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm hông ;

Từng nhóm tự đánh giá kết quả thu hoạch của cá nhân theo 2 mức : *Đạt ; Chưa đạt.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



(chia số HS trong lớp ghép thành 2 nhóm)

GV làm thăm, mỗi nhóm bốc thăm và tự tập luyện để thực hiện các nội dung sau :

- Đứng mặt hướng chạy – xuất phát ;
- Đứng vai hướng chạy – xuất phát ;
- Đứng lưng hướng chạy – xuất phát ;

- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm mông ;
- Trò chơi.



(lớp chia thành 2 nhóm)

Mỗi nhóm điều khiển lớp thực hiện 3 – 4 động tác, GV và HS cùng đánh giá theo mức : *Đạt ; Chưa đạt.*

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG



Tuần tới gửi phiếu Tự đánh giá kết quả cho GV trước giờ hoạt động GDTC

Họ và tên: Lớp :

Thứ tự	Nội dung	Tự đánh giá mức độ thực hiện		
		Thực hiện được	Thực hiện cơ bản đúng	Chưa thực hiện được
1	Đứng mặt hướng chạy – xuất phát			
2	Đứng vai hướng chạy – xuất phát			
3	Đứng lưng hướng chạy – xuất phát			
4	Chạy bước nhỏ			
5	Chạy gót chạm mông			
6	Trò chơi phát triển sức nhanh			

Bài 3

BÀI TẬP BỒ TRỢ CHẠY NGẮN (2 tiết)

- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy nâng cao đùi ;
- Đứng tại chỗ đánh tay ;
- Một số trò chơi, bài tập phát triển sức nhanh (HS chọn).

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



– GV tập trung lớp thành 4 hàng ngang phổ biến mục tiêu, nội dung bài học, sau đó cho HS chạy tốc độ trung bình khoảng 200 – 300m khi về thành đội hình vòng tròn.

– GV giao cho HS điều khiển chơi trò chơi sau : Nhảy lướt sóng ; Chạy theo hình tam giác ; Thăng bằng ; Ai nhanh và khéo hơn ; Chạy nhanh theo số ; Chạy theo vòng tròn tiếp sức ; Chạy theo tiếp sức ném bóng vào rổ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



GV giới thiệu nội dung, HS quan sát tự nghiên cứu theo nhóm các động tác sau :

- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm hông ;
- Chạy nâng cao đùi ;
- Trò chơi (trò chơi phát triển sức nhanh).



Trên cơ sở những hiểu biết về động tác mỗi HS tự nghiên cứu thực hiện bài tập

- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm hông ;
- Chạy nâng cao đùi ;



Mỗi nhóm chia thành nhiều cặp cứ 2 người thành 1 cặp tự ôn luyện các động tác trên, người tập người nhận xét.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



(chia lớp thành 4 nhóm)

Nhóm tự điều khiển thực hiện nội dung sau :

Trên cơ sở những hiểu biết về động tác :

- Chạy bước nhỏ ;
- Chạy gót chạm mông ;
- Chạy nâng cao đùi ;
- Trò chơi (trò chơi phát triển sức nhanh).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



GV làm thăm, mỗi nhóm bắt thăm cử /phân công người điều khiển nhóm (người nhóm này điều khiển nhóm khác tập luyện).



(4 nhóm)

Từng nhóm tự đánh giá kết quả của người điều khiển theo 2 mức : *Đạt ; Chưa đạt.*

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- HS chọn một số động tác đã học để tự tập hằng ngày
- HS về tự thống kê động tác đã học và tự đánh giá theo mẫu phiếu sau:

Họ và tên

Lớp :

Tự đánh giá kết quả

Thứ tự	Nội dung	Tự đánh giá mức độ thực hiện		
		Thực hiện được	Thực hiện cơ bản đúng	Chưa thực hiện được
1	Đứng mặt hướng chạy – xuất phát			
2	Đứng vai hướng chạy – xuất phát			
3	Đứng lưng hướng chạy – xuất phát			
4	Chạy bước nhỏ			
5	Chạy gót chạm mông			
6	Trò chơi phát triển sức nhanh			

Tuần tới gửi phiếu cho GV trước giờ hoạt động GDTC

GV thu lại kết quả tự đánh giá của HS, theo dõi sự tiến bộ của HS

Chủ đề

BÓNG CHUYỀN MI NI

(14 tiết)

I – MỤC TIÊU

– Biết tên và cách thực hiện : Một số trò chơi và các bài tập : Tư thế chuẩn bị ; Di chuyển (Bước thường, sang ngang, chạy) ; Chuyển bóng cao tay bằng hai tay ; Một số động tác hỗ trợ kỹ thuật và phát triển thể lực.

– Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên.

– Vận dụng để tự tập.

– Phát triển năng lực phối hợp vận động, năng lực tự học và hợp tác... tính kỷ luật, tính tập thể.

II – NỘI DUNG

Một số trò chơi, động tác hỗ trợ kỹ thuật và phát triển sức mạnh tay ; Tư thế chuẩn bị ; Di chuyển (Bước thường, sang ngang, chạy) ; Chuyển bóng cao tay bằng hai tay.

III – CHUẨN BỊ

– GV : Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, tranh ảnh, còi, cờ nhỏ... theo yêu cầu của nội dung chủ đề.

– HS : Vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

IV – TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Bài 1

BÀI TẬP HỖ TRỢ BÓNG CHUYỀN – TRÒ CHƠI

(2 tiết)

– Tư thế chuẩn bị ;

– Chuyển bóng cao tay bằng hai tay.

– Trò chơi

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



GV cho HS chạy tốc độ trung bình khoảng 250m – 250m, khởi động các khớp / bài thể dục phát triển chung

Cả lớp đứng thành vòng tròn, chơi trò chơi : Nhóm ba, nhóm bảy ; Người thừa thứ ba hoặc trò chơi với Bóng chuyền (do GV chọn).



GV chia số HS trong lớp thành 4 nhóm và nêu câu hỏi :

1. Mỗi nhóm kể tên những động tác, bài tập, điều Luật Bóng chuyền mà em biết ?
2. Mỗi nhóm thực hiện 2 – 3 bài tập hoặc động tác về kĩ thuật bóng chuyền (gợi ý nội dung các động tác bổ trợ đã học hỗ trợ cho môn Bóng chuyền liên qua trong chạy ngắn, HS tự nghiên cứu, nhớ lại và từng nhóm thực hiện các động tác sau : Di chuyển, trò chơi, động tác kĩ thuật bóng chuyền.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Đội hình 4 nhóm GV giao cho 2 – 3 HS 1 quả bóng chuyền bắt đầu tung bóng và bắt bóng theo nhóm.



GV giới thiệu làm mẫu : Tư thế chuẩn bị và động tác chuyền bóng cao tay trước mặt bằng hai tay.



Mỗi HS tự nghiên cứu và tập thử (nhóm 2 – 3 HS) tung và bắt bóng bằng 2 tay trước trán, GV quan sát và sửa sai.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Trên cơ sở những hiểu biết về chuyền bóng cao tay HS tập theo nhóm 2 người.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



- GV chia số HS trong lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3 người thực hiện chuyền và bắt bóng qua người ở giữa.
- Chơi trò chơi không để bóng rơi.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

GV giao nhiệm vụ: HS nhờ cha mẹ hoặc anh chị em, bạn thân lập bộ sưu tập về chuyên đề Bóng chuyền.

Bài 2

BÀI TẬP BỔ TRỢ BÓNG CHUYỀN – TRÒ CHƠI (2 tiết)

- Tư thế chuẩn bị ;
- Chuyên bóng cao tay bằng hai tay.
- Trò chơi

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1

GV cho HS cả lớp đứng thành vòng tròn, chơi trò chơi Nhóm ba, nhóm bảy ; Người thừa thứ ba ; Chuyên và bắt bóng tiếp sức.



GV chia số HS trong lớp thành 4 nhóm và nêu câu hỏi

1. Em hãy cho biết chủ đề trước ta đã học nội dung gì (mỗi nhóm kể tên những động tác, bài tập đã học từ tuần trước) ?
2. Mỗi nhóm thực hiện 1 – 2 bài tập hoặc động tác về kĩ thuật bóng chuyền.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



(vẫn để nguyên vị trí 4 nhóm)

GV làm mẫu động tác giao cho 2 – 3 HS 1 quả bóng chuyền bắt đầu tung bóng và bắt bóng theo nhóm.



GV giới thiệu làm mẫu động tác chuyền bóng cao tay trước mặt bằng hai tay.



Mỗi HS tự nghiên cứu và tập thử (nhóm 2 – 3 HS) tung và bắt bóng bằng 2 tay trước trán, GV quan sát và sửa sai.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Trên cơ sở những hiểu biết về chuyền bóng cao tay, HS tập theo nhóm 2 người.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



(2 – 3 người)

Hoạt động tùy chọn 1 trong 2 nhóm bài tập :

- Chia nhóm (3 người/nhóm) thực hiện chuyền và bắt bóng qua người ở giữa.
- Chơi trò chơi không để bóng rơi.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Giao cho HS sưu tầm tranh ảnh kĩ thuật Bóng chuyền, tự tập kĩ thuật chuyền bóng cao tay

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN

Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH